

# INFO BOX F

—富士市多言語生活情報— ベトナム語版

『INFO BOX F』は、富士市に暮らす外国人に役立つ生活情報を集めた「情報BOX」です。  
『INFO BOX F』 là 「Hộp thông tin」 tập hợp những thông tin hữu ích dành cho người nước ngoài sống tại thành phố Fuji.



## Table of contents



### Động đất \_\_\_\_\_ 1

#### Khi rung lắc! \_\_\_\_\_ 1

- Chuẩn bị cho thảm họa động đất \_\_\_\_\_ 1

#### Biện pháp phòng chống thiên tai từ nhà ở của chúng ta \_\_\_\_\_ 1

- Phòng chống thiên tai là từ việc chuẩn bị lúc ngày thường \_\_\_\_\_ 1
- 8 chú ý khi động đất \_\_\_\_\_ 3
- Hãy hợp tác ở hội phòng chống thiên tai dân phòng!! \_\_\_\_\_ 4
- Phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng \_\_\_\_\_ 4
- Thông báo nhanh về động đất khẩn cấp \_\_\_\_\_ 4
- Nếu muốn liên lạc \_\_\_\_\_ 4
- Khi bị thương \_\_\_\_\_ 5



### Rác \_\_\_\_\_ 6

- Cam kết về việc vứt rác \_\_\_\_\_ 6
- Rác cháy được (mỗi tuần 2 lần) \_\_\_\_\_ 6
- Bao bì đồ đựng bằng nhựa (mỗi tuần 1 ngày) \_\_\_\_\_ 7
- Các loại rác chôn (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 7
- Chai lọ (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 8
- Chai nhựa PET (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 8
- Lon, rác kim loại (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 8
- Quần áo, chăn đệm (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 9
- Giấy cũ (mỗi tháng một lần) \_\_\_\_\_ 9
- Cành cây cắt tỉa (mỗi tuần một lần) \_\_\_\_\_ 10
- Các loại rác không được thu gom \_\_\_\_\_ 10
- Rác đi kèm với các hoạt động kinh doanh (rác từ những nơi như công ty, nhà máy, cửa hàng, bệnh viện, nhà hàng, v.v.) \_\_\_\_\_ 11
- Rác thải ra với số lượng lớn cùng một lúc (rác phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng dọn dẹp, v.v.) \_\_\_\_\_ 11
- Rác không thể xử lý (đồ nguy hiểm, đồ độc hại, đồ khó xử lý) \_\_\_\_\_ 12



### giáo dục \_\_\_\_\_ 13

- Hệ thống giáo dục Nhật Bản \_\_\_\_\_ 13
- Trường tiểu học trung học cơ sở \_\_\_\_\_ 14
  - ◆ Về học phí \_\_\_\_\_ 14
  - ◆ Giới thiệu về PTA \_\_\_\_\_ 14
  - ◆ Thời gian học tại trường tiểu học • Trung học cơ sở \_\_\_\_\_ 14

◆ Hoạt động ngoại khoá	15
◆ Các sự kiện trong năm của trường tiểu học (Tham khảo)	15
◆ Các sự kiện khác	15
● Lớp học quốc tế	16
● Trường học dành cho người nước ngoài	16
● Nhà trẻ, trường mẫu giáo, cơ sở giáo dục trẻ được chứng nhận, cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ cộng đồng, v.v.	17
◆ Trường mẫu giáo	17
◆ Trung tâm giữ trẻ	17
◆ Nhà trẻ được chứng nhận	18
◆ Cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng	18
● Trường cấp 3 ( Trường trung học phổ thông )	19
◆ Học cả ngày	19
◆ Thời gian cố định	19
◆ Học qua mạng	20
● Đại học, cao đẳng	20



### Hiệp hội tự quản \_\_\_\_\_ 21

● Hiệp hội tự quản (hiệp hội khu phố) là gì?	21
● Hiệp hội thị trấn (phường) và nhóm / nhóm	21
● Các hoạt động của hiệp hội khu phố	22
● Về hội phí	22



### Thủ tục cư trú \_\_\_\_\_ 24



### Phúc lợi \_\_\_\_\_ 25


#### Phúc lợi cho người khuyết tật \_\_\_\_\_ 25


● Giấy chứng nhận khuyết tật	25
◆ Sổ ghi chép của người khuyết tật	25
◆ Sổ ghi chép phục hồi chức năng	25
◆ Cẩm nang Phúc lợi và Sức khỏe Người khuyết tật tâm thần	25
● Những người mắc bệnh khó chữa	25
● Dịch vụ phúc lợi	25


#### Các chế độ như trợ cấp / trợ giá và chiết khấu (những chế độ chính) \_\_\_\_\_ 26

● Các chính sách trợ cấp hỗ trợ	26
● Các chính sách ưu đãi, giảm giá	26

#### Phúc lợi cho trẻ em \_\_\_\_\_ 27

• Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em	27
• Trợ cấp thiếu nhi	27
• Hệ thống trợ cấp chi phí y tế cho các gia đình đơn thân (tên sẽ được thay đổi từ ngày 1 tháng 7 năm Lệnh Hoà 3)	27
• Dịch vụ hỗ trợ nuôi con ngắn hạn	28
• Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em – Cho các hộ gia đình đơn thân –	28
• Trung tâm hỗ trợ gia đình	29
• Câu lạc bộ Thiếu nhi sau giờ học	29
• Trung tâm hỗ trợ nuôi trẻ	29
• Nhà thiếu nhi	30
Phúc lợi cho người cao tuổi	30
• Câu lạc bộ Yuyo (Câu lạc bộ người cao tuổi)	30
• Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực tại Thành phố Fuji	30
• Với những người sống một mình hoặc các hộ gia đình chỉ có người già	32
• Với những trường hợp chưa cần thiết phải chăm sóc	33
• Đối với những người già cần được giúp đỡ	33
• Hỗ trợ cho các hộ gia đình	34
Phúc lợi nói chung	34
• Các chế độ bảo hiểm điều dưỡng	34
• Hệ thống bảo trợ cuộc sống	34
• Bạo lực gia đình	35
• Cán bộ phúc lợi địa phương / ủy ban trẻ em	35
• Hệ thống hỗ trợ độc lập cho những người cần	36
• Trung tâm hỗ trợ giám hộ người cao tuổi	36
 Y tế và sức khỏe	37
Bệnh viện công lập	37
• Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji	37
◆ Người lần đầu khám bệnh (bệnh nhân mới)	38
◆ Người khám bệnh từ lần thứ 2 trở đi (tái khám)	38
• Bệnh viện đa khoa Kyoritsu Kanbara	39
◆ Bệnh nhân khám lần đầu	40
◆ Bệnh nhân tái khám	40
Bệnh viện tư và phòng khám	41
• Nếu có bệnh và bị thương vào Chủ Nhật, ngày lễ, ban đêm	41
◆ Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji (Nội khoa, nhi khoa, ngoại khoa)	41
◆ Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji (nha khoa)	42
Sức khỏe	42
• Sức khoẻ của người trưởng thành	42

◆ Tư vấn sức khỏe của người dân	42
◆ Tư vấn dinh dưỡng cho người dân	42
◆ Tư vấn sức khỏe xương	42
◆ Phòng chống bệnh lao	42
◆ Phòng chống ung thư (tính phí)	42
◆ Tiêm phòng cho người cao tuổi	43
◆ Tư vấn / xét nghiệm máu AIDS	43
● Sức khỏe bà mẹ và trẻ em	44
◆ Phát hành Sổ tay Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em (Parent and Child Health Handbook)	44
◆ Kinh doanh tăng cường dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em	44
◆ Cấp phiếu khám sức khỏe thai sản và phiếu khám sàng lọc thính lực trẻ sơ sinh	44
◆ Lớp học của bố và mẹ	44
◆ Thăm em bé	45
◆ Lớp ăn cho trẻ em	45
◆ Kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh	45
◆ Bắt đầu khóa học / sách cho bé 6 tháng tuổi Fuji	45
◆ Khám sức khỏe trẻ sơ sinh / Cuốn sách thứ hai Fuji (3 tuổi)	45
◆ Tư vấn bố, mẹ và trẻ (yêu cầu đặt trước)	45
◆ Dịch vụ trợ cấp chi phí điều trị vô sinh / chăm sóc trẻ em	46
◆ Đơn xin chăm sóc trẻ sinh non	46
◆ Tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm	46
● Thủ tục sau khi sinh con	47
● Yêu cầu thanh toán tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ	47
Bảo hiểm sức khỏe	48
● Bảo hiểm tham gia tại nơi làm việc (Bảo hiểm xã hội)	48
● Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	48
◆ Điều kiện tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	48
◆ Vật mang theo khi tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	49
◆ Vật cần thiết khi ra khỏi Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	49
● Tại bệnh viện	49
● Về thuế bảo hiểm	50
● Kiểm tra sức khỏe đặc biệt, hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt	50
 Tiền hưu trí quốc dân	51
● Cách thức thủ tục tham gia	51
◆ Phí bảo hiểm	51
◆ Khi gặp khó khăn trong việc thanh toán	51

• Tiền trợ cấp	51
◆ Lương hưu dành cho người già	52
◆ Trợ cấp dành cho người khuyết tật	52
◆ Lương hưu cơ bản	52
• Khi về nước	52
 Cuộc sống	53
Nhà ở	53
• Nhà ở công cộng	53
• Nhà ở thành phố	53
• Nhà ở của tỉnh	55
• Công ty bất động sản	55
Cuộc sống	56
• Điện / gas / nước	56
• Về cấp nước	57
• Về hệ thống nước thải	57
◆ Trong trường hợp như dưới đây phải nhanh chóng báo cáo :	57
◆ Về tiền nước máy và phí sử dụng nước thải.	58
Phiếu cư trú	59
◆ Đối tượng	59
◆ Địa điểm và ngày nộp đơn	59
◆ Những người có thể đăng ký	59
◆ Các phương thức phát hành hồ sơ khác	60
Đăng ký con dấu	61
• Cách thức đăng ký	61
Giấy chứng nhận đăng ký con dấu	64
Về mã số cá nhân	65
1. Mã số cá nhân là gì	65
2. Thông báo về mã số cá nhân	65
3. Trường hợp cần sử dụng mã số cá nhân	66
4. Thẻ mã số cá nhân (My Number) là gì?	66
5. Những chú ý khi sử dụng thẻ mã số cá nhân	67
6. Yêu cầu tư vấn liên quan đến việc sử dụng thẻ mã số cá nhân	68
Các loại hồ sơ khai báo	68
• Chuyển nhà	68
• Khai sinh	69
• Đăng ký kết hôn	69
• Khai qua đời	69

Vật nuôi, thú cưng _____	70
• Những người đang và bắt đầu nuôi chó cần thực hiện một _____	70
• Mèo _____	71
• Các loài thú cưng nói chung _____	71
• Hãy thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai cho vật uôi. _____	72
• Vì hoàn cảnh, bạn không thể tiếp tục nuôi, vui lòng tìm chủ sở hữu mới cho chúng. _____	72
Các qui định chung _____	72
• Cấm vứt rác _____	72
• Cấm thả rông chó mèo _____	72
• Cách qui định khi hút thuốc _____	72
• Cách đối ứng với những người vi phạm _____	73




Thuế _____	74
------------	----

Thuế quốc gia _____	74
• Thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt _____	74
• Thuế tiêu thụ và thuế tiêu thụ địa phương _____	75
Thuế địa phương _____	75
• Thuế cư trú _____	75
• Thuế ô tô (xe bốn bánh có dung tích trên 660cc) _____	76
• Thuế xe hạng nhẹ (xe máy và xe hạng nhẹ có dung tích từ 660cc trở xuống) _____	77
• Nơi nộp thuế địa phương _____	77
• Chuyển khoản (thanh toán tự động) _____	78
• Tư vấn nộp thuế _____	78



Thông tin về cơ sở hạ tầng _____	79
----------------------------------	----

Cơ sở hạ tầng văn hoá _____	79
• Trung tâm văn hóa thành phố Fuji (Nhà hát Hoa hồng) _____	79
• Bảo tàng nghệ thuật giấy / Fuji _____	79
• La Hall Fuji _____	79
• Bảo tàng Núi Phú Sĩ Kaguya Hime (Bảo tàng Thành phố) _____	80
• Trung tâm phát triển thị trấn _____	81
◆ Đăng ký nhóm _____	81
◆ Đăng ký để sử dụng _____	81
◆ Về việc hủy sử dụng _____	81
◆ Bạn không thể được vào trung tâm phát triển đô thị thành phố nếu vi phạm những điều sau _____	81
◆ Về góc dịch vụ công dân _____	83
• Thư viện _____	83
◆ Thư viện Trung tâm _____	84

◆ Thư viện phía Tây thành phố Fuji	84
◆ Thư viện Đông	85
◆ Thư viện Fuji Bunko	85
◆ Thư viện trung tâm Chi nhánh Imaizumi	85
◆ Thư viện Trung tâm Chi nhánh Takoura	86
◆ Thư viện Trung tâm Chi nhánh Obuchi	86
◆ Thư viện trung tâm Chi nhánh Fujikawa	86
◆ Degoichi Bunko	86
● Trung tâm giao lưu thành phố Fuji	87
● Phòng triển lãm giao lưu công nghiệp thành phố Fuji (Fujisan Messe)	87
● ASTY Shin Fuji	88
● Trạm ven đường, Fujikawa Rakuza	88
● Đường ga tàu Fuji	88
● Hội trường Fureai Fujigawa thành phố Fuji	89
● Cộng đồng Trung tâm Hoạt động Công dân Fuji f	89
Thể thao và Giải trí	90
● Hồ bơi Fuji Marine	90
● Công viên thể thao Fuji	90
● Sân vận động Fuji	91
● Sân vận động Fujikawa	91
● Hồ bơi Fuji	91
● Vương quốc trẻ em núi Phú Sĩ	92
Công viên	93
● Công viên trung tâm	93
● Công viên Iwamotoyama	93
● Công viên Hiromi	93
● Công viên tự nhiên Maruhi	94
● Công viên ngôi nhà thiên nhiên	94
● Trung tâm giáo dục thanh thiếu niên	94
● Công viên Harada	94
● Rừng Sudoyama	95
● Công viên Nodayama Kenko Ryokuchi	95
 Chữa cháy/Cấp cứu	96
Chữa cháy	96
● Nếu xảy ra đám cháy Gọi số 119	96
● Hãy chú ý những điều sau trong cuộc sống hằng ngày	96
● Nếu có đám cháy xảy ra	96



• Không hoảng hốt khi thông báo về đám cháy, và nói thật rõ ràng	96
Báo cháy khu dân cư	96
• Khi chuông báo động kêu	98
• Phương pháp kiểm tra	98
Cấp cứu	99
• Gọi xe cấp cứu!! Gọi số 119	99



Sự kiện	101
• Bảo tàng Fureai	101
• Điểm trung bày dưới chân núi Phú Sĩ	101
• Triển lãm thành phố Fuji	101
• Lễ hội Fuji	101
• Việc làm trẻ em	102
• Lễ hội kỹ năng thành phố Fuji	102
• Huấn luyện phòng chống thiên tai / đào tạo phòng chống thiên tai khu vực	102
• Ngày hội sức khỏe	103
• Lễ hội văn hóa tổng hợp thành phố Fuji	103
• Lễ hội phúc lợi công dân	103
• Hội chợ giao lưu quốc tế	104
• Lễ hội tại cảng Tagonoura	104
• Fuji Bousai	104
• Hội chợ trao đổi năng lượng sản xuất	104



## ĐỘNG ĐẤT

## 地震

Khi rung lắc!

### ● Chuẩn bị cho thảm họa động đất

Thành phố Fuji được dự đoán là có chấn động cực mạnh với cường độ địa chấn 6 hoặc hơn kéo dài liên tục 4 phút do siêu động đất Nankai Trough.

Chúng ta không thể ngăn chặn động đất, nhưng có thể làm giảm thiệt hại.

Mong tất cả mọi người từng người một chuẩn bị cho động đất ngay trong cuộc sống hàng ngày, cố định đồ đạc, đồ điện tử, để sẵn nhiều thức ăn và nước trong nhà.

### Biện pháp phòng chống thiên tai từ nhà ở của chúng ta

#### ● Phòng chống thiên tai là từ việc chuẩn bị lúc ngày thường

1. Chẩn đoán khả năng chịu rung lắc của ngôi nhà, tăng cường khả năng chịu rung lắc
  - ◆ Nhà gỗ trước tháng 5 năm 1981 có thể bị đổ do động đất. Hãy kiểm tra khả năng chịu rung lắc của nhà bạn. Thành phố có chẩn đoán khả năng chịu rung lắc miễn phí được thực hiện bởi các chuyên gia.
  - ◆ Nếu kết quả chẩn đoán khả năng chịu rung lắc cho thấy cần phải tăng cường khả năng chịu rung lắc thì có thể được hỗ trợ một phần chi phí tốn cho việc lên kế hoạch tăng cường và công trình tăng cường khả năng chịu rung lắc.

※ Để giải đáp thắc mắc liên quan đến việc chẩn đoán khả năng chịu rung lắc của nhà gỗ như nêu ở trên,  
Hãy gọi điện 55-2903 đến phòng hướng dẫn xây dựng Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji
2. Cố định đồ đạc để không đổ, rơi  
Trong trận động đất lớn Hanshin-Awaji và các động đất lớn sau đó cũng có nhiều người bị thương do đồ đạc bị đổ ngã, v.v. Phải cố định đồ đạc. Chú ý về các vị trí đặt đồ đạc như không để đồ đạc nặng trong phòng ngủ, v.v.
3. Quan trọng là ngày thường luôn chú ý để không gây ra hỏa hoạn
  - ◆ Nên đặt thiết bị dập lửa tự động chống địa chấn ở lò sưởi dầu hỏa, v.v.
  - ◆ Bảo quản dầu lửa, dầu nấu ăn, v.v. cách xa nơi có lửa.
  - ◆ Chuẩn bị sẵn bình chữa cháy và nước chữa cháy.
4. Tăng cường và đôi trụ cổng, hàng rào gạch block

ぐらっときたら！

### ● 地震災害に備えて

富士市は、南海トラフ巨大地震によって、震度 6 強のとても強い揺れが 4 分間続くと想定されています。

私たちは、地震を防ぐことはできませんが、被害を少なくすることはできます。

皆さんも、日ごろから一人一人が地震に備え、家具や家電の固定や食べ物や水を多めに家に置いておくなどの準備をお願いします。

### 我が家の防災対策

#### ● 防災はふだんの備えから

1. 家の耐震診断<地震の揺れに強い確認>・耐震補強<揺れに強くする工事>をする
  - ◆ 1981 年 5 月以前の木造住宅は地震により倒れる恐れがあります。自宅の耐震性を確認しましょう。市では専門家による耐震診断を無料で行っています。
  - ◆ 耐震診断の結果、耐震補強が必要になった場合は補強計画の作成や耐震補強工事にかかる費用の一部について補助を受けることができます。

※ 上記、木造住宅の耐震診断等に関わるお問い合わせについては、  
富士市役所 建築指導課  
電話 55-2903 まで
2. 家具を固定し、倒れない・落ちないようにする  
阪神・淡路大震災やその後の大きな地震でも、多くの人が、家具が倒れてケガ

5. Chuẩn bị sẵn thực phẩm, nước uống, toilet di động, đồ mang theo khi khẩn cấp  
 Hãy chuẩn bị sẵn đồ mang theo khi khẩn cấp sau đây để đủ động đất xảy ra lúc nào cũng có.

をしています。家具は必ず固定しましょう。寝る部屋に重い家具を置かないなど、家具を置く場所にも気を配りましょう。

3. 火災を出さないようにふだんの注意が大切

- ◆石油ストーブなどは対震自動消火装置つきが良い。
- ◆灯油、食用油などは火元から離して保管。
- ◆消火器や消火用水の準備をしておく。

4. 門柱、ブロック塀の補強や取り替えをする

5. 食料、飲料水、携帯トイレ、非常持出品を準備しておく

いつ地震が発生しても良いように、以下の非常持出品を用意しておきましょう。

Danh sách đồ mang theo khi khẩn cấp / 非常持ち出し品一覧



非常時持出品：Đồ mang theo khi khẩn cấp 点検しましょう：Hãy kiểm tra

Túi ngủ 寝袋	Chăn 毛布	Đồ lót 下着類	Khăn tắm タオル	Xà phòng せっけん
Bao tay 手ぶくろ	Mũ bảo hiểm ヘルメット	Dây thừng ロープ	Thuốc men cấp cứu 救急薬品	Khăn giấy ちり紙
Thực phẩm cho cả gia đình trong 3 ngày 家族3日分の食糧	Nước uống 飲料水	Nến ローソク	Đài phát thanh bán dẫn トランジスタラジオ	Thức ăn đóng hộp 缶づめ
Sữa ミルク	Sổ tiết kiệm 貯金通帳	Tiền mặt (tiền lẻ) 現金(小銭)	Đèn pin 懐中電灯	Diêm マッチ
Dao, đồ mở hộp ナイフ・缶切り	Con dấu 印かん			

※ Tích cực tham gia vào tập huấn phòng chống thiên tai để làm quen với cách sử dụng dụng cụ phòng chống thiên tai, v.v.

### ● 8 chú ý khi động đất

1. Đầu tiên bình tĩnh bảo vệ an toàn cơ thể
2. Chú ý sạt lở núi, sạt lở vách đá, sóng thần  
※ Những người sống ở vùng có dự báo sóng thần lũ lụt và những người gần biển lo ngại về sóng thần, hãy lánh nạn đến các kiến trúc cao như tòa nhà lánh sóng thần, và nơi đất cao.
3. Nếu cháy, chữa cháy sớm
4. Không đến gần đường hẹp, hàng rào, vách đá, sông  
※ Khi đi bộ bên ngoài, hãy đội mũ bảo hiểm và nón. Có thể các mảnh thủy tinh sẽ rơi xuống.
5. Đi bộ khi lánh nạn  
※ Không dùng xe hơi khi đi lánh nạn vì sẽ gây trở ngại cho các xe khẩn cấp đi lại như xe cấp cứu và xe cứu hỏa, v.v.
6. Cùng hợp tác để cứu nạn, cứu hộ sơ cứu  
※ Càng lúc khó khăn thì càng phải giúp lẫn nhau. Nếu giúp lẫn nhau như chữa lửa, cứu trợ, chống trộm, phát cơm thì sẽ tạo ra sức mạnh lớn. Hãy hợp tác với các hoạt động của hội phòng chống thiên tai dân phòng
7. Nhận thông tin chính xác  
※ Hãy nghe tin từ tivi, đài phát thanh, phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng để lấy thông tin chính xác.  
Chú ý đừng để bị hoang mang vì tin đồn và lời đồn vô căn cứ
8. Chú ý tuân thủ quy tắc, quản lý sức khỏe  
※ Khi gặp khó khăn ở chỗ lánh nạn, hãy trao đổi với viên chức thành phố, viên chức của hội phòng chống thiên tai dân phòng, cơ sở, v.v.

### ● 地震の心得 8 か条

1. まず落ち着いて身の安全を守る
2. 山崩れ、がけ崩れ、津波に注意  
※ 津波浸水想定区域にお住まいの方や、海に近く津波が心配の方は、津波避難ビルなどの高い建物や、高台に避難をしましょう。
3. 火が出たら初期消火
4. 狭い道、塀、がけ、川に近寄らない  
※ 外を歩く時はヘルメットや帽子をかぶりましょう。ガラスの破片などが落ちてくるかもしれません。
5. 避難は歩いてする  
※ 救急車や消防車などの緊急車両の通行に支障が出るので、避難に車は使わないようにしましょう。
6. 協力し合って救出・救助応急救護を  
※ 大変な時こそお互い助け合いましょう。消火、救助、防犯、炊き出しなど、助け合えば大きな力になります。自主防災会の活動にも協力しましょう。
7. 正しい情報を入手する  
※ テレビやラジオのニュー

### ● **Hãy hợp tác ở hội phòng chống thiên tai dân phòng!!**

Khi xảy ra động đất lớn, chỉ với sức của cá nhân thì có giới hạn. Tuy nhiên nếu mọi người ở khu lân cận hợp tác thì sẽ trở thành sức mạnh lớn. Trong từng tổ dân phố có hội phòng chống thiên tai dân phòng như là một tổ chức nhằm mục đích đó.

Hãy tham gia tích cực vào các hoạt động của hội phòng chống thiên tai dân phòng này, tuân theo phân công vai trò ngày thường đã được quyết định từ trước, liên tục tập huấn và ghi nhớ các hành động khi khẩn cấp.

### ● **Phát thanh vô tuyến đồng loạt cho dân chúng**

Để chuẩn bị cho các thảm họa như động đất và sóng thần, chúng tôi có lắp đặt loa tuyên truyền ngoài trời. Ngày thường chúng tôi phát thanh báo giờ hoặc các thông báo từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Ngoài ra, chúng tôi phát thanh tạm thời khi có động đất, hỏa hoạn hay có người thất lạc.

Khi có thông báo nhanh về động đất khẩn cấp thì hãy nhanh chóng có hành động bảo vệ cơ thể.

### ● **Thông báo nhanh về động đất khẩn cấp**

Được phát thanh vài giây trước khi động đất đến, nên hãy lập tức rời khỏi nơi nguy hiểm và bảo vệ an toàn cơ thể.

Câu phát thanh “[Âm thanh báo] Động đất. Động đất. Hãy cảnh giác rung lắc mạnh.”

Nếu ở gần tâm chấn, có thể phát thanh không kịp.

### ● **Nếu muốn liên lạc**

Đối với điện thoại dùng cho gia đình và điện thoại di động, nếu đường dây bị nghẽn thì điện thoại sẽ khó kết nối.

Hãy tận dụng dịch vụ Quay số để lại lời nhắn thảm họa “171”

ス、同報無線を聞いて正しい情報を得ましょう。

デマやうわさに惑わされないように注意しましょう。

8. ルールを守り、健康管理に注意  
※避難所で困ったときは、市の職員や自主防災会、施設の職員等に相談しましょう。

### ● **自主防災会で協力しあいましょう!!**

大地震が起きたときには、個人の力では限度があります。しかし、隣近所の人々が協力すれば大きな力となります。各町内会には、そのための組織として自主防災会があります。

この自主防災会の活動に積極的に参加し、普段からあらかじめ決められた役割分担に従い、訓練を重ね、緊急時の行動を体で覚えておきましょう。

### ● **同報無線放送**

地震や津波などの災害に備えて、屋外広報スピーカーを設置しています。普段は時報や市役所からのお知らせを放送しています。また、地震や火災、行方不明などの場合は臨時に放送します。

緊急地震速報が流れた時は、すばやく身を守る行動をとってください。

### ● **緊急地震速報**

地震が来る数秒前に放送されるので、直ちに危険な場所から離れて、身の安全を守ってください。

放送文「【アラーム音】 じしんです。 じしんです。 つよいゆれにけいかいしてください。」

なお、震源が近い場合には、放送が間に合わないことがあります。

### ● **連絡を取りたいときは**

家庭用電話や携帯電話は回線が込み合うと電話が繋がりにくくなります。

và dịch vụ để lại lời nhắn thảm họa.

Khi có thảm họa thì các dịch vụ viễn thông như các số điện thoại ưu tiên (điện thoại của nơi lánh nạn và điện thoại công cộng) và email, Internet sẽ dễ kết nối hơn.

#### ● Khi bị thương

16 địa điểm (tính theo đơn vị khu vực trường phổ thông cơ sở) đã được chỉ định làm nơi dự định mở phòng cứu hộ y tế, và chúng tôi sẽ xem xét tình hình thiệt hại trong khu vực, tình hình phát sinh người bị thương, khi cần thiết sẽ mở. Ở phòng cứu hộ, bác sỹ và y tá v.v. sẽ sơ cứu.

Trường hợp bệnh nặng thì sơ cứu ở phòng cứu hộ, rồi chuyển đến các bệnh viện cứu hộ như bệnh viện trung tâm thành phố.

Trường hợp bệnh nhẹ thì hãy xử lý bằng cách điều trị tại nhà hoặc đội cứu hộ của hội phòng chống thiên tai dân phòng.

災害伝言ダイヤル「171」サービスや災害伝言板サービスを活用しましょう。

災害時には優先電話(避難所の電話や公衆電話)やメール、インターネットなどの通信サービスの方が繋がりがやすくなります。

#### ●ケガをしたときは

- ・医療救護所の開設予定場所として16ヶ所(中学校区単位)を指定しており、地域の被害状況、負傷者の発生状況などを考えて、必要な時に開設します。救護所では医師や看護師等が応急手当を行います。
- ・ケガがひどい場合は、救護所で応急手当をして市立中央病院などの救護病院へ搬送します。
- ・ケガが軽い場合は、家庭や自主防災会の救護班などによる手当で対応してください。



Rác

Hãy cùng nhau hợp tác vì một thành phố sạch đẹp.

### ●Cam kết về việc vứt rác

1. Hãy vứt rác đúng nơi, đúng ngày, đúng loại rác theo quy định.
2. Hãy vứt rác trước 8:30 sáng.
3. Không được vứt rác ở những nơi khác, ngoài nơi đã được chỉ định.
4. Không vứt rác thuộc hệ kinh doanh.

Ngày vứt rác, nơi vứt rác được quy định theo từng hiệp hội khu phố.

Nếu không rõ, hãy hỏi chủ nhà, bất động sản cho thuê nhà hoặc hàng xóm.

Để biết chi tiết, xin vui lòng xem lịch "Cách phân loại rác, cách vứt rác".

Lịch vứt rác có ở Ban Đối sách chất thải của tòa thị chính hoặc trung tâm phát triển khu phố gần nhất, hãy dùng lịch đó.

Ngoài ra, tại Ban Đối sách chất thải có phát lịch vứt rác mà đã được dịch ra tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Trung, tiếng Tagalog, tiếng Việt, tiếng Indonesia

Dưới đây, chúng tôi xin hướng dẫn các nội dung cần chú ý về cách vứt từng loại rác.

### ●Rác cháy được (mỗi tuần 2 lần)

Rác tươi nấu ăn, giấy bản hay giấy có mùi nặng, nylon bản, nhựa không có dấu nhựa Plamark CD・DVD, đồ nội thất nhỏ, thảm, đệm, v.v.



<Nội dung cần chú ý>

- Hãy dùng túi chuyên dụng để vứt rác cháy được.
- Những thứ có nước thì hãy làm ráo nước đi.
- Những thứ có đầu nhọn như que xiên thì hãy bọc lại bằng giấy.
- Giấy cũ, bìa cứng thì hãy vứt vào đúng ngày vứt các loại giấy theo chỉ định.
- Trường hợp có lượng lớn rác thì hãy mang trực tiếp đến Trung tâm làm sạch môi trường mới.

ごみ

住みよいきれいなまちをつくるため、次のことにご協力ください。

### ●ごみ出しの約束

1. 決められた物を決められた日に決められた集積所（ごみを出す所）に出してください。
2. 朝 8 時 30 分までに出してください。
3. 決められた集積所以外の集積所に出さないでください。
4. 仕事で出たごみは出さないでください。

ごみを出す日、出す集積所は 町内会ごとに決まっています。

大家さん、不動産会社、または近所の人に聞いてください。


詳しくは「ごみの分け方、出し方」カレンダーを見てください。

カレンダーは、市役所の廃棄物対策課と、お近くのまちづくりセンターにあります。

また、ポルトガル語、スペイン語、英語、韓国語、中国語、タガログ語、ベトナム語、インドネシア語に翻訳したごみカレンダーを市役所の廃棄物対策課で渡しています。

ここでは、それぞれのごみの出し方の注意することをご案内していません。

### ●燃えるごみ（週 2 回）

台所の 生ごみ、汚れた 紙や においの強い 紙、汚れた ビニール、プラマーク（) のない プラスチック、CD・DVD、小型家具、じゅうたん、マットレス など。


注意すること

- 燃えるごみの 専用の 袋を 使って 出してください。
- 水分のあるものは、よく水分を取ってください。
- 竹串など 先の 鋭いものは、紙に包んでください。
- 古紙、ダンボールは、古紙類の

- Những chiếc thảm mà không vào vừa túi thì hãy cắt ra. (cắt thảm thành cỡ kích thước tối đa 50 ~ 60cm.)
- Nệm thì chỉ được vứt loại bằng mút. (Nệm lò xo là rác chôn.)

### ● Bao bì đồ đựng bằng nhựa (mỗi tuần 1 ngày)

“Đồ đựng” đã đựng sản phẩm hay “bao bì” bọc sản phẩm, mà làm bằng nhựa, nylon.

Nhận dạng bằng dấu nhựa  Plamark

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy cho vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt.
- Những thứ không làm sạch được, những thứ không có dấu nhựa Plamark, thì hãy vứt là rác cháy được.

### ● Các loại rác chôn (mỗi tháng một lần)

Các loại vật dụng có kích thước lớn (dụng cụ trong nhà có cỡ lớn bằng gỗ, ghế sofa, giường, nệm lò xo, v.v.)

Đồ điện gia dụng loại nhỏ ( quạt máy, máy hút bụi, máy game, v.v.)

Rác chôn (bóng đèn, dao kéo, đồ gốm sứ, thủy tinh, bình vỡ, sản phẩm tráng men, ván trượt tuyết, v.v.)

Ổng đèn huỳnh quang

Các loại pin khô

Các loại bình xịt thì hãy xài hết, không nên đục lỗ mà giữ nguyên sau đó cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.

Hộp quẹt sau khi đã xài hết hãy cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy phân loại riêng 7 loại rác ở nơi thu thập rác là rác cỡ lớn, đồ điện gia dụng loại nhỏ, rác chôn, ống đèn huỳnh quang, pin khô, bình xịt và hộp quẹt
- Đồ vỡ thì bắt buộc phải bọc bằng giấy ví dụ như giấy báo, rồi ghi rõ bên trong và cho vào túi trong suốt để vứt.
- Pin khô thì hãy cho vào lon màu đỏ được chỉ định và vứt tại đúng nơi quy định. (Hãy lấy ra khỏi túi.)
- Máy tính cá nhân thì chỉ khi mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới thì sẽ được thu miễn phí. (Không thu tại nơi thu thập rác.)
- Đối tượng: máy tính cá nhân, màn hình tinh thể lỏng, màn hình ống tia âm cực (CRT)

đến để vứt đi.

- lượng nhiều thì, tự mình mang đến Trung tâm làm sạch môi trường để vứt.
- Túi không chứa được thì, cắt ra để vứt. (50~60cm cỡ lớn để vứt.)
- Mattress chỉ là sponge. (Spring Mattress là rác chôn.)

### ● Plastic container packaging (1 week)

商品が入っていた「容器」や商品を包んでいた「包装」で、プラスチック、ビニールでできているもの。

プラマーク(  )が目印です。

<注意すること>

- 資源物の専用の袋に入れて出してください。
- 汚れが取れないもの、プラマークのついていないものは、燃えるごみに出してください。

### ● 埋立ごみなど (月 1 回)

粗大ごみ (木でできた大きい家具、ソファ、ベッド、タンス、Spring Mattress など)

小型家電製品 (扇風機、掃除機、ゲーム機 など)

埋立 (電球、刃物、せともの、ガラス、割れびん、ホーロー製品、スキー板 など)

蛍光管

乾電池

スプレー缶 (中を空にし、穴をあけずに無色透明の袋に入れて出してください。)

使い捨てライター (無色透明の袋に入れて出してください。)

注意すること

- 集積所に粗大ごみ、小型家電製品、埋立、蛍光管、乾電池、スプレー缶、使い捨てライターの7つに分けてください。
- 割れているものは、必ず新聞紙などに包んで中味を書いて、無色透明な袋に入れて出してください。
- 乾電池は集積所に置かれた赤い缶に入れてください。(袋から出してください。)



- Đối với những thứ khó phán đoán, xin vui lòng liên hệ với người phụ trách thu gom của Trung tâm làm sạch môi trường mới (điện thoại 0545-35-0081).

• パソコンは 新環境クリーンセンターへの 持ち込み だけです。無料で 引き取ります。(集積所には 出せません。)

対象：パソコン本体、液晶ディスプレイ、ブラウン管 (CRT) ディスプレイ

• 分からないものは 新環境クリーンセンターの 収集担当 (電話 0545-35-0081) へ 質問してください。

### ●Chai lọ (mỗi tháng một lần)

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy xếp nằm vào thùng chứa cho đến khoảng đầy 8 phần thùng.
- Phải bỏ hết ruột trong chai lọ và rửa sạch.
- Chai lọ vỡ thì hãy vứt làm rác chôn.
- Nắp bằng kim loại thì hãy vứt cùng lon, rác kim loại, nắp nhựa thì hãy vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.
- Các sản phẩm thủy tinh, pha lê, chai lọ mỹ phẩm màu trắng sữa, tấm thủy tinh, ống đèn huỳnh quang và đồ gốm sứ hãy vứt làm rác chôn.

### ●びん類 (月 1 回)

<注意すること>

- コンテナに横に並べて 80% くらいまで 入れてください。
- びんは中身を必ず空にして 洗ってください。
- 割れたびんは埋立ごみに出してください。
- 金属製のキャップは 缶、金属類、プラスチックキャップは プラスチック製容器包装へ 出してください。
- クリスタルガラス製品、乳白色のびん、板ガラス、蛍光管、せともものは埋立ごみへ 出してください。


### ●Chai nhựa PET (mỗi tháng một lần)

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy tháo nắp, rửa ruột chai và làm ráo nước kỹ. (Nắp thì hãy vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.)
- Hãy đập bẹp nhẹ và cho vào lưới thu gom.
- Nhận dạng bằng dấu PET 1 mà có chủ yếu ở các loại chai nhựa đựng đồ uống.
- Hãy bóc nhãn và vứt cùng bao bì đồ đựng bằng nhựa.

### ●ペットボトル (月 1 回)

<注意すること>

- キャップをはずし、中を洗ってよく水分を取ってください。(キャップはプラスチック製容器包装へ出してください。)
- 軽く踏みつぶしてから回収ネットへ入れてください。
- 主に飲み物についているペット 1 マーク (  ) が目印です。
- ラベルははずして、プラスチック製容器包装へ出してください。

### ●Lon, rác kim loại (mỗi tháng một lần)

Hãy cho lon vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt. (lon đồ uống, lon đồ đóng hộp, nắp bằng kim loại, các loại lon từ 4L trở xuống)

Các đồ kim loại, không bỏ vào bao rác mà để nguyên và mang đi vứt (nồi, ấm đun nước, lò vi sóng, bếp ga, máy nướng bánh mì, máy may, móc treo kim loại, xe đạp, tôn, v.v.)

<Nội dung cần chú ý>

- Lon thì hãy rửa ruột lon và cho vào túi chuyên dùng cho

### ●かん、金属類 (月 1 回)

かんは、資源物の専用の袋に入れて 出してください。(飲み物のかん、缶詰の かん、金属製のキャップ、4L より 小さい かん)

金属類は、袋に入れないでそのまま 出してください。(なべ、やかん、電子レンジ、ガスレンジ、トースター、ミシン、針金ハンガー、自転車、スチールタン など)

rác tái chế.

- Không làm bẹp lon mà để nguyên và mang đi vứt.
- Các loại bình xịt thì hãy xả hết, không nên đục lỗ mà giữ nguyên sau đó cho vào túi trong suốt và mang đi vứt.
- Hãy phân loại lon và các đồ dùng kim loại trước khi mang đi vứt.
- Tiêu chuẩn của rác kim loại là các vật được làm từ nguyên liệu 80% là kim loại.
- Đinh hay rác kim loại nhỏ thì hãy cho vào lon nhỏ v.v rồi ghi rõ bên trong, và cẩn thận để không làm đổ.
- Sản phẩm men thì hãy vứt làm rác chôn.
- Lò sưởi dầu hỏa v.v thì bắt buộc phải lấy dầu hỏa ra trước khi mang đi vứt.

### ● Quần áo, chăn đệm (mỗi tháng một lần)

Các loại trang phục, giày dép, các loại đồ nhỏ thì cho vào túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vứt. (Quần áo ví dụ như áo phông, vải lông cừu, quần dài v.v, các loại vải như khăn lau, đồ da như giày, túi, thắt lưng v.v)

Chăn đệm, chăn mỏng thì hãy buộc lại bằng dây và vứt.

<Nội dung cần chú ý>

- Hãy giặt và làm khô đồ trước khi vứt.
- Hãy phân loại để vứt các đồ nhỏ ví dụ như quần áo, vải, giày, túi hay thắt lưng.
- Giày thì chỉ giới hạn các loại giày có đủ đôi trái và phải. Nếu giày bị hỏng hoặc không đủ đôi thì vứt cùng rác đốt.
- Dép, ủng thì không được thu gom. Hãy vứt cùng rác đốt.
- Khi trời mưa thì đừng vứt chăn đệm, chăn mỏng.
- Những đồ quá bẩn, gối, đệm ngò, gối ôm, thảm thì hãy vứt cùng rác đốt.

### ● Giấy cũ (mỗi tháng một lần)

Báo, tạp chí, bìa cứng, thùng cactong, hộp nước uống bằng giấy (loại bên trong có màu trắng), các giấy khác

<Nội dung cần chú ý>

- Báo, tạp chí, bìa cứng, thùng cactong, hộp nước uống

chú ý

- かんは、中を洗って資源物の専用の袋に入れてください。
- かんは、つぶさないで出してください。
- スプレー缶は、中を空にし、穴をあけずに無色透明の袋に入れて、「埋立等」の日に出してください。
- かんと金属類は分けて出してください。
- 金属類の基準は素材の80%以上が金属で作られているものです。
- 釘や小さな金属は、小さなかんなどに入れて中身を書いて、こぼれないようにして出してください。
- ホーロー製品は、埋立ごみに出してください。
- 石油ストーブなどは、灯油を必ず抜いてください。

### ●衣類、ふとん類 (月1回)

衣類や靴、小物類は、資源物の専用の袋に入れて出してください。(Tシャツ、フリース、ズボンなどの衣服、タオルなどの布類、靴類、かばん、ベルトなどの革製品)

ふとん、毛布はひもでしばって出してください。

<注意すること>

- 洗って乾かしたものを教えてください。
- 「衣類と布類」、「靴類」、「バッグやベルトなどの小物類」に分けて出してください。
- 靴類は左右がそろっているものだけです。そろっていないものや壊れたものは燃えるごみに出してください。
- サングル、ブーツは収集できません。燃えるごみに出してください。
- 雨の日はふとん、毛布を出さないでください。
- ひどく汚れているもの、枕、座布団、クッション類、じゅうたんは燃えるごみに出してください。

### ●古紙類 (月1回)

新聞紙、雑誌、ダンボール、飲料用紙パック類(内側が白いもの)、その他の紙

bằng giấy, hãy phân loại thành từng loại và buộc bằng dây giấy.

- Tờ rơi thì gộp chung vót cùng với báo.
- Sách, truyện tranh thì vót cùng với báo, tờ rơi.
- Thùng cactong, bìa cứng thì hãy rọc ra và chồng lên nhau.
- Hộp nước uống bằng giấy thì hãy rửa rồi rọc ra và làm khô.
- Các loại giấy khác như hộp giấy, túi giấy, phong bì giấy, buru thiếp, giấy gói, giấy vẽ, cốc giấy v.v. Hãy vót bằng một trong những cách là bỏ vào túi giấy, chồng lên nhau và buộc lại, bọc bằng giấy bọc v.v, cho vào túi túi chuyên dùng cho rác tái chế và mang đi vót.
- Cho dù ngày thu gom trời mưa thì vẫn tiến hành thu gom.
- Dây buộc thì hãy dùng dây bằng giấy.

### ●Cành cây cắt tỉa (mỗi tuần một lần)

Cành cây đã được cắt tỉa từ cây trong vườn.

<Nội dung cần chú ý>

- Thu gom tại nơi thu thập rác cháy được vào thứ tư hàng tuần.
- Cần phải đăng ký trước. Bắt buộc phải đăng ký lên Trung tâm làm sạch môi trường mới muộn nhất là thứ ba.
- Trung tâm làm sạch môi trường mới  
Điện thoại 0545-35-0081  
Giờ tiếp nhận 8:30 - 17:00 từ thứ hai đến thứ sáu (bao gồm ngày lễ).
- Hãy cắt nhỏ cành khoảng cỡ thành độ to đường kính là 10cm, chiều dài 50cm, rồi bó gom lại.  
Cỏ, lá rụng, tre, cây có độc, gỗ thải, v.v thì không thể tái chế, hãy vót cùng rác đốt.

### ●Các loại rác không được thu gom

Các loại đồ điện gia dụng theo luật tái chế (Tivi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, máy sấy quần áo)

<Nội dung cần chú ý>

Các sản phẩm đồ điện gia dụng theo luật tái chế thì thành phố sẽ không thu gom.

- Nếu không được mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới, hãy chọn một trong các cách xử lý và vót rác dưới đây.

① Tự mang rác đến công ty cổ phần Shinohara Sangyo, có

<注意すること>

- 新聞紙、雑誌、ダンボール、紙パックは、種類ごとに分けて紙ひもでしばってください。
- 新聞と一緒に入っているチラシは新聞と同じです。
- 厚い本やマンガは雑誌と同じです。
- ダンボールは開いてから束ねてください。
- 飲料用紙パックは洗って開き、乾かしてください。
- その他の紙は、紙箱、紙袋、紙封筒、葉書、包装紙、画用紙、紙コップなどです。紙袋に入れる、重ねてしばる、包装紙等で包む、資源物の専用の袋に入れる、のいずれかの方法で出してください。
- 収集日が 雨でも収集を行います。
- しばるひもは紙ひもを使ってください。

### ●剪定枝 (週 1 回)

庭木を 剪定した 枝です。

注意すること

- 毎週 水曜日に 燃えるごみの 集積所で 収集します。
- 予約が 必要です。 火曜日までに 必ず 新環境クリーンセンターへ 申し込んで ください。  
新環境クリーンセンター 電話 0545-35-0081  
受付時間 月曜日から 金曜日 (祝日も可) 8時30分~17時
- 枝の 太さは 直径10cm、長さ 50cm 程度までに 切り、 しばって まとめて ください。
- 草、 落ち葉、 竹、 毒性のある木は リサイクル できません。燃えるごみに 出して ください。

### ●収集しないごみ

家電リサイクル法の 対象品 (テレビ、 冷蔵庫・冷凍庫、 洗濯機、 エアコン、 衣類乾燥機)

注意すること

- 家電リサイクル法の 対象品は 市では 収集しません。
- 新環境クリーンセンターへの 持ち込みは できません。 次の いずれかの 方法で 処分して ください。

① (株) 篠原産業へ 自分で 持ち込

mất phí tái chế.

Công ty cổ phần Shinohara Sangyo

Địa chỉ 2608-43, Nakazato Fuji-shi.

Điện thoại: 0545-32-2160 (cần liên lạc trước)

- ② Người thu gom rác sẽ đến tận nhà để thu rác, có mất phí tái chế và vận chuyển.

Vui lòng liên hệ đến quầy tư vấn thu gom: Hợp tác xã chất thải thông thường của thành phố Fuji (Điện thoại: 0545-72-5353)

Tùy thuộc vào công ty thu gom rác mà phải trả trước phí tái chế, vận chuyển.

- ③ Khi cần thay đổi, mua mới các đồ điện gia dụng, có thể yêu cầu các tiệm đồ điện, có mất phí tái chế và vận chuyển.

● **Rác đi kèm với các hoạt động kinh doanh (rác từ những nơi như công ty, nhà máy, cửa hàng, bệnh viện, nhà hàng, v.v.)**

Rác thuộc hệ kinh doanh thì thành phố sẽ không thu gom. Hãy chọn một trong các cách xử lý và vứt rác dưới đây.

- Rác thuộc hệ kinh doanh thì hãy mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới, đăng ký xử lý rác qua Hợp tác xã chất thải thông thường của thành phố Fuji (điện thoại 0545-72-5353).
- Rác không cháy được thuộc hệ kinh doanh (các loại bao nhựa) thành phố không thu gom. Hãy liên hệ đến quầy tư vấn hiệp hội chất thải sản nghiệp tỉnh Shizuoka (điện thoại 054-255-8285). Chú ý thu gom rác có tốn phí.

● **Rác thải ra với số lượng lớn cùng một lúc (rác phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng dọn dẹp, v.v.)**

- Sau khi liên lạc, hãy mang đến Trung tâm làm sạch môi trường mới (điện thoại 0545-35-0081) đăng ký xử lý rác qua Hợp tác xã chất thải thông thường của thành phố Fuji (điện thoại 0545-72-5353)
- Thời gian làm việc tại Trung tâm làm sạch môi trường mới từ Thứ Hai ~ Thứ Sáu 8:30 ~ 12:00 / 13:00 ~ 16:00  
Thứ Bảy (Yêu cầu liên hệ đặt trước) Từ 8:00 ~ 11:00
  - Vào các ngày thứ 7 và ngày nghỉ lễ cuối năm, đầu năm, hãy gọi điện liên hệ trước khi mang rác đến trung tâm sạch môi trường mới. Có thể đặt trước thông qua hệ thống tại trang "Thông tin Cơ sở hạ tầng công cộng thành phố Fuji / Hệ thống đặt chỗ" hoặc hẹn trước qua điện thoại 0545-30-6636).

み、リサイクル料金を支払う。

(株) 篠原産業 住所: 富士市中里 2608-43 電話: 0545-32-2160 (要事前連絡)

- ② 収集運搬業者に 家まで 取りに来てもらい、リサイクル料金と運搬料金を支払う。

相談先: 富士市一般廃棄物協同組合 (電話 0545-72-5353)

※収集運搬業者によっては、事前に 郵便局で リサイクル料金を支払う 必要があります。

- ③ 家電の 買い替えるときに、家電量販店に 処分を 依頼し、リサイクル料金と 運搬料金を 支払う。

● 事業活動で 出た ごみ (会社、工場、商店、病院、飲食店などから 出る ごみ)

事業活動で 出た ごみは 市では 収集しません。次の 方法で 処理してください。

- 事業系の 一般廃棄物 は、新環境クリーンセンターに 自分で 持ち込むか、富士市一般廃棄物協同組合 (電話 0545-72-5353) に 処理を 申し込んでください。どちらも 有料です。
- 産業廃棄物 (プラスチックなど) は、市では 処理しません。静岡県産業廃棄物協会 (電話 054-255-8285) に 相談してください。

● 一度に 多くの 量が出る ごみ (引っ越し、大掃除などから 出る ごみ)

- 新環境クリーンセンター (電話 0545-35-0081) へ 連絡してから 自分で 持ち込むか、富士市一般廃棄物協同組合 (電話 0545-72-5353) に 処理を 申し込んでください。
- 新環境クリーンセンターの受入時間  
月～金曜日 8時30分から12時まで / 13時から16時まで  
土曜日 (要予約) 8時30分から11時まで
- 土曜日と年末年始に、新環境クリーンセンターにごみを持ち込む場

合は予約が必要です。  
市のウェブサイト「富士市公共施設案内・予約システム」または予約専用ダイヤル（電話 0545-30-6636）から予約できます。

●**Rác không thể xử lý (đồ nguy hiểm, đồ độc hại, đồ khó xử lý)**

Các loại bình ga, lốp xe, dầu thải, hóa chất, phụ tùng ô tô, pin

- Hãy mang ra các cửa hàng bán, các cửa hàng mua lại.
- Các loại bình ga thì mang cho công ty xử lý gas propan.
- Đối với những thứ khó phán đoán, xin vui lòng liên hệ với người phụ trách thu gom của Trung tâm làm sạch môi trường mới (điện thoại 0545-35-0081).

- 処理できない ごみ（危険物、有害物、処理困難物）  
ボンベ類、タイヤ、廃油、薬品、自動車部品、バッテリー
- ・販売店、買った店で引き取ってもらってください。
- ・ガスボンベ類はプロパンガスを扱うガス会社へ。
- ・分からないものは新環境クリーンセンターで確認してください。（電話 0545-35-0081）



giáo dục

教育

### ● Hệ thống giáo dục Nhật Bản

Hệ thống không bắt buộc gồm 6 năm tiểu học và 3 năm trung học cơ sở.

Sau đó, là trung học phổ thông (3 năm) và đại học (4 năm, đại học ngắn hạn 2 năm).

Ngoài ra, còn có các trường dạy nghề và nhiều trường dạy kỹ năng chuyên biệt và kiến thức nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Giải thích ngắn gọn được trình bày như dưới đây

#### 1. Dưới 6 tuổi

Mẫu giáo, nhà trẻ, các cơ sở giáo dục trẻ em được chứng nhận

#### 2. 7 đến 12 tuổi Tiểu học (6 năm) giáo dục bắt buộc

#### 3. 13 đến 15 tuổi Trung học cơ sở (3 năm) giáo dục bắt buộc

#### 4. 16-18 tuổi Trung học phổ thông (3 năm) hoặc 16 đến 20 tuổi trường trung học chuyên môn v.v.

#### 5. 19-22 tuổi Đại học (4 năm) hoặc 19 đến 20 tuổi đại học ngắn hạn (2 năm) hoặc trường chuyên môn (2 năm), v.v.

Trong đó, tính từ ngày 1/4 trẻ em có độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi bắt buộc phải đi học (năm học của Nhật Bản bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau).

Ngoài ra, còn có các trường quốc lập, trường công lập do các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương điều hành, và các cơ sở tư nhân do các tập đoàn trường học điều hành.

Trẻ em có quốc tịch nước ngoài không bắt buộc phải theo học tại các trường học của Nhật Bản, nhưng việc đi học là cần thiết nhưng để có được các kiến thức xã hội và học vấn cơ bản cần thiết để trưởng thành và hoà nhập với trẻ em cùng thế hệ ở Nhật Bản.

### ●日本の教育制度

小学校の入学前は選択制で、小学校6年間、中学校3年間は義務教育となっています。

その後、高校(3年間)、大学(4年間・短期大学2年間)で教育を受けることができます。

そのほかにも、中学校や高校の卒業生等を対象にして、専門の技術や、職業知識を教える専門学校や各種学校があります。簡単に説明すると以下のとおりです。

#### 1. 6歳まで

幼稚園、保育園、認定こども園

#### 2. 7～12歳

小学校(6年)義務教育

#### 3. 13～15歳

中学校(3年)義務教育

#### 4. 16～18歳

高校(3年)または16～20歳高等専門学校(5年)など

#### 5. 19～22歳

大学(4年)または19～20歳短期大学(2年)または専門学校(2年)など

この中で、4月1日現在の年齢が6歳から14歳の子どもは必ず学校に通います(日本の学校の一年は4月に始まり、翌年の3月に終わります)。

また、学校の運営には、国が運営をする国立、都道府県や市町村が運営する公立、学校法人等が運営する私立があります。

外国籍の子どもは日本の学校に就学する義務はありませんが、大人になった時のために必要な社会性や基礎学力を身に付け、また、日本の同世代の子どもたちとの交流を深めるためにも、学校へ行くことが役に

## ● Trường tiểu học trung học cơ sở

Đối với việc nhập học vào các trường tiểu học và trung học cơ sở, phụ huynh có thể đăng ký cho trẻ vào học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở ở nơi sinh sống bằng cách đăng ký bằng thẻ cư trú cùng con.

Thông tin tuyển sinh cho các trường tiểu học và trung học cơ sở (tiếng Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Philippin, Anh, Trung Quốc) có tại Phòng Giáo vụ.

Đối với trẻ khuyết tật về thể chất và tinh thần, sẽ có trường và lớp học riêng để phục vụ việc học cho các em, hãy trao đổi với phòng giáo vụ.

### ◆ Về học phí

Học sinh học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập của thành phố sẽ được miễn học phí và tiền sách giáo khoa. Tuy nhiên, phụ huynh sẽ trả tiền cho đồ dùng học tập, các hoạt động ngoại khoá, các chuyến đi học bên ngoài và ăn uống.

Sẽ có chế độ hỗ trợ học phí, vì thế nếu phụ huynh gặp khó khăn khi thanh toán các khoản phí này vì lý do tài chính, vui lòng trao đổi với trường hoặc bộ phận học vụ của trường.

### ◆ Giới thiệu về PTA

Đây là một tổ chức bao gồm phụ huynh và giáo viên, nhằm mục đích dựa vào sự hợp tác của phụ huynh và giáo viên để thực hiện nhiều hoạt động khác nhau vì sự phát triển lành mạnh của các em học sinh trong cộng đồng và trường học cũng như cải thiện môi trường học đường. Đây là tổ chức giáo dục do mỗi trường tổ chức và hoạt động độc lập.

### ■ Liên hệ

Hiệp hội giáo dục thành phố Fuji phòng giáo vụ

Điện thoại : 0545-55-2868

### ◆ Thời gian học tại trường tiểu học · Trung học cơ sở

Tùy theo trường tiểu học, cấp, lớp và ngày mà có lịch học khác nhau, nhưng nhìn chung đều giống nhau buổi sáng học 4 tiếng, buổi chiều 2 tiếng, mỗi tiết 45 phút.

Các lớp nhỏ thường có giờ tan trường tầm từ 3 đến 4 giờ chiều.

Trung học cơ sở cũng buổi sáng học 4 tiếng, buổi chiều 2 tiếng, mỗi tiết 50 phút.

lưu ý để tránh hiểu lầm.

## ● 小学校・中学校

小学校・中学校への入学は、保護者の方が子ども同伴で在留カードをもって申し込むことにより、住んでいる地区の小学校・中学校に入学できます。

小・中学校への入学案内（ポルトガル語・スペイン語・フィリピン語・英語・中国語）は、学務課に用意してあります。

心身に障害があるお子さんについては、対象となる学校や学級がありますので、学務課の窓口にて相談してください。

### ◆ 費用について

市立小学校、中学校に通学する際、授業料や教科書の費用は無料です。

しかし、学用品費、校外活動費、修学旅行費、給食費などの費用は、保護者が支払います。

経済的な理由で、これらの支払いに困るときは、就学費の援助制度がありますので、学校または学務課に相談してください。

### ◆ PTAについて

児童生徒の父母と教師によって構成された団体で、父母と教師が協力し、地域や学校での児童生徒の健全な成長や、学校環境の向上等のためにいろいろな活動を行うことを目的とし、各学校単位に組織され自主的に運営される教育団体です。

### ■ 問い合わせ

教育委員会 学務課

電話 : 0545-55-2868

### ◆ 小学校・中学校の日課

小学校は、学校や学年、曜日によって違いますが、概ね、午前4時限、午後2時限で、1時限は45分です。

児童の下校時刻は概ね午後3時から午後4時くらいです。

Sau giờ học thì các học sinh sẽ được tham gia thực hành các hoạt động của câu lạc bộ mà mỗi học sinh lựa chọn. Thời gian học sinh tan học đại khái từ 4 giờ chiều đến 6 giờ chiều.

#### ◆ Hoạt động ngoại khoá

Ở trường trung học cơ sở, sau giờ học, học sinh tự giác làm quen với thể dục thể thao, văn hóa, khoa học... và có một hoạt động là sinh hoạt câu lạc bộ nhằm phát huy tinh thần đoàn kết giữa các em học sinh. Theo quy định chung, mọi học sinh ở thành phố Fuji phải tham gia các hoạt động của câu lạc bộ.

Học sinh có thể tự do lựa chọn các hoạt động câu lạc bộ, và mặc dù có một số khác biệt tùy theo từng trường, nhưng có rất nhiều câu lạc bộ khác nhau như câu lạc bộ bóng chày, câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ quần vợt, câu lạc bộ chạy marathon, câu lạc bộ nhạc gió, câu lạc bộ nghệ thuật, v.v.

#### ◆ Các sự kiện trong năm của trường tiểu học (Tham khảo)

Các sự kiện chính diễn ra trong năm ở trường tiểu học như sau. (Các sự kiện và thời gian tổ chức có thể khác nhau tùy thuộc vào từng trường tiểu học.)

<Kỳ đầu tiên>

Tháng 4 Khai giảng, lễ khai giảng, lớp an toàn giao thông

Tháng 5 có thể thăm các gia đình / dã ngoại

Tháng 6 khai mạc hồ bơi / Đại hội thể thao

Kỳ nghỉ hè từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 8

Tháng 9 huấn luyện sơ tán phòng chống thiên tai

Tháng 10 lễ tổng kết

<Ngày>

Tháng 10 khai giảng / khám sức khỏe học đường

Tháng 11 mùa đọc sách

Kỳ nghỉ đông từ cuối tháng 12 đến đầu tháng 1

Tháng 2 Phiên họp thông tin mới dành cho phụ huynh lớp 1

Lễ bế giảng tháng 3 / lễ tốt nghiệp

Kỳ nghỉ xuân từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4

#### ◆ Các sự kiện khác

- Dã ngoại

Đây là một chuyến đi trong ngày để thăm công viên và núi

中学校は、午前4時限、午後2時限で、1時限は50分です。放課後には、生徒それぞれが所属する部活動の練習に参加します。生徒の下校時間は概ね午後4時から午後6時くらいです。

#### ◆ 部活動

中学校には放課後に、生徒が自主的にスポーツや文化、科学等に親しむとともに、生徒同士の連帯をはかる部活動という活動があります。原則として、富士市では全員部活動に加入することになっています。

部活動は生徒が自由に選択でき、各校によって多少違いはありますが、野球部、サッカー部、テニス部、陸上部や吹奏楽部、美術部などいろいろな部があります。

#### ◆ 小学校の年間行事(参考)

小学校で1年間に行われる主な行事は、以下のとおりです。(各小学校により行われる行事や行う時期が異なる場合があります。)

<前期>

4月 始業式・入学式・交通安全教室

5月 家庭訪問・遠足

6月 プール開き・運動会

夏休み7月下旬から8月下旬

9月 避難訓練

10月 終業式

<後期>

10月 始業式・就学時健康診断

11月 読書旬間

冬休み12月下旬から1

月上旬

2月 新1年生保護者説明会

3月 修了式・卒業式

春休み3月下旬から4月上旬

#### ◆ そのほか

- 遠足

校外の公園、山等を訪れる日帰



bên ngoài trường.

- Trường học xanh (2 đêm 3 ngày hoặc 1 đêm 2 ngày)

Học sinh lớp 5 sẽ nghỉ tại công viên tham gia đốt lửa trại, trải nghiệm các hoạt động tự nhiên tại đó.

- Chuyển đi học (1 đêm 2 ngày)

Học sinh lớp sáu sẽ đi du lịch qua đêm đến Tokyo và những nơi khác để xem nhiều địa điểm khác nhau.

- Diễn tập sơ tán

Rèn luyện sự bình tĩnh trong trường hợp khẩn cấp như hỏa hoạn hoặc động đất.

### ● Lớp học quốc tế

Học sinh nước ngoài đang theo học tại các trường tiểu học và trung học cơ sở ở Thành phố Fuji có thể tham gia lớp học quốc tế tại Trường Tiểu học Yoshihara hoặc Trường Tiểu học Fujimidai nếu muốn.

Trong lớp học quốc tế, chúng tôi đang dạy để giúp trẻ làm quen với cuộc sống học đường và cuộc sống hàng ngày ở Nhật, và chúng tôi cũng dạy tiếng mẹ đẻ để trẻ không bị quên tiếng mẹ đẻ.

Nếu bạn muốn cho con tham gia lớp học quốc tế, vui lòng tham khảo ý kiến của trường đã đăng ký học. Giờ học là buổi chiều các ngày trong tuần. (Theo quy định chung, học sinh tiểu học được phụ huynh yêu cầu đưa và đón trẻ. Vui lòng đảm bảo rằng trẻ luôn an toàn trên đường đến trường cũng như về nhà.

#### ■ Giải đáp thắc mắc

Ủy ban giáo dục Thành Phố Fuji

Khoa giáo dục học đường

Điện thoại; 0545-55-2869

### ● Trường học dành cho người nước ngoài

Tại thành phố cũng đang có trường dành riêng cho các trẻ Brazil tên là 「ESCOLA FUJI」. Để biết chi tiết xin vui lòng liên hệ theo thông tin bên dưới

#### ■ Giải đáp thắc mắc

Địa chỉ: Tòa nhà Kamio, 6-18 Hiragaki Honmachi, Fuji City

Điện thoại: 0545-60-1129

りの見学旅行です。

- みどりの学校 (2泊3日または1泊2日)

5年生が丸火自然公園内の施設に宿泊し、自然の中で様々な活動を体験します。

- 修学旅行 (1泊2日)

6年生が東京などに一泊旅行をし、様々な場所を見学します。

- 避難訓練

火事や地震など非常事態が発生した時に落ち着いて行動できるように訓練します。

### ●国際教室

富士市内の小学校・中学校に入学した外国人児童生徒は、希望すれば吉原小学校、又は富士見台小学校にある国際教室に通うことができます。

国際教室では、日本での学校生活や日常生活に慣れるために日本語を学習したり、母語を忘れないようにしたい子どもたちのために母語を学習したりしています。

国際教室への通級を希望する場合は、入学した学校に相談してください。

通級時間は、平日の午後です。(小学生は原則として保護者の送迎をお願いします。通級方法は危険がないようにしてください。)

#### ■問い合わせ

富士市教育委員会

学校教育課

電話：0545-55-2869

### ●外国人学校

市内にはブラジル人の児童生徒を対象にした外国人学校の「ESCOLA FUJI」があります。詳細につきましては、以下の問い合わせ先にご連絡ください。

#### ■問い合わせ

住所：富士市平垣本町 6-18 神尾ビル

電話：0545-60-1129

● **Nhà trẻ, trường mẫu giáo, cơ sở giáo dục trẻ được chứng nhận, cơ sở kinh doanh chăm sóc trẻ cộng đồng, v.v.**

Đối với trẻ em trước khi vào tiểu học, trẻ phải được học qua nhà trẻ, trường mẫu giáo, viện trẻ em được chứng nhận, hoặc dự án chăm sóc trẻ em cộng đồng, v.v.

◆ **Trường mẫu giáo**

Nhà trẻ là cơ sở giáo dục dành cho trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi trước khi vào trường tiểu học.

Thường chúng tôi sẽ tuyển trẻ vào năm trước, nhưng nếu các trung tâm chưa đủ số học sinh theo học quy định thì trẻ có thể đăng ký bất cứ khi nào. Để đăng ký, phụ huynh cùng học sinh vui lòng đến trường mẫu giáo muốn theo học và nộp đơn trực tiếp.

◆ **Trung tâm giữ trẻ**

Trường mẫu giáo là một cơ sở phúc lợi trẻ em thay mặt cha mẹ chăm sóc trẻ với trường hợp cha mẹ đang làm việc, hoặc bị bệnh không dành được nhiều thời gian quan tâm chăm sóc trẻ. Để cho trẻ theo học phụ huynh phải thoả mãn một trong những điều kiện sau.

1. Làm việc bên ngoài: Đang làm việc từ 16 ngày trở lên trong 1 tháng và mỗi ngày 4 giờ trở lên.
2. Công việc gia đình: Ngoài công việc nội trợ thì có làm công việc khác.  
Thu nhập hàng tháng từ 15.000 yên trở lên là bắt buộc đối với công việc làm thêm tại nhà  
(Tất cả những điều trên yêu cầu làm việc ít nhất 16 ngày một tháng và ít nhất 4 giờ mỗi ngày)
3. Mang thai / Sinh con: Đang mang thai hoặc vừa sinh con (3 tháng trước khi sinh đến cuối tháng của tuần thứ 8 sau khi sinh)
4. Bệnh tật / Khuyết tật: Bệnh tật hoặc khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần.
5. Điều dưỡng / Hộ lý: Với những gia đình đang phải chăm sóc người bị bệnh hoặc gặp khó khăn về tinh thần thể chất trong thời gian dài.
6. Phục hồi sau thảm họa: đang phục hồi sau các thảm họa như động đất, bão lụt và hỏa hoạn.
7. Hoạt động tìm kiếm việc làm: Với những người đang trong quá trình tìm kiếm việc làm (bao gồm cả việc chuẩn bị cho việc thành lập doanh nghiệp).

● **幼稚園・保育園・認定こども園・地域型保育事業等**

小学校に入る前の子どもたちのためには、幼稚園、保育園、認定こども園、地域型保育事業等があります。

◆ **幼稚園**

幼稚園は、小学校に入学する前の3歳から5歳までの子どもを対象にした教育施設です。

園児募集は前年度に行いますが、各園とも定員に満たない場合は随時受け付けています。

申込は、保護者が子どもと一緒に希望する幼稚園に行き、直接申し込んでください。

◆ **保育園**

保育園は保護者が働いていたり、病気などの理由で、家庭で十分な保育を受けられない子どもを保護者に代わって保育する児童福祉施設です。

集団生活が可能であり、かつ保護者が次の項目のいずれかに当てはまる場合、保育園に入園できます。

1. 家庭外労働：家庭外で月 16 日以上、1 日 4 時間以上の仕事をしている。
2. 家庭内労働：家庭内で家事以外の仕事をしている。  
内職では月 15,000 円以上の収入が必要  
(上記いずれも月 16 日以上、1 日 4 時間以上の就労が必要)
3. 妊娠・出産：妊娠中であるか出産後間がない。(出産前 3 か月から出産後 8 週経過月の月末まで)
4. 病気・障害：病気又は心身に障害がある。
5. 介護・看護：家庭に長期間にわたる病人や心身に障害のある人などがいるため、いつもその介護又は看護をしている。
6. 災害復旧：震災、風水害、火災等

8. Đi học: đang đi học hoặc đang được đào tạo nghề.  
(16 ngày trở lên một tháng và ít nhất 4 giờ mỗi ngày)
9. Bị bạo hành / DV: Được công nhận rằng có nguy cơ bị bạo hành và lạm dụng trẻ em.

Người được công nhận rằng rất khó để chăm sóc con cái do các vấn đề bạo lực từ phụ huynh.

10. Nghỉ chăm sóc trẻ: Trong thời gian nghỉ chăm sóc trẻ, đã sử dụng dịch vụ trông giữ trẻ hộ và muốn được tiếp tục gửi trẻ
11. Đối với trường hợp đặc biệt: Thị trường phê duyệt và ở trạng thái tương tự như các mục trước

Tuy nhiên, nếu trường hợp không còn thoả mãn những điều trên nữa thì trẻ có thể bị thôi học.

Nếu muốn nhập học vào tháng 4, thì chúng tôi tổ chức tiếp nhận đơn vào khoảng đầu tháng 10 hàng năm. Vui lòng nộp các giấy tờ cần thiết như đơn đăng ký cho Bộ phận Nhà trẻ và Mẫu giáo.

Nếu quý vị muốn vào trường mẫu giáo sau tháng Năm, vui lòng nộp các giấy tờ cần thiết như đơn đăng ký cho Bộ phận Nhà trẻ và Mẫu giáo trước ngày 20 hàng tháng. Nếu lớp còn trống sẽ được xét tuyển vào tháng sau.

の災害の復旧に当たっている。

7. 求職活動：求職活動（起業準備を含む）を継続的に行っている。
8. 就学：学校に在籍している又は職業訓練を受けている。  
(いずれも月16日以上、1日4時間以上の就学が必要)
9. 虐待・DV：児童虐待、児童虐待のおそれがあると認められる。配偶者からの暴力により子どもの保育を行うことが困難であると認められる。
10. 育児休業：育児休業中に、既に保育を利用している子どもがいて継続利用が必要である。
11. 特例による場合：市長が認め前各号に類する状態にある。

ただし、上記に当てはまらなかった時は退園していただくことがあります。

4月の入園希望については、毎年10月上旬頃に申し込みを受け付けます。申請書等の必要書類を保育幼稚園課に提出してください。

5月以降の入園希望については、毎月20日までに、申請書等の必要書類を保育幼稚園課に提出してください。定員に余裕があれば翌月の入園を検討します。

#### ◆ Nhà trẻ được chứng nhận

Là cơ sở có chức năng, công năng đặc thù giống trường mẫu giáo, nhà trẻ. Trong một cơ sở giáo dục dành cho trẻ em được chứng nhận, trẻ em mẫu giáo và nhà trẻ sẽ được giáo dục và chăm sóc trong cùng một phòng

#### ◆ Cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng

Đây là dự án dành cho trẻ từ 0 đến 2 tuổi với số lượng ít hơn trường mẫu giáo

##### ■ Giải đáp thắc mắc

Khoa nhà trẻ và mẫu giáo Tòa thị chính Fuji

Điện thoại: 0545-55-2762

Hoặc trung tâm bạn muốn bạn muốn con theo học

#### ◆ 認定こども園

幼稚園と保育園の機能や特長を持った施設です。認定こども園では、幼稚園と保育園の子どもは、同じ部屋で教育と保育を受けることとなります。

#### ◆ 地域型保育事業

保育園より少人数で0歳から2歳までの子どもを対象とした事業です。

##### ■ 問い合わせ

富士市役所 保育幼稚園課

電話：0545-55-2762

または入園を希望する園

### ● Trường cấp 3 ( Trường trung học phổ thông )

Trường trung học phổ thông là trường dành cho học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở. Sau khi tốt nghiệp cấp 3, có thể đăng ký vào đại học, cao đẳng, hoặc trung cấp nghề, đây có thể là một lợi thế khi đi xin việc. Ở Nhật Bản, hơn 90% người dân học lên trung học phổ thông.

Để được nhận, bạn cần phải tham gia một kỳ thi đầu vào. Bất kỳ ai trên 15 tuổi đã tốt nghiệp hoặc dự kiến tốt nghiệp trung học cơ sở ở Nhật Bản, hoặc đã hoàn thành 9 năm giáo dục tại nước ngoài đều có thể tham gia kỳ thi.

Ngoài ra, nếu bạn đã đi đào tạo ở nước ngoài 8 năm, nếu bạn học tại trường trung học cơ sở ở Nhật Bản trong 1 năm hoặc nếu bạn vượt qua "kỳ thi cấp chứng chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở" và được công nhận là có học lực tương đương với tốt nghiệp trung học cơ sở Bạn có thể làm bài kiểm tra đầu vào. Có ba loại khóa học chính ở trường trung học phổ thông. Tùy thuộc vào thời gian bạn tham gia các lớp học, có các hệ thống học cả ngày, học thời gian cố định và học qua mạng.

Ngoài ra, hệ thống chuyên trách còn được chia thành các bộ phận chính quy, bộ phận chuyên môn (bộ phận công nghiệp, bộ phận thương mại, v.v.) và các bộ phận tổng hợp.

### ◆ Học cả ngày

Đây là cách phổ biến nhất, và giống như các trường tiểu học và trung học cơ sở, các lớp học được tổ chức vào ban ngày.

Có các loại hệ thống toàn thời gian sau đây.

- Khóa học thông thường: Về cơ bản, bạn sẽ học các môn tiếng Nhật, toán, tiếng Anh, khoa học và xã hội mà bạn đã học ở trường THCS, nhưng bạn sẽ học các nội dung nâng cao hơn.
- Môn học chuyên ngành: Bạn có thể học chuyên môn nghiệp vụ như công nghiệp, thương mại và nông nghiệp.
- Môn học toàn diện: Bạn có thể tự do lựa chọn và học các môn học của các môn học thông thường và các môn học chuyên ngành.

### ◆ Thời gian cố định

Đối với những em không thể đi học cả ngày vì đi làm vào ban ngày, chúng tôi tổ chức lớp học vào ban đêm, hoặc chỉ học vào buổi sáng hoặc buổi chiều.

### ● 高校(高等学校)

高校は、中学校を卒業した生徒のための学校です。高校を卒業すると、大学、短期大学、専門学校への道が開け、就職する際に、有利になることもあります。日本では90%以上の人が高校に進学しています。

入学するためには、入学試験を受ける必要があります。15歳以上で、日本の中学を卒業するか、卒業する見込みがあること又は、外国の教育を9年終了した人なら、誰でも受検することができます。

また、外国で8年間、教育を受けた場合は、日本の中学校で1年間教育を受けるか、「中学校卒業認定試験」に合格して、中学校を卒業した程度の学力があると認められれば、入学試験を受けることができます。

高校には、大きく分けて3種類の課程があります。授業を受ける時間によって、全日制、定時制、通信制に分かれます。

また、全日制は授業の内容で、普通科と専門学科(工業科、商業科など)と、総合学科に分かれます。

### ◆ 全日制:

最も一般的なもので、小学校や中学校と同じように、昼間の時間帯で授業をおこないます。

全日制には以下のような種類があります。

- 普通科: 基本的には中学で学んだ国語・数学・英語・理科・社会の教科を学びますが、さらに高度な内容を学びます。
- 専門学科: 工業や商業、農業等の職業的専門知識を学べます。
- 総合学科: 普通科と専門学科の教科を自由に選択して学べます。

### ◆ 定時制:

昼間の時間帯で働いている等の理由で全日制の高校に通えない方のために夜間に授業を行ったり、午前のみ、あるいは午後のみという時

### ◆ Học qua mạng

Không giống như hệ thống toàn thời gian, bạn không phải đến trường hàng ngày. Tuy phương pháp học khác nhau nhưng nội dung học và bằng cấp sau khi tốt nghiệp đều giống như hệ trung học chính quy và bán thời gian.

Có hai loại trường trung học chính: trường trung học công lập do quận và thành phố điều hành và trường trung học tư thục do các tập đoàn trường học điều hành.

Các trường trung học công lập được điều hành bởi các quận và thành phố, vì vậy học phí và các chi phí khác tương đối thấp so với các trường trung học tư thục.

Ngoài ra, ở trường trung học, nếu điểm số, hạnh kiểm hoặc nghỉ học của bạn cao, bạn có thể không được thăng tiến hoặc tốt nghiệp.

### ● Đại học, cao đẳng

Có các trường đại học và cao đẳng cơ sở (THCS) là trường để tốt nghiệp trung học phổ thông và học chuyên nghiệp hơn. Các trường đại học có hệ bốn năm, và cao đẳng cơ sở có hệ hai năm. Để được nhận, bạn cần phải tham gia một kỳ thi đầu vào.

Ngay cả khi bạn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông tại Nhật Bản, bạn vẫn có thể tham gia kỳ thi tuyển nếu vượt qua “kỳ thi cấp chứng chỉ tốt nghiệp trung học phổ thông” và được công nhận có học lực tốt nghiệp trung học phổ thông.

Ngoài ra, còn có các trường dạy nghề và nhiều trường dạy kỹ năng chuyên biệt và kiến thức nghề cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

giữa các trường học và trường học khác nhau.

### ◆ 通信制:

全日制と違い、毎日学校に通う必要はありません。学習の仕方は違いますが、学習内容や卒業後の資格は全日制、定時制の高等学校と同じです。

高校には主なものとして県や市が運営する公立高校と学校法人が運営する私立高校の2種類があります。

公立高校は県や市が運営しているため、授業料等の費用が私立高校より比較的にかかりません。

また、高校では成績や、素行が悪かったり、欠席が多かったりすると、進級や卒業ができなくなることがあります。

### ● 大学・短大(短期大学)

高校を卒業してさらに専門的な勉強をするための学校として、大学と短大(短期大学)があります。大学は4年制で、短大は2年制です。入学するためには、入学試験を受ける必要があります。

日本の中学校や高校を卒業していなくても、「高等学校卒業程度認定試験」に合格して高校を卒業した程度の学力があると認められれば、入学試験を受けることができます。

そのほかにも、中学校や高校の卒業生等を対象にして、専門の技術や、職業知識を教える専門学校や各種学校があります。



## Hiệp hội tự quản

## 自治会

### ● Hiệp hội tự quản (hiệp hội khu phố) là gì?

Hiệp hội cư dân còn được gọi là hiệp hội khu phố, và được tổ chức theo từng khu vực với đơn vị cấu thành là các hộ gia đình.

Đây là hiệp hội dựa trên tinh thần tương thân tương ái, những người hàng xóm cùng hiểu nhau và giúp đỡ lẫn nhau, các hoạt động thiện nguyện trong khu vực được tổ chức nhằm tạo môi trường sống thoải mái và nâng cao đời sống cho người dân

Tại thành phố Fuji, các tổ chức tự quản do những người sống trong khu vực thành lập được gọi là "hiệp hội khu phố" hoặc "phường". Khu Yoshiwara chủ yếu được gọi là "hiệp hội khu phố", ở khu Takaoka và Fujikawa được gọi là "phường".

### ● Hiệp hội thị trấn (phường) và nhóm / nhóm

Thành phố Fuji, số lượng hộ gia đình trong một hiệp hội khu phố, hiệp hội nhỏ khoảng vài hộ. Hiệp hội lớn khoảng hơn 1.000 hộ. Đối với hiệp hội khu phố có nhiều hộ gia đình, sẽ được chia ra thành nhiều tổ nhỏ.

### ● 自治会(町内会)とは？

自治会は町内会とも言われ、地域ごとに世帯を構成単位として組織されています。

住民同士が隣人として理解し合い、助け合うという相互扶助の精神に基づき、それぞれの地域に住んでいる人々が住みよい地域づくりと住民の福祉向上のため、地域内の様々な活動に取り組んでいる自主的な団体です。

富士市では、地域に住む人たちがつくっている自治組織は「町内会」または「区」と呼ばれています。

主として旧吉原市地区では「町内会」と、旧富士市地区と旧鷹岡町地区及び旧富士川町地区では「区」と呼ばれているようです。

### ● 町内会(区)と組・班

富士市内の1町内会(区)の世帯数は、少ないところは数世帯帯、多いところは1,000世帯を超えるところまで様々であり、世帯が多い町内会(区)では、その中に「組」または「班」を置いているところが多いようです。

「組」と「班」の違いは、自治会を「町内会」と呼んでいるところでは「組」と、「区」と呼んでいるところは「班」と呼ばれているようです。

町内会(区)の規模が大きいため、組(班)の上に中間的な組織があるところもあります。

## ● Các hoạt động của hiệp hội khu phố

Hiệp hội khu phố có các hoạt động như sau :

Lắp đặt và quản lý đèn an ninh

Để người dân an tâm sinh sống, chúng tôi lắp đặt và quản lý hệ thống đèn chiếu sáng đường vào ban đêm.

2. Làm đẹp môi trường và quản lý kho chứa rác

Chúng tôi đang thúc đẩy một chiến dịch làm đẹp môi trường địa phương và tiến hành thiết lập và dọn dẹp các điểm thu gom rác.

3. Hoạt động tình nguyện phòng chống thiên tai

Chúng tôi đã tổ chức một hiệp hội phòng chống thiên tai tình nguyện và đang tiến hành huấn luyện về phòng chống thiên tai trong khu vực để đối phó với các thảm họa như động đất.

4. Các sự kiện giải trí

Với mục đích giao lưu và kết bạn giữa các thành viên, chúng tôi tổ chức nhiều sự kiện khác nhau như các cuộc thi thể thao và lễ hội mùa hè để người dân trong khu phố tham gia.

5. Hợp tác với các hiệp hội trẻ em, câu lạc bộ người cao tuổi, v.v.

Hợp tác với nhiều tổ chức khác nhau như hiệp hội trẻ em và câu lạc bộ người cao tuổi.

6. Khuyến khích phúc lợi xã hội và hợp tác trong các hoạt động gây quỹ khác nhau

Tổ chức quyên góp cho nhiều tổ chức xã hội khác nhau

7. Thành lập hội truyền thông Fuji

Thành lập hội truyền thông Fuji nhằm thông báo các thông tin của thành phố, trung tâm phát triển đô thị cho các hội viên cũng như người dân

8. Quản lý công viên

Tổ chức dọn dẹp và quản lý công viên trong khu phố để người dân được sống trong môi trường thoải mái nhất.

## ● Về hội phí

Việc tham gia hiệp hội khu phố và đóng góp hội phí là tình nguyện.

## ● 町内会(区)の活動

町内会(区)は、以下のような活動を行っています。

1. 防犯灯の設置・管理

安全で安心して暮らせるため、夜道を照らしてくれる防犯灯の設置・管理をしています。

2. 環境美化・ゴミ置場の管理

ゴミ収集場所の設置や清掃を行うとともに地域の環境美化運動を推進しています。

3. 自主防災活動

自主防災会を組織し、地震等の災害に対処するため地域での防災訓練等を行っています。

4. レクリエーションなどの親睦行事

会員の交流と親睦を目的にスポーツ大会・夏まつりなど気軽に参加できる各種行事を行っています。

5. 子ども会・老人クラブなどとの協力

子ども会・老人クラブなどの各種団体と協力しあって活動しています。

6. 社会福祉の推進・各種募金の協力

緑の羽根・赤い羽根などの募金の取りまとめを行っています。

7. 広報ふじなどの配布

広報ふじや市・まちづくりセンターからのお知らせを会員の皆さんに周知するために行っています。

8. 公園の管理

町内会(区)にある公園をみんなが気持ちよく使えるように清掃・管理しています。

## ● 町内会(区)費について

町内会(区)はボランティアで活動しているため、運営にかかる経費は町内会(区)に加入している皆さんの町内会費(区費)によって賄われています。

Phương thức đóng hội phí khác nhau tùy thuộc vào từng hiệp hội khu phố (Thanh toán hàng tháng, thanh toán một lần trong vài tháng, v.v.)

\* Mọi người hãy tích cực tham gia các hoạt động của hội khu phố cũng như giao lưu với xóm giềng nhé!

町内会費（区費）の支払い方法は各町内会（区）によって違います。（毎月払い、数か月分一括払いなど）

※皆さんも積極的に町内会（区）の活動に参加し、近所の皆さんと大いにコミュニケーションを図ってください。





## Thủ tục cư trú

Để thực hiện các thủ tục khác nhau liên quan đến cư trú, hãy đến cục quản lý xuất nhập cảnh tỉnh hoặc chi nhánh văn phòng quản lý xuất nhập cảnh nơi bạn sinh sống để nộp đơn và các hồ sơ liên quan cần thiết.

Vui lòng liên hệ với Cục quản lý xuất nhập cảnh để biết các hồ sơ cần thiết

### ■ Liên hệ

Cục xuất nhập cảnh Nagoya Văn phòng chi nhánh Shizuoka

Địa chỉ

〒420-0858

9-4 Denma-cho, Aoi-ku, Shizuoka-shi

Tầng 6 Tòa nhà Trung tâm Ichinose

- Điện thoại 054-653-5571

## 在留手続き

在留に関する諸手続きをするときは、自分が住んでいるところを管轄する地方出入国在留管理局 又はその支局や出張所に行き、申請書と必要な関係書類を提出します。

申請に必要な書類等については、出入国在留管理局までお問い合わせください。

### ■問い合わせ

名古屋出入国在留管理局 静岡出張所

住所

〒420-0858

静岡市葵区伝馬町 9-4

一瀬センタービル 6階

- 電話 054-653-5571



Phúc lợi

## Phúc lợi cho người khuyết tật

### ● Giấy chứng nhận khuyết tật

Những người bị khuyết tật, chậm phát triển trí tuệ, rối loạn tâm thần, làm hạn chế cuộc sống hàng ngày, sẽ được cấp giấy chứng nhận khuyết tật. Khi có giấy chứng nhận này, bạn sẽ được giảm giá khi sử dụng các phương tiện di chuyển công cộng thuế, v.v., và một số dịch vụ hành chính khác.

### ◆ Sổ ghi chép của người khuyết tật

Giấy chứng nhận người khuyết tật là cần thiết để người khuyết tật nhận được sự trợ giúp, các dịch vụ phúc lợi, hỗ trợ / trợ cấp, giảm giá, v.v.

Các dạng rối loạn là mắt, tai, giọng nói / ngôn ngữ, các chi như tay chân, tim, thận, gan, cơ quan hô hấp, bàng quang hoặc trực tràng, ruột non, và khả năng miễn dịch. Có từ lớp 1 đến lớp 6 tùy theo mức độ khuyết tật.

### ◆ Sổ ghi chép phục hồi chức năng

Những người khuyết tật về trí tuệ cần phải có sổ ghi chép điều dưỡng để nhận được hỗ trợ, các dịch vụ phúc lợi, trợ cấp / trợ cấp, giảm giá, v.v.

### ◆ Cẩm nang Phúc lợi và Sức khỏe Người khuyết tật tâm thần

Những người bị bệnh tâm thần, cần thiết để nhận được các hỗ trợ khác nhau, các dịch vụ phúc lợi, hỗ trợ / trợ cấp, giảm giá, v.v.

### ● Những người mắc bệnh khó chữa

Những người đang mắc bệnh có thể nhận được sự hỗ trợ cần thiết ngay cả khi họ không có giấy chứng nhận khuyết tật.

### ● Dịch vụ phúc lợi

Các dịch vụ phúc lợi sau đây sẵn có phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của người khuyết tật.

- Cử người giúp việc nhà, v.v.
- Dịch vụ chăm sóc từng ngày (có thể đến viện để được chăm sóc và ra về trong ngày)
- Thời gian lưu trú ngắn hạn (có thể đến viện để được chăm sóc

福祉

## 障害者福祉

### ● 障害者手帳

身体の不自由な方、知的な発達に遅れのある方、精神の障害で日常生活に制約がある方は、障害者手帳が交付されます。この手帳を持つことにより、公共交通機関の割引や、税金の控除等を受けられるほか、色々な行政サービスを利用できます。

### ◆ 身体障害者手帳

身体障害者手帳は、身体に障害をお持ちの方が援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受ける場合に必要です。障害の種類は、目、耳、音声・言語、手足などの肢体、心臓、腎臓、肝臓、呼吸器、ぼうこう又は直腸、小腸、免疫です。障害の程度により1～6級の区分があります。

### ◆ 療育手帳

療育手帳は、知的に障害のある人が援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受ける場合に必要です。

### ◆ 精神障害者保健福祉手帳

精神障害の人が各援護や福祉サービス及び補助・助成や割引等の制度を受けるときに必要です。

### ● 難病等の方々

対象となる疾病に罹患している方は、障害者手帳をお持ちでなくても、必要と認められた支援を受けられます。

### ● 福祉サービス

障害者の日常生活のために、次のような福祉サービスがあります。

- ホームヘルパー等の派遣
- デイサービス (施設の日帰り通所

ngắn hạn)

- Thủ tục nhập viện ...
- Chuyển vào nhà tập thể
- Hỗ trợ việc làm (đào tạo để có việc làm, v.v.)

Ngoài ra, khi sử dụng các dịch vụ phúc lợi trên, có thể phải trả một số khoản chi phí. Chi tiết xin liên hệ :

#### ■Liên hệ

Ban Phúc lợi Người khuyết tật Tòa thị chính Fuji  
(Phía Nam , tầng 4)

- Nhân viên hỗ trợ tư vấn
- Điện thoại 0545-55-2761

利用)

- ショートステイ (施設の短期利用)
- 施設入所
- グループホームへの入居
- 就労支援 (仕事に就くための訓練など)

なお、上記の福祉サービスを利用する際には、一部、費用負担が必要な場合があります。詳しくは下記までお問い合わせください。

#### ■問い合わせ

富士市役所 障害福祉課  
(4階南側)

- 相談支援担当
- 電話 0545-55-2761

### Các chế độ như trợ cấp / trợ giá và chiết khấu (những chế độ chính)

#### ● Các chính sách trợ cấp hỗ trợ

1. Trợ cấp chi phí y tế
2. Chi trả trợ cấp tàn tật
3. Thanh toán chi phí thiết bị phúc lợi
4. Hỗ trợ phí sử dụng taxi
5. Lắp đặt hệ thống gọi khẩn cấp
6. Hệ thống trợ cấp khác
  - Hỗ trợ làm bằng lái xe ô tô
  - Trợ cấp chi phí tu sửa ô tô
  - Cung cấp tâ giấy
  - Cung cấp thiết bị phòng chống thiên tai

#### ● Các chính sách ưu đãi, giảm giá

1. Khấu trừ thuế thu nhập và thuế thành phố
2. Giảm, miễn thuế ô tô
3. Giảm giá vé vận chuyển
4. Giảm phí cầu đường
5. Giảm và miễn phí thu phát sóng NHK
6. Thông tin số điện thoại miễn phí của NTT

Ngoài ra, các khoản hỗ trợ và trợ cấp trên

Khi sử dụng hệ thống chiết khấu, có một số hạn chế trong việc sử dụng hệ thống.

Chi tiết xin liên hệ sau.

#### ■ Liên hệ

Ban Phúc lợi Người khuyết tật Tòa thị chính Fuji  
(Phía Nam , tầng 4)

- Phí trợ cấp cho người khuyết tật (Phụ trách chi phí y tế và phụ cấp)

### 補助・助成や割引等の制度 (主なもの)

#### ●補助・助成・手当制度

1. 医療費の助成
2. 障害者手当の支給
3. 福祉用具費の支給
4. タクシー利用料金の助成
5. 緊急通報システムの設置
6. その他の補助制度
  - 自動車運転免許取得補助
  - 自動車改造費補助
  - 紙おむつの支給
  - 防災用具の交付

#### ●割引・減免制度

1. 所得税、市民税の控除
2. 自動車税の減免
3. 交通機関の運賃割引
4. 有料道路料金の割引
5. NHK放送受信料の減免
6. NTT無料電話番号案内

なお、上記の補助・助成や割引等の制度を利用する際には、一部、制度の利用について制限などがあります。

詳しくは下記までお問い合わせください。

#### ■問い合わせ

富士市役所 障害福祉課

Điện thoại 0545-55-2759  
・ Nhân viên hỗ trợ tư vấn  
Điện thoại 0545-55-2761  
・ Sự quản lý  
Điện thoại 0545-55-2911

(4 階南側)  
・ 障害給付担当  
(医療費・手当担当)  
電話 0545-55-2759  
・ 相談支援担当  
電話 0545-55-2761  
・ 管理担当  
電話 0545-55-2911

## Phúc lợi cho trẻ em

### ● Chế độ trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em

Nếu trẻ em từ 0 tuổi đến cuối năm học 18 tuổi phải đi bệnh viện, thì sẽ có trợ cấp chi phí y tế.

Tiền tự thanh toán

Khám bệnh 1 lần Hạn mức 500 yên (1 tháng tự thanh toán đến 4 lần)

Nhập viện 1 ngày Miễn phí (Gồm số tiền chi trả theo tiêu chuẩn bữa ăn điều trị)

### ● Trợ cấp thiếu nhi

Để hỗ trợ cho sự phát triển khỏe mạnh của thiếu nhi sẽ gánh vác xã hội sau này, thành phố có chi trả trợ cấp thiếu nhi cho người đang nuôi dưỡng thiếu nhi cho đến năm 3 trường phổ thông cơ sở.

< Mức trợ cấp chi trả >

Dưới 3 tuổi Hàng tháng 15.000 yên

Từ 3 tuổi đến trước khi tốt nghiệp tiểu học (trẻ thứ 1, thứ 2)  
Hàng tháng 10.000 yên

Từ 3 tuổi đến trước khi tốt nghiệp tiểu học (trẻ thứ 3)  
Hàng tháng 15.000 yên

Học sinh phổ thông cơ sở

Hàng tháng 10.000 yên

Từ số tiền hạn trên của giới hạn thu nhập trở lên

Hàng tháng 5.000 yên

### ● Hệ thống trợ cấp chi phí y tế cho các gia đình đơn thân (tên sẽ được thay đổi từ ngày 1 tháng 7 năm Lệnh Hoà 3)

Thành phố trợ cấp chi phí y tế cho những người ứng với các trường hợp sau thuộc hộ gia đình đang nuôi dưỡng Trẻ em dưới 20 tuổi, không bị đánh thuế thu nhập đối với người làm đơn và người có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Tuy nhiên, dù có bị đánh thuế thu nhập đi nữa, sẽ có trường hợp vẫn là đối tượng nhận trợ cấp tùy theo độ tuổi, số lượng thiếu nhi đang nuôi dưỡng.

## 子どものための福祉

### ● こども医療費助成制度

0歳～18歳学年末までのこどもが病院にかかった場合、医療費の助成をしています。

<自己負担金>

- ・ 通院 1回 上限 500 円 (1 か月につき 4 回まで自己負担あり)
- ・ 入院 1日 無料 (食事療養標準負担額を含む)

### ● 児童手当

次代の社会を担う児童の健やかな成長を支援するために、中学校 3 年生までの児童を養育している人に児童手当が支給されます。

<支給手当額>

3 歳未満 月額 15,000 円

3 歳以上小学校修了前まで  
(第 1、2 子)

月額 10,000 円

3 歳以上小学校修了前まで  
(第 3 子)

月額 15,000 円

中学生 月額 10,000 円

所得制限限度額以上

月額 5,000 円

### ● ひとり親家庭等医療費助成制度 (令和 3 年 7 月 1 日より名称変更予定)

20 歳未満の児童を扶養していて、申請者および扶養義務者に所得税が課せられていない世帯の下記にあてはまる方に医療費の助成をしています。

ただし、所得税が課せられていて

- Trẻ em và bà mẹ của gia đình mẹ đơn thân
- Trẻ em và ông bố của gia đình bố đơn thân
- Trẻ em của gia đình không có bố mẹ
- Trẻ em và mẹ (hoặc bố) của gia đình có chồng hoặc vợ có khuyết tật nặng về tinh thần hoặc thể chất
- Mẹ (hoặc bố) và Trẻ em không thể nhận nuôi dưỡng vì chồng hoặc vợ đã nhận lệnh bảo vệ bạo hành gia đình

● Dịch vụ hỗ trợ nuôi con ngắn hạn

Khi bố mẹ tạm thời không thể nuôi con tại nhà do bệnh tật, sinh con, công việc, các dịp lễ, căng thẳng về tinh thần và thể chất trong quá trình chăm sóc trẻ, v.v ... Sẽ có dịch vụ giữ trẻ (1) Qua đêm (lưu trú ngắn ngày) (2) Đi trong ngày (nghỉ lúc chạng vạng) tại các trại trẻ mồ côi và trung tâm chăm sóc trẻ sơ sinh trong thành phố.

■ Yêu cầu

Tòa thị chính Fuji, Phòng các vấn đề trẻ em và gia đình, Các vấn đề trẻ em và gia đình (phía Nam của tầng 4)  
Điện thoại 0545-55-2763

- Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em— Cho các hộ gia đình đơn thân—  
Sẽ chi trả cho người ứng thoả các điều kiện sau, đồng thời là người mẹ đang giám hộ thiếu nhi, người nuôi dạy đang nuôi dạy và người cha đang giám hộ và cùng sinh kế với trẻ em trong độ tuổi đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên từ sau ngày đủ 18 tuổi (trẻ khuyết tật dưới 20 tuổi).

- Mẹ hoặc bố qua đời
- Bố hoặc mẹ không rõ sống chết hoặc thất lạc, bỏ rơi, giam giữ trên 1 năm
- Bố mẹ sau khi li hôn, bố hoặc mẹ có sinh kế riêng
- Bố hoặc mẹ có khuyết tật nặng
- Bố hoặc mẹ chưa kết hôn
- Bố hoặc mẹ đang nhận lệnh bảo vệ bạo hành gia đình từ tòa án

Mức tiền trợ cấp hàng tháng sẽ khác tùy theo thu nhập (năm trước). Hãy liên hệ nơi dưới đây để biết thêm chi tiết.

■ Giải đáp thắc mắc

Phụ trách Cung ứng nuôi trẻ, phòng Gia đình, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Nam tầng 4) Điện thoại 0545-55-2738

も、扶養している児童の年齢・人数により対象となる場合があります。

- 母子家庭の児童及び母
- 父子家庭の児童及び父
- 両親のいない家庭の児童
- 配偶者の精神又は身体に重度の障害がある家庭の児童および母（又は父）
- 配偶者が DV 保護命令を受けたためその扶養を受けることができない母（又は父）と児童

●子育て短期支援事業

病気、出産、仕事、冠婚葬祭、育児上の心身のストレスなどのために、一時的に家庭で子どもの養育ができないときに、①泊り（ショートステイ）②日帰り（トワイライトステイ）でお子さまを市内の児童養護施設や乳児院等でお預かりします。

■問い合わせ

富士市役所 こども家庭課 児童家庭担当（4階南側）  
電話 0545-55-2763

●児童扶養手当

—ひとり親世帯などのために—

次のいずれかに該当し、18歳に達する日以後最初の3月31日までの間にある児童（20歳未満の障害児）を監護している母、養育している養育者及び児童を監護し、かつ、生計を同じくしている父に支給されます。

- 父又は母が死亡
- 父又は母が生死不明または1年以上行方不明・遺棄・拘禁
- 父母が離婚後、父又は母と生計が別
- 父又は母が重度の障害
- 未婚の父又は母
- 父又は母が裁判所から DV 保護命令を受けている

手当の月額、所得（前年）によって異なります。詳しくは下記までお問い合わせください。

- Trung tâm hỗ trợ gia đình

Để người bố và người mẹ đi làm có thể yên tâm cân bằng được công việc và nuôi trẻ, ngoài ra khi có việc trong khi nuôi trẻ thì có thể gửi được trẻ, người muốn nhận hỗ trợ nuôi trẻ “Hội viên yêu cầu” và người muốn hỗ trợ nuôi trẻ “Hội viên cung cấp” đăng ký hội viên ở Trung tâm, và các hội viên hỗ trợ lẫn nhau chăm sóc trẻ có thu phí.

- Giải đáp thắc mắc

Trung tâm hỗ trợ gia đình, tầng 4 tòa nhà Đông Philanse Điện thoại 0545-66-4128

- Câu lạc bộ Thiếu nhi sau giờ học

Hiện tại trong thành phố có câu lạc bộ Thiếu nhi ở mọi khu vực trường tiểu học cho các học sinh tiểu học không có người bảo hộ dù đi về nhà sau khi tan học.

- Giải đáp thắc mắc

Phụ trách chính sách trẻ em, phòng Tương lai trẻ em, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Nam tầng 4)  
Điện thoại 0545-55-2731

- Trung tâm hỗ trợ nuôi trẻ

Đây là cơ sở mà bà mẹ, ông bố đang nuôi trẻ có thể tiếp xúc với trẻ em thông qua chơi đùa và giao lưu được với các bà mẹ, ông bố khác. Trung tâm cung cấp phòng vui chơi là nơi cho trẻ em vui chơi, và hỗ trợ nuôi trẻ cho gia đình đang nuôi trẻ như trao đổi liên quan đến việc nuôi trẻ.

- Giải đáp thắc mắc

Phụ trách chính sách trẻ em, phòng Tương lai trẻ em, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Nam tầng 4)  
Điện thoại 0545-55-2731

- 問い合わせ

富士市役所 こども家庭課  
子育て給付担当  
(4階南側)  
電話 0545-55-2738

- ファミリー・サポート・センター

働くお父さんやお母さんが安心して仕事と育児を両立できるように、また、子育て中に用事があるときなど、子どもを預けられるように、育児の援助を受けたい人「依頼会員」と育児の援助を行いたい人「提供会員」がセンターに会員登録して、会員同士が子どもの世話を有料で援助しあいます。

- 問い合わせ

ファミリーサポートセンター  
(フィランセ東館 4階)  
電話 0545-66-4128

- 放課後児童クラブ

放課後、帰宅しても保護者のいない小学生のために、現在市内には全ての小学校区に児童クラブがあります。

- 問い合わせ

富士市役所 こども未来課  
こども政策担当 (4階南側)  
電話 0545-55-2731

- 子育て支援センター

子育て中のお母さん・お父さんが、遊びを通じて子どもとふれあったりほかのお母さん・お父さんと交流したりすることができる施設です。子どもの遊び場としてのプレイルームの提供と、育児に関する相談など子育て家庭に対する育児支援を行っています。

- 問い合わせ

富士市役所 こども未来課  
こども政策担当 (4階南側)  
電話 0545-55-2731

- Nhà thiếu nhi

Để nuôi dạy khỏe mạnh thiếu nhi từ 0 tuổi đến 18 tuổi, thành phố cung cấp nơi vui chơi. Nhà thiếu nhi hướng dẫn, hỗ trợ kết bạn và vui chơi, tổ chức nhiều lớp học và sự kiện, v.v.

- Giải đáp thắc mắc

Phụ trách chính sách trẻ em, phòng Tương lai trẻ em, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Nam tầng 4)  
Điện thoại 0545-55-2731

- 児童館

0歳～18歳までの児童の健全な育成を図るため、遊びの場の提供を行っています。仲間づくりや遊びの指導、援助、さまざまな教室、行事等を行っています。

- 問い合わせ

富士市役所 こども未来課  
こども政策担当（4階南側）  
電話 0545-55-2731

## Phúc lợi cho người cao tuổi

- Câu lạc bộ Yuyo (Câu lạc bộ người cao tuổi)

Câu lạc bộ Yuyo là một tổ chức do những người cao tuổi trong cộng đồng tự nguyện thành lập để làm giàu cho cuộc sống của họ khi về già.

Các hoạt động của Câu lạc bộ Yuyo có thể được phân chia rộng rãi.

- Hoạt động văn hóa
- Nâng cao sức khỏe
- Hoạt động dịch vụ xã hội
- Tương tác với cộng đồng địa phương
- Hoạt động vui chơi giải trí

Mọi người trên 60 tuổi đều có thể tham gia, vì vậy vui lòng liên hệ với Câu lạc bộ Yuyo gần nhất hoặc Liên đoàn Câu lạc bộ Yuyo thành phố Fuji.

- Yêu cầu

Liên đoàn câu lạc bộ Yuyo thành phố Fuji  
Tầng 3 Tòa nhà Philance East  
Điện thoại 0545-64-9038

- Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực tại Thành phố Fuji

Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng được thành lập nhằm hỗ trợ toàn diện người cao tuổi sống trong cộng đồng từ nhiều khía cạnh khác nhau như chăm sóc điều dưỡng, phúc lợi và chăm sóc y tế. Thành phố Fuji đã thiết lập 9 Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực với mục đích mang đến cho mọi người một cuộc sống khỏe mạnh. Ở mỗi khu vực đều có người phụ trách.

## 高齢者の福祉

- 悠容クラブ(老人クラブ)

悠容クラブは、高齢期の生活を健康で豊かなものにするために地域の高齢者が自主的に結成した団体です。悠容クラブの活動は大きく分けると、

- 教養活動
- 健康増進
- 社会奉仕活動
- 地域社会との交流
- レクリエーション活動

となります。

60歳以上の人ならどなたでも入会できますので、最寄の悠容クラブまたは、富士市悠容クラブ連合会へ申し出てください。

- 問い合わせ

富士市悠容クラブ連合会  
フィランセ東館3階  
電話 0545-64-9038

- 富士市内の地域包括支援センター

地域包括支援センターは地域で暮らす高齢者のみなさんを、介護、福祉、医療などさまざまな面から総合的に支えるために設けられました。みなさんがいつまでも健やかに住み慣れた地域で生活していけるよう、富士市では9か所に地域包括支援センターを設置しています。担当地区のみなさんの相談に応じますのでご利用ください。

Tên	Phụ trách khu vực	Địa chỉ	Số điện thoại
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía đông thành phố Fuji.	Sudo ・ Ukishima ・ Motoyoshiwara	12-1 Shinmachi, Masugawa, Fuji shi	39-1300
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực trung tâm thành phố Fuji.	Kodo ・ Fujimidai ・ Harad ・ Yoshinaga ・ Yoshinaga Kita	1481-2 Hina, Fuji shi	39-2700
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc thành phố Fuji.	Obuchi ・ Aobadai, Hiromi	218-10 Isshiki Fuji shi	23-0303
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực Fuji Taka Oka	TakaOka・Tenma・Oka	475-1 Kuzawa Fuji shi	30-7062
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc yoshiwara thành phố Fuji.	Imaizumi ・ Yoshiwara ・ Denpo	1-11-36 Kubo Fuji shi	30-8324
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía bắc thành phố Fuji.	Iwamatsu ・ bắc Iwamatsu ・ phía bắc ga Fuji ・ phía bắc Fuji	24-5 Shinden Fuji shi	66-0115
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực phía nam thành phố Fuji.	phía nam ga Fuji phía nam thành phố Fuji. Tago Ura	2-17 Yoko wari Honcho Fuji shi	65-8839
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực Fujikawa thành phố Fuji.	Fujikawa ・ Matsuno	137-1 Iwabuchi Fuji shi	81-4820
Trung tâm Hỗ trợ Người cao tuổi thành phố Fuji.	Toàn khu vực thành phố Fuji	Tầng 4.Văn phòng sở thị chính thành phố Fuji	55-2951

■ Mọi thắc mắc về Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Người cao tuổi Thành phố Fuji (Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc, Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi)  
Điện thoại: 0545-55-2951

Tại Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Khu vực, đều có nhóm các chuyên gia chăm sóc sức khỏe, nhân viên phúc lợi xã hội, y tá sức khỏe cộng đồng, v.v. túc trực tại đây.

1. Chúng tôi sẽ trả lời mọi thắc mắc về cuộc sống của người cao tuổi. Để đáp ứng các yêu cầu khác nhau từ bản thân họ, gia đình họ, v.v., chúng tôi sẽ đóng vai trò là đại lý cung cấp các dịch vụ cần thiết và giới thiệu các tổ chức liên quan.
2. Chúng tôi sẽ bảo vệ quyền lợi của người cao tuổi. Chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp để ngăn chặn thiệt hại của người tiêu dùng và lạm dụng người cao tuổi.  
Ngoài ra, chúng tôi sẽ giới thiệu hệ thống giám hộ dành cho người lớn, giúp sử dụng nó cho những người bị suy giảm khả năng phán đoán.
3. Chúng tôi lập các kế hoạch dự phòng về việc điều dưỡng, chăm sóc cho người già  
Chúng tôi mở các lớp giảng dạy về việc chuẩn bị các kế hoạch điều dưỡng ( Khi có sự cần thiết )  
Ngoài ra, chúng tôi sẽ lập một kế hoạch chăm sóc, dự phòng chăm sóc cho những người được chứng nhận có yêu cầu hỗ trợ, người kinh doanh

■ 地域包括支援センターに関する問い合わせ  
富士市高齢者地域包括支援センター  
(富士市役所 4階北側 高齢者支援課内)  
電話:0545-55-2951

地域包括支援センターでは、主任ケアマネジャー・社会福祉士・保健師等がチームを組んで、こんな仕事をしています。

1. 高齢者の皆さんの暮らしの様々なご相談に対応します。ご本人、ご家族等からの様々なご相談に応じ、必要なサービスへのお取次ぎや、関係機関のご紹介を行います。
2. 高齢者の皆さんの権利を守ります。消費者被害や高齢者虐待の防止への対応を行います。  
また、判断能力が低下した方のために、成年後見制度のご紹介や、活用のためのお手伝いを行います。



4. Tăng cường các trái phiếu của thị trấn  
Lời khuyên cho người quản lý chăm sóc  
Chúng tôi sẽ hỗ trợ bạn, về các hoạt động liên quan  
Tạo mạng lưới với các tổ chức  
Cuộc sống của người già  
Cộng đồng hỗ trợ

■ Yêu cầu tư vấn

Tòa thị chính Fuji Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi Hỗ trợ toàn diện theo khu vực  
(Phía bắc tầng 4 tòa thị chính)  
Điện thoại 0545-55-2951

● Với những người sống một mình hoặc các hộ gia đình chỉ có người già

Các dịch vụ sau đây có sẵn với những người sống một mình hoặc cho các hộ gia đình chỉ có người già ở Thành phố Fuji.

- Cho mượn điện thoại phúc lợi (đảm bảo phương tiện liên lạc)
- Dự án hỗ trợ độc lập "Thực phẩm" (Chúng tôi sẽ cải thiện thói quen ăn uống và xác nhận an toàn bằng cách phân phối thực phẩm)
- Dịch vụ bảo vệ người cao tuổi (Trong các trường hợp khẩn cấp, thiết bị báo rò rỉ khí gas và thiết bị báo cháy sẽ được thuê để đảm bảo ứng phó khẩn cấp và an toàn)

Dịch vụ giải đáp, tư vấn qua điện thoại (Bằng cách gọi điện thoại, bạn có thể loại bỏ cảm giác cô đơn và mang đến cảm giác an toàn cho người cao tuổi)

- Dịch vụ vung cấp đồ uống qua điện thoại (cung cấp đồ uống axit lactic và xác nhận độ an toàn của đồ uống)

■ Yêu cầu

Fuji City Hall Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi Hỗ trợ tại nhà  
(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc)  
Điện thoại 0545-55-2741

Dịch vụ đối ứng nhẹ nhàng, thân thiện

Hội đồng phúc lợi xã hội thành phố Fuji  
(Tầng 1 tòa nhà Fillance East)

Điện thoại 0545-64-4649

ます。

3. 高齢者の皆さんの介護予防をすすめます

介護予防（要介護状態になることを防ぐこと）のための教室などを開催します。

また、要支援、事業対象者と認定された方の介護予防ケアプランを作成します。

4. まちの絆を強めます

ケアマネジャーへの助言や支援を行います。また、関連機関とのネットワークを作り、高齢者の皆さんの暮らしを支援するための地域づくりを行います。

■問い合わせ

富士市役所 高齢者支援課 地域包括支援担当  
(市役所 4階北側)  
電話 0545-55-2951

●ひとり暮らしや高齢者のみの世帯のために

富士市内でひとり暮らしや高齢者のみの世帯のために以下のようなサービスがあります。

- 福祉電話の貸与（連絡手段を確保します）
- 「食」の自立支援事業（配食により、食生活の改善と安否の確認をします）
- 高齢者みまもりサービス（緊急時の対応と安全の確保を図るため、緊急ペンダント、ガス漏れ警報器、火災報知器を貸与します）
- ふれあいコール（電話をかけることにより孤独感の解消と安否確認を行い、閉じこもりにならないようにします）
- さわやかコール（乳酸飲料を届け、安否を確認します）

■問い合わせ

富士市役所 高齢者支援課 在宅支援担当  
(富士市役所 4階北側)

電話 0545-55-2741  
「さわやかコール」のみ

富士市社会福祉協議会  
(フィランセ東館 1階)  
電話 0545-64-4649

● **Với những trường hợp chưa cần thiết phải chăm sóc**

- ・ Dịch vụ hỗ trợ thay đổi thói quen, mục đích sống cho người cao tuổi (Bạn có thể sử dụng dịch vụ ngoại trú tối đa một lần một tuần để hỗ trợ cuộc sống độc lập)

■ **Yêu cầu**

Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi của Tòa thị chính Fuji  
Phí hỗ trợ tại nhà  
(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc)  
Điện thoại 0545-55-2741

● **Đối với những người già cần được giúp đỡ**

- ・ Hỗ trợ cuộc sống sinh hoạt thường ngày (Chúng tôi sẽ cử nhân viên hỗ trợ cuộc sống để hỗ trợ cuộc sống hàng ngày, tập trung vào công việc nhẹ nhàng)
- ・ Đến dịch vụ làm tóc (thợ làm tóc đến nhà và cung cấp dịch vụ làm tóc)
- ・ Dịch vụ vệ sinh quần áo, giường (Giặt, sấy khô và khử trùng bộ đồ giường bởi các chuyên gia)
- ・ Trợ cấp tã giấy (Những người hôn mê không còn ý thức hoặc mất trí nhớ sẽ được tặng tã giấy tùy theo tình hình thực tế khi sử dụng tã)
- ・ Dịch vụ hỗ trợ khi ra ngoài (Một phần phí vận chuyển sẽ được hỗ trợ khi di chuyển từ nhà giêng đến các cơ sở y tế bằng phương tiện vận chuyển chuyên dụng)

■ **Chứng nhận giảm trừ thuế cho những người khuyết tật**

Chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận giảm trừ thuế thu nhập với các thủ tục giảm thuế đối với những người đủ điều kiện khấu trừ (cho người có sổ chứng nhận khuyết tật, người hôn mê bất tỉnh mất ý thức, đang gặp khó khăn về vấn đề sinh hoạt.)

■ **Yêu cầu**

Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi của Tòa thị chính Fuji  
Phí hỗ trợ tại nhà  
(Tòa thị chính Fuji tầng 4 phía bắc)  
Điện thoại 0545-55-2741

● **要介護状態にならないために**

- ・ 生きがいデイサービス (自立した生活の支援を図るため、週1回まで通所サービスを利用できます)

■ **問い合わせ**

富士市役所 高齢者支援課  
在宅支援担当  
(富士市役所 4階北側)  
電話 0545-55-2741

● **援助の必要な高齢者のために**

- ・ 軽度生活援助 (生活援助員を派遣し、軽易な作業を中心に日常生活に対する援助を行います)
- ・ 訪問理美容サービス (理美容師が家庭を訪問し、理髪サービスを行います)
- ・ 寝具クリーニングサービス (専門業者による寝具の丸洗い・乾燥・消毒を行います)
- ・ 紙おむつの支給 (家庭で寝たきりまたは認知症の人が、おむつを使用しているとき、実情に応じて紙おむつを支給します)
- ・ 外出支援サービス (移送用車両による利用者の自宅と医療機関などの間の送迎に対し、乗車料金の一部を助成します)
- ・ 障害者控除対象者の認定 (寝たきりや認知症で日常生活に支障があり、身体障害者手帳などの交付を受けている人に準ずる状況と認められる人へ、確定申告などで税の所得控除に使用するための障害者控除対象者認定書を交付します)

■ **問い合わせ**

富士市役所 高齢者支援課

在宅支援担当  
（富士市役所 4 階北側）  
電話 0545-55-2741

- 支援を受ける家族を支援し  
ます  
・介護者慰労金（要介護 3 または 4・5 の認定を受けてから、1 年間介護保険サービスを一度も利用せずに住宅で高齢者を介護している方に、慰労金を支給します）  
・はり・きゅう・マッサージ費用の助成（申請する日の前月から過去 1 年以上介護保険サービスを利用していない要介護 3 以上（要介護 2 でも一定の条件を満たす高齢者は可能）の高齢者と同居して介護をしている方に、はり・きゅう・マッサージの費用を助成します。）

■ 問い合わせ

富士市役所 高齢者支援課  
在宅支援担当  
（富士市役所 4 階北側）  
電話 0545-55-2741

■ 福祉全般

- 介護している家族を支援し  
ます  
・介護者慰労金（要介護 3 または 4・5 の認定を受けてから、1 年間介護保険サービスを一度も利用せずに住宅で高齢者を介護している方に、慰労金を支給します）  
・はり・きゅう・マッサージ費用の助成（申請する日の前月から過去 1 年以上介護保険サービスを利用していない要介護 3 以上（要介護 2 でも一定の条件を満たす高齢者は可能）の高齢者と同居して介護をしている方に、はり・きゅう・マッサージの費用を助成します。）

■ 問い合わせ

富士市役所 介護保険課  
（4 階北側）  
電話 0545-55-2765 ・ 2766

- 生活保護に準じた制度  
私たちの一生には、高齢や思いがけない病気・事故によって、自分や家族だけの力ではどうしても生活できなくなってしまうことがあります。生活保護は、自分達が精一杯の

● 介護している家族を支援し  
ます  
・介護者慰労金（要介護 3 または 4・5 の認定を受けてから、1 年間介護保険サービスを一度も利用せずに住宅で高齢者を介護している方に、慰労金を支給します）  
・はり・きゅう・マッサージ費用の助成（申請する日の前月から過去 1 年以上介護保険サービスを利用していない要介護 3 以上（要介護 2 でも一定の条件を満たす高齢者は可能）の高齢者と同居して介護をしている方に、はり・きゅう・マッサージの費用を助成します。）

● 介護している家族を支援し  
ます  
・介護者慰労金（要介護 3 または 4・5 の認定を受けてから、1 年間介護保険サービスを一度も利用せずに住宅で高齢者を介護している方に、慰労金を支給します）  
・はり・きゅう・マッサージ費用の助成（申請する日の前月から過去 1 年以上介護保険サービスを利用していない要介護 3 以上（要介護 2 でも一定の条件を満たす高齢者は可能）の高齢者と同居して介護をしている方に、はり・きゅう・マッサージの費用を助成します。）

người Nhật đều có thể đủ điều kiện nhận được chế độ bảo trợ cuộc sống

■ Yêu cầu

Fuji City Hall Life Support Division

Phụ trách bảo vệ (tầng 4 phía bắc)

Điện thoại 0545-55-2758

● **Bạo lực gia đình**

Bạo lực từ vợ / chồng và người yêu được gọi là bạo lực gia đình (BLGD). Không chỉ đánh, đá mà bạo lực bằng lời nói cũng là BLGD.

Tại sao bạn không cùng chúng tôi giải toả mà lo lắng một mình? Trong trường hợp khẩn cấp, chúng tôi cũng sẽ tư vấn để bạn thoát khỏi bạo lực. Thông tin sẽ được giữ bí mật.

■ Yêu cầu

Trung tâm hỗ trợ tư vấn về bạo lực vợ chồng thành phố Fuji

• Điện thoại 0545-51-1128

• Thời gian tiếp nhận

8: 30-17: 15

\* Tư vấn qua điện thoại bằng tiếng Nhật

Nếu bạn có nhu cầu được tư vấn thì xin vui lòng điện thoại để đặt trước. Trường hợp khẩn cấp vào ngày lễ hoặc đêm khuya hãy liên lạc cho phòng cảnh sát Fuji

Gọi đến số (0545-51-0110)

● **Cán bộ phúc lợi địa phương / ủy ban trẻ em**

Nhân viên phúc lợi dân sự / ủy ban trẻ em

Có các quan chức phúc lợi địa phương và các thành viên ủy ban trẻ em trong thành phố, và họ tư vấn về các vấn đề khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, chẳng hạn như những người gặp khó khăn trong cuộc sống của họ, người già, người khuyết tật về thể chất và tinh thần, gia đình mẹ, con và hỗ trợ trẻ em. Và lời khuyên.

Nếu bạn muốn biết một thành viên của hội ở gần bạn, thì vui lòng liên hệ với Bộ phận Phúc lợi và Các vấn đề chung.

노력을しても、なお生活していけないときに最低限度の生活を保障し、1日も早く自分たちで生活できるように援助する制度です。

外国籍の方であっても永住者、日本人の配偶者、定住者などは、生活保護に準じた制度を受けられる場合があります。

■ **問い合わせ**

富士市役所 生活支援課

保護担当 (4階北側)

電話 0545-55-2758

● **ドメスティック・バイオレンス(DV)**

配偶者や恋人からの暴力をドメスティック・バイオレンス(DV)といいます。殴る・蹴るだけでなく言葉の暴力もDVです。

1人で悩まず、まずは話してみませんか。緊急の場合は、暴力から逃れるための相談にも応じます。秘密は厳守します。

■ **問い合わせ**

富士市配偶者暴力相談支援センター

• 電話 0545-51-1128

• 受付時間

8時30分～17時15分

※日本語での電話相談になります。面接での相談を希望される方は、まず電話で予約してください。休日や夜間の緊急の場合は、富士警察署(0545-51-0110)に電話してください。

● **民生委員・児童委員**

市内には民生委員・児童委員がいて、それぞれの担当地区で生活に困っている人やお年寄り、心身に障害のある人、母子家庭や児童の援護など、日常生活で様々な問題について相談やアドバイスをしています。

近くの委員を知りたい人は、福祉総務課へお尋ねください。

■ Yêu cầu

Phòng Tổng hợp Phúc lợi Tòa thị chính Fuji  
Phụ trách phúc lợi xã hội (tầng 4 phía nam)  
Điện thoại 0545-55-2757

● **Hệ thống hỗ trợ độc lập cho những người cần**

Chúng tôi cung cấp hỗ trợ độc lập cho những người gặp khó khăn về tài chính và những người có thể không thể duy trì mức sống tối thiểu trước khi đạt được phúc lợi.

Đối với những người có thu nhập dưới một mức nhất định và có thể làm việc, chúng tôi sẽ cung cấp việc làm, hỗ trợ lao động, hỗ trợ việc làm và nhà ở khi nghỉ việc. Sẽ cung cấp các hỗ trợ như trợ cấp an ninh nhà ở để hỗ trợ số tiền tương đương với tiền thuê nhà trong một thời gian nhất định.

Nội dung hỗ trợ khác nhau tùy theo tình trạng của mỗi người, vì vậy nếu bạn đang gặp khó khăn trong cuộc sống, hãy đến để được tư vấn trước.

■ Yêu cầu

Trung tâm Hỗ trợ Việc làm Phổ cập Thành phố Fuji (Tầng 1 Tòa nhà phía Đông) Điện thoại (Denwa) 0545-64-6969

● **Trung tâm hỗ trợ giám hộ người cao tuổi**

Thành phố Fuji đã thành lập một trung tâm hỗ trợ giám hộ người lớn để người già bị sa sút trí tuệ và người không đủ khả năng phán đoán do rối loạn trí tuệ hoặc tâm thần có thể yên tâm sống trong cộng đồng. Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

■ Yêu cầu

Tầng 2 Tòa nhà Filance East  
Trung tâm hỗ trợ giám hộ người lớn thành phố Fuji

-

- Địa chỉ: 432-1 Fuji City Main Market
- Điện thoại 0545-64-6010

■ **問合わせ**

富士市役所 福祉総務課  
社会福祉担当 (4階南側)  
電話 0545-55-2757

● **生活困窮者自立支援 制度**

経済的に困窮し、最低限度の生活を維持することができなくなるおそれのある人に対して、生活保護に至る前の段階の自立支援を実施しています。

所得が一定水準以下で、働くことのできる人を対象に、就職に結びつけるための就労支援を行ったり、離職により住居を失った人、または失うおそれのある人に対して求職活動を行うことを条件に、一定期間の家賃相当額を援助する住居確保給付金などの支援を行ったりします。

その人の状況に応じて支援内容が異なりますので、生活に困窮された場合は、まずは相談にお越しください。

■ **問合わせ**

富士市ユニバーサル就労支援センター (東館 1階)  
電話 0545-64-6969

● **成年後見支援センター**

認知症高齢者や知的障害、精神障害などにより判断能力が十分でない人が、地域で安心して暮らすことができるよう、富士市では成年後見支援センターを設置しています。市民のみなさんの相談に応じますのでご利用ください。

■ **問合わせ**

フィランセ東館 2階  
富士市成年後見支援センター

- 住所 富士市本市場 432-1
- 電話 0545-64-6010



Y tế và sức khỏe

医療と健康

## Bệnh viện công lập

### ● Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji

Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji được trang bị thiết bị y tế mới nhất và nhân viên y tế có tính chuyên môn cao, nỗ lực hoàn chỉnh y tế khu vực và nâng cao dịch vụ dân cư thành phố.

- Khoa chuẩn trị
- Đái tháo đường / Nội tiết / Nội khoa máu, Khoa hô hấp, Nội khoa thận, Tiêu hóa, Thần kinh, Tâm thần và Thần kinh, Y học tim mạch, Phẫu thuật tim mạch, Nhi khoa, Phẫu thuật, Phẫu thuật chỉnh hình, Phẫu thuật Tạo hình, Phẫu thuật Thần kinh, Da liễu, Khoa Tiết niệu, Sản phụ khoa, Nhân khoa, Tai mũi họng. Khoa chẩn đoán hình ảnh bức xạ, Khoa xạ trị, Khoa phẫu thuật nha khoa, Khoa lão khoa, Khoa phục hồi chức năng
- Tiếp tân  
Sáng 8:00 - 11:00 (Giờ bắt đầu khám bệnh là từ 8:30)
- Ngày nghỉ  
Thứ bảy, Chủ Nhật mỗi tuần, ngày lễ, đầu năm cuối năm (29/12 - 3/1)

※Giờ bắt đầu khám bệnh vào thứ Tư của ngoại khoa chỉnh hình là từ 9:30.

※Ngày nghỉ của khoa tâm thần thần kinh là thứ Ba, thứ Sáu.

※Ngày nghỉ của ngoại khoa tạo hình là thứ Năm.

※Khoa tim mạch chỉ làm việc vào thứ Hai và tuần chẵn vào thứ sáu

< Vật mang theo: >

Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, thẻ bảo hiểm, thẻ người nhận thanh toán (chỉ những người có)

## 公立病院

### ● 富士市立中央病院

富士市立中央病院は、最新の医療機器と専門性の高い医療スタッフを備えて、地域医療の充実と市民サービスの向上に努めています。

・ 診療科目  
糖尿病・内分泌・血液内科、呼吸器内科、腎臓内科、消化器内科、神経内科、精神神経科、循環器内科、心臓血管外科、小児科、外科、整形外科、形成外科、脳神経外科、皮膚科、泌尿器科、産婦人科、眼科、耳鼻咽喉科、放射線画像診断科、放射線治療科、歯科口腔外科、老年科、リハビリテーション科

・ 受付  
午前 8 時～11 時  
(診察開始時間は 8 時 30 分からです)

・ 休診日  
毎週土曜日・日曜日  
祝休日  
年末年始  
(12月29日～1月3日)

※整形外科の水曜日の診察開始時間は 9 時 30 分からです。

※精神神経科は、火曜日、金曜日が休診です。

※形成外科は、木曜日が休診です。

※心臓血管外科は、月曜日・金曜日の偶数週以外は休診です。

< 持ち物 >

在留カードまたは特別永住者証明書・保険証・受給者証 (ある方のみ)

◆ **Người lần đầu khám bệnh (bệnh nhân mới)**

Hãy điền vào phiếu đăng ký chẩn trị ở bàn ghi chép ở sảnh Trung tâm tầng 1, nộp ở bàn tiếp nhận bệnh nhân mới (bàn tiếp nhận số ②, số ③)

- ※ Nếu lần đầu nhận chẩn đoán ở khoa tâm thần thần kinh, ngoại khoa tạo hình, ngoại khoa chỉnh hình, phụ khoa, khoa X-quang, nội khoa huyết học. Phẫu thuật nhi khoa / tiết niệu (Chỉ dành cho bệnh nhân ngoại trú của phụ nữ) hãy khám bệnh ở phòng khám gần mình, rồi mang giấy giới thiệu của bác sỹ của phòng khám đến.
- ※ Đối với nhãn khoa, ngày thứ Năm chỉ tiếp nhận khám bệnh lần đầu cho người có giấy giới thiệu và bệnh nhân đặt lịch.
- ※ Hoàn thành hệ thống đặt chỗ chuyển tuyến cho phẫu thuật huyết học và nhi khoa
- ※ Nếu không có giấy giới thiệu mà đến bệnh viện, thì ngoài phí khám bệnh lần đầu được áp dụng bảo hiểm (Trường hợp chịu 30%: 850 yên), bệnh nhân còn chịu phí khám bệnh lần đầu đặc biệt là 5.500 yên cho y khoa, 3.300 yên cho nha khoa.

◆ **Người khám bệnh từ lần thứ 2 trở đi (tái khám)**

Người có đặt lịch, khi cho thẻ khám bệnh vào máy tiếp nhận tái khám dành cho người đặt lịch (màu hồng) thì mẫu giấy lịch cơ bản sẽ in ra từ máy in, nên tiếp theo sẽ nộp lịch cơ bản, thẻ khám bệnh và thẻ bảo hiểm ở bàn tiếp nhận xác nhận thẻ bảo hiểm. Sau khi đã xác nhận xong thẻ bảo hiểm, thì sẽ nhận được tập hồ sơ trong màu vàng có lịch cơ bản nên hãy đến bàn tiếp nhận của khoa chẩn trị đã đặt lịch, rồi hãy nộp nguyên tập hồ sơ trong màu vàng có lịch cơ bản.

Người đến khám khi chưa đặt lịch hoặc đến vào ngày khác với ngày đặt lịch đã chỉ định thì sẽ cho thẻ khám bệnh vào máy tiếp nhận tái khám dành cho người chưa đặt lịch (màu xanh dương), chọn trên màn hình khoa muốn khám thì mẫu giấy lịch cơ bản sẽ in ra từ máy in nên tiếp theo sẽ nộp lịch cơ bản, thẻ khám bệnh và thẻ bảo hiểm ở bàn tiếp nhận xác nhận thẻ bảo hiểm. Sau khi đã xác nhận xong thẻ bảo hiểm, thì sẽ nhận được tập hồ sơ màu vàng có lịch cơ bản nên hãy đến bàn tiếp nhận của khoa chẩn trị mong muốn, rồi hãy nộp nguyên tập hồ sơ màu vàng đó. Nếu đã hơn nửa năm từ lần khám bệnh trước, thì giống với người khám bệnh lần đầu (bệnh nhân mới).

Thời gian : Từ 01:00 chiều đến 08:00 chiều hàng ngày

Phí gửi xe ô tô: 50 yên mỗi 30 phút (chưa có thuế)

- ※ Miễn phí cho bệnh nhân ngoại trú (In dấu miễn phí ở tiếp tân của từng khoa, bàn tiếp nhận thanh toán)

◆ **初めて診察を受ける方(新患)**

1階中央ホールの記載台にある診療申込書に記入し、新患受付窓口(②番③番窓口)へ提出してください。

※精神神経科・形成外科・整形外科・婦人科・放射線科、血液内科・小児外科・泌尿器科(女性外来のみ)を初めて受診する場合はお近くの診療所を受診し、診療所の医師の紹介状をお持ちください。

※眼科は、木曜日は紹介状をお持ちの方の初診及び予約のみです。

※血液内科・小児外科は完全紹介予約制

※紹介状をお持ちにならずに来院された場合に、保険適用される初診料(3割負担の場合:850円)に加えて、医科 5,500円、歯科 3,300円の特別初診料をご負担いただきます。

◆ **2回目以降の方(再診)**

予約している方は、予約用の再診受付機(ピンク色)に診察券を入れると、プリンタより基本スケジュールの用紙が出ますので、次に保険証の確認窓口で基本スケジュールと診察券と保険証を提出します。保険証の確認が済むと基本スケジュールの入った黄色のクリアファイルを渡されるので、予約してある診療科の窓口へ行き、基本スケジュールの入った黄色のクリアファイルをそのまま提出してください。

予約していない人、または予約指定以外の日に来院した人は、予約外用の再診受付機(青色)に診察券を入れ、希望する科を画面で選択すると、プリンタより基本スケジュールの用紙が出ますので、次に保険証の確認窓口で基本スケジュールと診察券と保険証を提出します。保険証の確認が済むと基本スケジュールの入った黄色のクリアファイルを渡されるので、希望する診療科の窓口へ

- Sử dụng điện thoại di động

Tại bệnh viện, hạn chế sử dụng điện thoại di động trong bệnh viện khi xem xét đến ảnh hưởng đối với thiết bị y tế, và có thiết lập “khu vực cấm sử dụng”, “khu vực có thể gửi email” và “khu vực có thể gọi điện thoại”.

(Khu vực cấm sử dụng:)

Hãy tắt nguồn điện thoại di động.

(Khu vực có thể gửi email:)

Có thể gửi nhận email và dùng web ở chế độ im lặng. Khu vực có thể gửi email là ngoài khu vực cấm sử dụng và khu vực có thể gọi điện thoại

(Khu vực có thể gọi điện thoại:)

Có thể gọi điện thoại, gửi nhận email và dùng web ở chế độ im lặng.

- Giải đáp thắc mắc

Bệnh viện trung tâm thành phố Fuji  
Số 50Takashimacho, thành phố Fuji,  
điện thoại 0545-52-1131

- Bệnh viện đa khoa Kyoritsu Kanbara

2500-1Nakanogo, thành phố Fuji,  
điện thoại 0545-81-2211 (số đại diện)

Bệnh viện đang nỗ lực nâng cao dịch vụ y tế để trở thành một bệnh viện đa khoa mà mọi người trong khu vực có thể đến một

đi, cơ bản theo lịch trình đã được đưa vào màu xanh của tệp tin đính kèm. Vui lòng gửi kèm theo.

Trong trường hợp đã đi khám lần đầu tiên, vui lòng đến khám (bệnh nhân mới) để khám.

- 面会時間

毎日、午後 1 時から午後 8 時まで

- 駐車料金

30 分毎 50 円 (税別)

※外来患者さんは無料 (各科受付・会計窓口にて無料スタンプを押印)

- 携帯電話の利用

本院では、医療機器への影響を考慮して、院内での携帯電話使用を制限させていただいており、「使用禁止区域」、「メール許可区域」及び「通話可能区域」が設定されています。

(使用禁止区域)

携帯電話の電源をお切りください。

(メール許可区域)

マナーモードでのメールの送受信及びWEBのご利用が可能です。

メール許可区域は、使用禁止区域及び通話可能区域以外です。

(通話可能区域)

マナーモードでの通話・メールの送受信・WEBのご利用が可能です。

- 問い合わせ

富士市立中央病院  
富士市高島町 50 番地  
電話 0545-52-1131

- 共立蒲原総合病院

富士市中之郷 2500 番地の 1 電話  
0545-81-2211(代)

病気やケガの時、健康に不安を感じ



cách thoát mái khi có bệnh hoặc bị thương, khi cảm thấy bất an về sức khỏe, bằng cách hoàn chỉnh thiết bị y tế tiên tiến và đào tạo nhân viên.

#### < Khoa chẩn trị >

Nội khoa, nội khoa thần kinh, nội khoa tâm lý, khoa tâm thần, nội khoa hệ hô hấp, nội khoa hệ tiêu hóa, nội khoa hệ tuần hoàn, nội khoa bệnh tiểu đường nội tiết, khoa nhi, ngoại khoa, ngoại khoa chỉnh hình, ngoại khoa não thần kinh, khoa da liễu, khoa tiết niệu, phụ khoa, nhãn khoa, khoa tai mũi họng, khoa X quang, khoa chẩn trị tổng hợp

- Tiếp tân (Bệnh nhân ngoại trú)  
07:30 sáng đến 11:15 sáng
- ※ Nếu muốn khám bệnh khẩn cấp như bệnh cấp tính, hãy yêu cầu với tiếp tân lúc đó.
- Ngày nghỉ  
Thứ bảy, Chủ Nhật, ngày lễ,  
đầu năm cuối năm (29/12 - 3/1)
- Khi không biết khoa cần khám, hãy hỏi ở quầy hướng dẫn tổng hợp.

#### ◆ Bệnh nhân khám lần đầu

- Nếu khám lần đầu
  - Nếu trước đó đã từng khám nhưng sau khi điều trị xong thì muốn khám lại
  - Nếu trước đó từng khám nhưng bệnh nhân tự ngưng điều trị, và lại tái khám
- Hãy điền phiếu đăng ký chẩn trị ở quầy, rồi nộp chung với thẻ bảo hiểm ở bàn tiếp tân tổng hợp.  
Người có giấy giới thiệu hãy nộp chung.

#### ◆ Bệnh nhân tái khám

- Nếu khám bệnh định kỳ
- ※ Đối với bệnh nhân khám bệnh định kỳ, thì cũng xác nhận thẻ bảo hiểm 1 lần 1 tháng.  
Dù bệnh nhân đã có đặt lịch trước đó, sau khi làm xong thủ tục ở máy tiếp nhận tái khám, hãy đến phòng ngoại trú hoặc phòng xét nghiệm.
- Thời gian:  
Từ 01:00 chiều đến 08:00 chiều
  - Sử dụng bãi đậu xe  
Đậu xe 100 yên cho 1 tiếng, sau khi quá 1 tiếng, 50 yên cho mỗi 30 phút  
Miễn phí cho bệnh nhân ngoại trú. (Xác nhận thẻ giữ xe khi thanh toán)

じた時、地域のみなさまが気軽に超越いただける総合病院として高度医療機器と職員教育の充実により、医療サービスの向上に努めております。

#### < 診療科目 >

内科・神経内科・心療内科・精神科・呼吸器内科・消化器内科・循環器内科・糖尿病内分泌内科・小児科・外科・整形外科・脳神経外科・皮膚科・泌尿器科・婦人科・眼科・耳鼻いんこう科・放射線科・総合診療科

- 受付 (外来患者)  
午前 7 時 30 分～午前 11 時  
15 分  
※急病など緊急に受診したい場合は、随時受付へお申し出下さい。
- 休診日  
土曜日・日曜日、祝休日、年末年始 (12 月 29 日～1 月 3 日)
- 受診する科がわからないときには、総合案内でおたずねください。

#### ◆ 初診の患者様

- 初めて受診される場合
- 以前に受診されたことはあるが、治療が終了した後に再び受診される場合
- 以前に受診されたことはあるが、患者様が任意に治療を中止し、改めて受診される場合  
カウンターにて診療申込を記入し、総合受付に保険証と共にお出してください。  
紹介状をお持ちの方は、一緒にお出してください。

#### ◆ 再診患者様

- 定期的を受診されている場合
- ※定期的を受診されている方  
につきましても、月に 1 度の

保険証確認をさせていただいております。  
事前に予約されている方も、  
再来受付機にて手続き後、外  
来または検査室にお越し  
ください。

- ・面会時間  
午後 1 時～午後 8 時まで
- ・駐車場利用  
駐車 1 時間まで 100 円 1 時間  
を超えた場合、30 分毎 50 円  
外来患者様は無料になりま  
す。(会計にて駐車券を認証)

## Bệnh viện tư và phòng khám

Ngoài bệnh viện trung tâm thành phố, còn có nhiều bệnh viện và phòng khám trong khu vực mọi người sinh sống.  
Hãy xem trang web của hội bác sỹ thành phố Fuji để biết chi tiết.  
(chỉ có tiếng Nhật)  
Đến trang web của hội bác sỹ thành phố Fuji  
<http://www.fuji.shizuoka.med.or.jp/>

- Nếu có bệnh và bị thương vào Chủ Nhật, ngày lễ, ban đêm

Chẩn trị tại trung tâm cấp cứu y tế và hội quán bác sỹ nha khoa.  
Khi cần điều trị khẩn cấp do bệnh cấp tính và tai nạn giao thông,  
v.v., hãy gọi điện đến số 119 để gọi xe cấp cứu.

### ◆ Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji (Nội khoa, nhi khoa, ngoại khoa)

<Thời gian chẩn trị>

- ・ Ngày nghỉ, ngày lễ 9:00 đến 8:00 sáng hôm sau
- ・ Thứ Bảy 14:00 đến 8:00 sáng hôm sau
- ・ Ngày thường 19:00 đến 8:00 sáng hôm sau

※ Khoa sản phụ, nhãn khoa, khoa tai mũi có bác sỹ trực cấp cứu.  
Trang web thành phố, hoặc bác sỹ trực cấp cứu Thông báo bằng số điện thoại 51-9999, nên hãy xác nhận ở đây.

### ■ Giải đáp thắc mắc

Trung tâm cấp cứu y tế thành phố Fuji  
217-2Tsuta, thành phố Fuji  
Điện thoại 0545-51-0099

## 私立の病院及び診療所

市立中央病院の他に、皆様  
の暮らす各地域にも、様々な病院  
や診療所があります。

詳しくは富士市医師会のページ  
をごらんください。(日本語のみ)  
富士市医師会のページへ  
<http://www.fuji.shizuoka.med.or.jp/>

### ●日曜・祝日・夜間等に病気や怪我をした場合

救急医療センターや、歯科医師会館で診療を行っています。急病や交通事故等で急いで手当が必要なときは、119 番に電話をして救急車を呼びましょう。

### ◆富士市救急医療センター

(内科・小児科・外科)

<診療時間>

- ・ 休日・祝日 9 時～翌朝 8 時
- ・ 土曜日 14 時～翌朝 8 時
- ・ 平日 19 時～翌朝 8 時

※産婦人科・眼科・耳鼻科は救急当番医があります。市ウェブサイト、または、救急救急当番医 電話 51-9999 でお知らせしていますので、確認してください。

### ■問い合わせ

富士市救急医療センター

◆ **Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji (nha khoa)**

<Thời gian chẩn trị>

- Ngày nghỉ, ngày lễ 9:00 đến 12:00, 13:00 đến 16:00

■ **Giải đáp thắc mắc**

Hội quán bác sỹ nha khoa thành phố Fuji  
2850-3Denbo, thành phố Fuji  
Điện thoại 0545-53-5555

**Sức khỏe**

● **Sức khỏe của người trưởng thành**

◆ **Tư vấn sức khỏe của người dân**

Chúng tôi sẽ tham khảo ý kiến của những người quan tâm đến các bệnh về lối sống như huyết áp cao, cholesterol cao và mức đường huyết cao.

◆ **Tư vấn dinh dưỡng cho người dân**

Chúng tôi cung cấp dịch vụ tư vấn về thức ăn trẻ em, thói quen ăn uống cho trẻ em và thanh thiếu niên, béo phì, bất thường lipid, tiểu đường, v.v.

■ **Yêu cầu tư vấn**

Fuji City Philance  
Ban chính sách y tế  
Chợ chính thành phố Fuji 432-1  
Điện thoại 0545-64-8992

◆ **Tư vấn sức khỏe xương**

Khối lượng xương ước tính được đo bằng sóng siêu âm và cung cấp các cuộc tư vấn về tăng cường sức khỏe xương và các bệnh về lối sống.

■ **Yêu cầu**

Fuji City Philance  
Ban Y tế Cộng đồng  
Fuji-shi Motoichiba 432-1  
Điện thoại 0545-64-8993

◆ **Phòng chống bệnh lao**

Nếu bạn có các triệu chứng như ho hoặc sạm da trong hơn 2 tuần, bạn có thể mắc bệnh lao. Hãy đến bệnh viện chẩn đoán càng sớm càng tốt. Ngoài ra, hãy thường xuyên tham gia kiểm tra sức khỏe bệnh lao do thành phố hoặc công ty tổ chức.

Tại thành phố Fuji, việc khám bệnh được tiến hành tại các trung tâm phát triển thị trấn, v.v.

◆ **Phòng chống ung thư (tính phí)**

富士市津田 217-2

電話 0545-51-0099

◆ **富士市歯科医師会館 (歯科)**

<診療時間>

- 休日・祝日 9時～12時、  
13時～16時

■ **問い合わせ**

富士市歯科医師会館  
富士市伝法 2850-3  
電話 0545-53-5555

**健康**

● **成人の保健**

◆ **市民健康相談**

血圧が高い、コレステロールが高い、血糖値が高いなど生活習慣病が気になる人の相談を行います。

◆ **市民栄養相談**

離乳食、子どもや思春期の食生活、肥満、脂質異常、糖尿病などの食事の相談を行います。

■ **問い合わせ**

富士市フィランセ  
健康政策課  
富士市本市場 432-1  
電話 0545-64-8992

◆ **骨の健康相談**

超音波による推定骨量を測定し、骨の健康づくりや生活習慣病の相談を行います。

■ **問い合わせ**

富士市フィランセ  
地域保健課  
富士市本市場 432-1  
電話 0545-64-8993

◆ **結核予防**

2週間以上も、せき・たんが止まらない等の症状がありましたら結核という病気かもしれません。早めに病院で診断を受けてください。また

Để phát hiện sớm ung thư (dạ dày, phổi, ruột kết, tử cung, sữa, tuyến tiền liệt) và viêm gan, vui lòng thực hiện các cuộc kiểm tra y tế khác nhau tại mỗi cơ sở y tế, trung tâm phát triển thị trấn hoặc cân bằng và sử dụng nó để quản lý sức khỏe.

Để nhận được giấy khám ung thư, bạn sẽ cần "Phiếu đăng ký khám" sẽ được chuyển vào cuối tháng Tư. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo Hướng dẫn Kiểm tra Thành phố Fuji kèm theo.

#### ◆ Tiêm phòng cho người cao tuổi

Chúng tôi cung cấp trợ cấp chủng ngừa cúm hàng năm cho những người từ 65 tuổi trở lên. Thời gian tiêm chủng từ tháng 10 đến cuối tháng 1, và chi phí tự trả là 1.650 yên. Khi tiêm chủng ở các thành phố và thị trấn khác trong tỉnh Shizuoka, cần phải có đơn yêu cầu do thị trưởng Fuji cấp.

Phiếu khám trước sẽ được gửi cho những người 65 tuổi, 70 tuổi, 75 tuổi, 80 tuổi, 85 tuổi, 90 tuổi, 95 tuổi và 100 tuổi tiêm vắc-xin phế cầu lần đầu. Thời hạn là đến ngày 31 tháng 3 và số tiền thanh toán là 3.000 yên.

#### ■ Yêu cầu tư vấn

Fuji City Philance  
Phòng chính sách y tế Khám sức khỏe  
Chợ chính thành phố Fuji 432-1  
Điện thoại 0545-64-8992  
\* tiêm chủng  
Ban chính sách y tế Nâng cao sức khỏe  
Điện thoại 0545-64-9023

#### ◆ Tư vấn / xét nghiệm máu AIDS

Tại Trung tâm Y tế Fuji, các xét nghiệm AIDS được thực hiện từ 9:00 đến 11:30 vào thứ Tư thứ hai hàng tháng, từ 9:00 đến 11:30 vào thứ tư của các tháng lẻ và từ 18:00 cho đến 19:10 phút vào thứ tư của tháng chẵn.

Nếu muốn, bạn có thể ẩn danh, vì vậy vui lòng đặt chỗ trước. Chúng tôi sẽ giữ bí mật. Nhận tư vấn bất cứ lúc nào

#### ■ Yêu cầu tư vấn

Trung tâm Y tế và Phúc lợi Fuji  
(Trung tâm Y tế Fuji) Bộ phận Y tế  
Chợ chính thành phố Fuji 441-1  
Điện thoại 0545-65-2206

市や会社で行っている結核健診を必ず受けましょう。

市ではまちづくりセンター等で健診を実施していますのでご利用ください。

#### ◆がん予防(有料)

がん(胃・肺・大腸・子宮・乳・前立腺)、肝炎の早期発見のため、各医療機関、まちづくりセンター又はフィランセなどで行われる各種検診を受けて健康管理に役立ててください。

がん検診の受診には、4月末に発送される「がん検診等受診券」が必要になります。詳細は同封の富士市検診ガイドをご参照ください。

#### ◆高齢者の予防接種

65歳以上の人に対して、年1回インフルエンザ予防接種の助成を行っています。接種の時期は10月から1月末までで、自己負担額1,650円です。静岡県内の他市町で接種する場合は、富士市長発行の依頼書が必要です。

65歳、70歳、75歳、80歳、85歳、90歳、95歳、100歳で初めて肺炎球菌ワクチンを接種する人には予診票を送付します。期間は3月31日までで、自己負担金額は3,000円です。

#### ■問い合わせ

富士市フィランセ  
健康政策課 健診担当  
富士市本市場 432-1  
電話 0545-64-8992

#### \* 予防接種

健康政策課 健康推進担当  
電話 0545-64-9023

#### ◆エイズ血液検査・相談

富士保健所ではエイズ検査を、毎月第2水曜日の9時から11時30分までと、奇数月の第4水曜日の9時

から 11 時 30 分まで、及び偶数月の第 4 水曜日の 18 時から 19 時 10 分まで実施しています。

ご希望の方は、匿名でかまいませんので事前に予約をしてください。秘密は厳守します。相談は随時行っています。

#### ■問い合わせ

富士健康福祉センター  
(富士保健所) 医療健康課  
富士市本市場 441-1  
電話 0545-65-2206

#### ● Sức khỏe bà mẹ và trẻ em

##### ◆ Phát hành Sổ tay Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em (Parent and Child Health Handbook)

Bằng cách gửi mẫu thông báo mang thai do cơ sở y tế viết, v.v., chúng tôi sẽ phát hành sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em (sổ tay sức khỏe cha mẹ và trẻ em), tư vấn sức khỏe và giải thích hoạt động kinh doanh sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

##### ◆ Kinh doanh tăng cường dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em

Chúng tôi cung cấp thực phẩm dinh dưỡng để duy trì và cải thiện sức khỏe cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh trong các hộ gia đình được bảo vệ sinh kế, thuế thành phố (thuế cư trú) và các hộ gia đình được miễn thuế thu nhập. Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có.

##### ◆ Cấp phiếu khám sức khỏe thai sản và phiếu khám sàng lọc thính lực trẻ sơ sinh

Chúng tôi sẽ phát hành phiếu khám sức khỏe thai sản và phiếu khám sàng lọc thính lực trẻ sơ sinh cùng với Sổ tay Sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em (Parent and Child Health Handbook) để nhận chi phí công khai cho việc kiểm tra sức khỏe thai sản và kiểm tra thính lực trẻ sơ sinh.

#### ■ Yêu cầu

Phòng Tương lai Trẻ em của Tòa thị chính Fuji  
(Tổng đài tư vấn nuôi dạy trẻ)  
Điện thoại 0545-55-2896

#### ◆ Lớp học của bố và mẹ

#### ● 母と子の健康

##### ◆ 母子健康手帳(親子健康手帳)の交付

医療機関等が記載した妊娠届出書の提出により母子健康手帳(親子健康手帳)の交付と健康相談、母子保健事業の説明を行います。

##### ◆ 母子栄養強化事業

生活保護世帯・市民税(住民税)及び所得税非課税世帯の妊産婦と乳児に対して、健康の保持・増進のための栄養食品を支給します。該当する人はご相談ください。

##### ◆ 産婦健康診査受診票及び新生児聴覚スクリーニング検査受診票の交付

妊産婦健康診査及び新生児聴覚スクリーニング検査の公費負担を受けるための妊産婦健康診査受診票及び新生児聴覚スクリーニング検査受診票を母子健康手帳(親子健康手帳)とともに交付します。

#### ■問い合わせ

富士市役所こども未来課  
(子育て総合相談センター)  
電話 0545-55-2896

#### ◆ お母さんお父さん教室

Chúng tôi sẽ trao đổi về vấn đề mang thai, sinh nở và khám sức khỏe răng miệng để những ai lần đầu mang thai và vợ chồng họ yên tâm sinh con và nuôi con.

◆ **Thăm em bé**

Chúng tôi sẽ đến thăm nhà nơi em bé được sinh ra và tư vấn về việc đo cân nặng, sự phát triển của bé, các mối quan tâm về chăm sóc trẻ và tư vấn về tình trạng thể chất của bà mẹ.

◆ **Lớp ăn cho trẻ em**

Chúng tôi sẽ giảng về cách chế biến thức ăn cho trẻ em, giải thích cách chế biến và lấy mẫu.

◆ **Kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh**

Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra sức khỏe tại một cơ sở y tế có hợp đồng cho trẻ em từ 4 hoặc 10 tháng tuổi.

Phiếu tư vấn khám sức khỏe

Phiếu khám sức khỏe sẽ được gửi qua bưu điện.

◆ **Bắt đầu khóa học / sách cho bé 6 tháng tuổi Fuji**

Mục tiêu là một đứa trẻ 6 tháng tuổi và phụ huynh.

Nội dung nói về dinh dưỡng, chơi với giáo viên mẫu giáo và tư vấn cá nhân.

Ngoài ra, còn có các tiết mục kể chuyện, giới thiệu, tặng sách tranh.

◆ **Khám sức khỏe trẻ sơ sinh / Cuốn sách thứ hai Fuji (3 tuổi)**

Chúng tôi thực hiện khám sức khỏe cho trẻ 1 tuổi 6 tháng và trẻ 3 tuổi.

Nội dung bao gồm phỏng vấn, đo thể chất, khám sức khỏe, khám răng, tư vấn sức khỏe / dinh dưỡng / nha khoa và ứng dụng bề mặt răng fluor.

Ngoài khám bệnh cho trẻ 3 tuổi còn có khám mắt, khám nước tiểu, kể chuyện sách tranh, tặng sách tranh.

◆ **Tư vấn bố, mẹ và trẻ (yêu cầu đặt trước)**

Trước khi vào nhà trẻ, mẫu giáo, v.v.

Chúng ta sẽ cùng nhau suy nghĩ về những lo lắng về sự phát triển của đứa trẻ và cách đối xử với chúng, và những lo lắng khi nuôi dạy trẻ.

Đầu tiên là người đã mang thai và người bạn đời của họ, nhưng hãy yên tâm về việc sinh con và nuôi con. Chúng tôi sẽ trao đổi về vấn đề mang thai, sinh nở và khám sức khỏe răng miệng để những ai lần đầu mang thai và vợ chồng họ yên tâm sinh con và nuôi con.

◆ **赤ちゃん訪問**

赤ちゃんが生まれた家庭を訪問して、赤ちゃんの体重測定・発育発達・育児上の心配事などの相談や、お母さんの体調に関する相談に応じます。

◆ **離乳食講習会**

離乳食の進め方についての講話・作り方の説明・試食を行います。

◆ **乳児健康診査**

満4か月・10か月になった児を対象に、委託契約医療機関にて健康診査を行います。

健康診査受診票・健康診査票は郵送します。

◆ **6か月児すくすく赤ちゃん講座・ブックスタートふじ**

対象は6か月児とその親です。

内容は栄養の話、保育士とのふれあい遊び、個別相談を行っています。

また、絵本の読み聞かせ・紹介・プレゼントがあります。

◆ **幼児健康診査・セカンドブックふじ (3歳)**

1歳6か月児と3歳児の健康診査を行います。

内容は、問診、身体測定、内科健診、歯科健診、健康・栄養・歯科相談、フッ化物歯面塗布を行っています。

3歳児健診では、加えて眼科健診、尿検査、絵本の読み聞かせと絵本のプレゼントがあります。

◆ **おやこ相談(要予約)**

幼稚園・保育園等入園前のお子さんの発達や接し方で気がかりなことや、育児の悩みについて一緒に考えます。

#### ◆ Dịch vụ trợ cấp chi phí điều trị vô sinh / chăm sóc trẻ em

Để giảm bớt gánh nặng tài chính cho các cặp vợ chồng bị vô sinh, hiếm muộn, chúng tôi hỗ trợ chi phí điều trị vô sinh, hiếm muộn. Đối tượng là một cặp vợ chồng có chồng hoặc vợ sống tại thành phố Fuji vào ngày tư vấn, mua bảo hiểm y tế và thực hiện điều trị vô sinh, hiếm muộn tại các cơ sở y tế trong nước. Vui lòng liên hệ với Philance để biết thêm thông tin.

#### ◆ Đơn xin chăm sóc trẻ sinh non

Chúng tôi sẽ trợ cấp chi phí y tế liên quan đến điều trị nội trú tại một cơ sở y tế điều dưỡng được chỉ định cho trẻ sơ sinh có cân nặng dưới 2.000 g khi sinh hoặc có sức sống đặc biệt yếu và bác sĩ cho là phải nhập viện. Các ứng dụng sẽ được chấp nhận tại Philance. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để có các tài liệu cần thiết.

##### ■ Yêu cầu

Fuji City Philance  
Bộ phận Y tế Cộng đồng Các vấn đề chung  
Chợ chính thành phố Fuji 432-1  
Điện thoại 0545-64-8994

#### ◆ Tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm

Để bảo vệ trẻ em khỏi các bệnh truyền nhiễm và xây dựng một cơ thể khỏe mạnh, chúng tôi quy định loại và thời gian tiêm chủng.

Nhiễm vi rút rota, Hib, phế cầu nhi, viêm gan siêu vi B, hỗn hợp 4 loại, varicella, BCG, MR, viêm não nhật bản, hỗn hợp 2 loại, phòng ngừa ung thư cổ tử cung

Những người muốn tiêm chủng ở các thành phố và thị trấn khác trong tỉnh Shizuoka sẽ cần có đơn yêu cầu do Thị trưởng Fuji cấp.

Đối với phương pháp tiêm chủng tự nguyện, chúng tôi hỗ trợ một phần chi phí tiêm chủng cúm cho những người từ lớp 1 đến lớp 3 ở trường trung học.

##### ■ Yêu cầu

Fuji City Philance  
Ban chính sách y tế Nâng cao sức khỏe  
Chợ chính thành phố Fuji 432-1  
Điện thoại 0545-64-9023

#### ◆ 不妊・不育治療費助成事業

不妊や不育に悩む夫婦の経済的負担の軽減を図るため、不妊や不育治療に要した費用の助成を行っています。

対象は、受診日において、夫または妻が富士市に在住し、医療保険に加入して、国内の医療機関で不妊や不育治療を行う夫婦です。詳しくはフィランセにお問い合わせください。

#### ◆ 未熟児養育医療の申請

出生時体重が 2,000g 以下または生活力が特に薄弱で医師が入院を必要と認めた赤ちゃんの指定養育医療機関での入院治療に伴う医療費を助成します。申請はフィランセで受け付けます。必要書類はお問い合わせください。

##### ■ お問い合わせ

富士市フィランセ  
地域保健課 総務担当  
富士市本市場 432-1  
電話 0545-64-8994

#### ◆ 予防接種 感染症予防のために

子供たちを感染症から守り、健康な体をつくるために予防接種の種類と期間を定めての予防接種を行っています。

ロタウイルス感染症・ヒブ・小児用肺炎球菌・B型肝炎・4種混合・水痘・BCG・MR・日本脳炎・2種混合・子宮頸がん予防

静岡県内の他市町で接種を希望される方は、富士市長発行の依頼書が必要になります。

任意接種については、満1歳から高校3年生相当の方にインフルエンザの接種費用の一部を助成しています。

##### ■ お問い合わせ

富士市フィランセ  
健康政策課 健康推進担当  
富士市本市場 432-1

● Thủ tục sau khi sinh con

・ Khai sinh

Trong vòng 14 ngày từ ngày sinh, cha hoặc mẹ hãy khai báo.

- ◆ Vật mang theo: Giấy khai sinh (chứng nhận sinh), sổ sức khỏe của mẹ con, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của bố mẹ
- ◆ Bàn tiếp nhận: Bàn tiếp nhận thay đổi hộ khẩu, phụ trách dân cư hộ khẩu, phòng dân cư thành phố, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Bắc tầng 2 Ủy ban Nhân dân Thành phố)  
Điện thoại 0545-55-2749
- ◆ Thời gian tiếp tân: 8:30 đến 17:15  
※ Nếu chỉ nộp giấy khai đã điền, ngoài thời gian tiếp nhận vào ngày Ủy ban mở cửa, có thể nộp ở phòng bảo vệ.

● Yêu cầu thanh toán tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ

Trường hợp người được bảo hiểm của Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân sinh con, thì ứng với một lần sinh (nếu sinh đôi, v.v. thì theo số thai nhi) sẽ chi trả 420.000 yên cho chủ hộ gia đình.

Sau thủ tục khai sinh ở phòng dân cư thành phố, hãy nhận giấy yêu cầu chi trả tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ, rồi nộp đơn ở phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân.

※ Nếu khai báo với cơ quan y tế mà mình đã sinh và có hợp đồng băng văn bản, thì có thể sử dụng chế độ thanh toán tiền tạm thời do thành phố Fuji chi trả đối với cơ quan y tế trực tiếp. Hãy liên hệ phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân để biết chi tiết.

◆ Vật mang theo

- ・ Thẻ Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân
- ・ Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người đã sinh
- ・ Bản kê chi tiết có ghi chi tiết chi phí sinh con
- ・ Hồ sơ xác nhận đồng ý về chế độ chi trả trực tiếp với cơ quan y tế, v.v.
- ・ Con dấu
- ・ Vật cho biết tài khoản của chủ hộ gia đình

※ Người đang tham gia Bảo hiểm Sức khỏe ở nơi làm việc, hoặc người thân cần nuôi dưỡng của người đó cũng có chế độ tương

● 出産後の手続き

・ 出生届

出生の日から14日以内に父または母が届け出てください。

◆ 持ち物: 出生届 (出生証明書)・母子健康手帳・両親の在留カードまたは特別永住者証明書

◆ 受付窓口:

富士市役所  
市民課 戸籍住民担当  
(市役所2階北側)

戸籍異動窓口

電話 0545-55-2749

◆ 受付時間:

8時30分～17時15分

※ 届書を提出するのみの場合は、開庁日の受付時間以外でも、警備員室に提出することができます。

● 出産育児一時金の請求

国民健康保険の被保険者が出産した場合は、出産1件につき42万円(双子などの出産の場合は胎児数に応じて)を世帯主に支給します。

市民課にて出生届の手続き後、出産育児一時金支給申請書を受け取り、国保年金課にて申請してください。

※ 出産される医療機関等に申し、書面による契約を取り交わせば、富士市が直接医療機関等に対し一時金を支払う制度を利用できます。詳細は、国保年金課にお問い合わせください。

◆ 持ち物

- ・ 国民健康保険証
- ・ 出産した方の在留カードまたは特別永住者証明書
- ・ 出産費用の内訳を記した明細書
- ・ 医療機関等との直接支払制度の合意確認書類



tự, nên hãy liên hệ chủ thuê lao động.

#### ◆ Bàn tiếp nhận

Phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Bắc, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố)

Điện thoại 0545-55-2751

### Bảo hiểm sức khỏe

Tất cả người đang sống tại Nhật Bản, phải tham gia Bảo hiểm Y tế công.

Khi tham gia bảo hiểm y tế thì chi phí y tế tự chi trả còn 10-30%, và có thể nhận chi trả tiền tạm thời sinh và nuôi trẻ, phí mai táng, v.v.

Trong Bảo hiểm Y tế công của Nhật Bản, đại khái có “Bảo hiểm xã hội” mà người đi làm ở công ty, v.v. tham gia, và “Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân” mà những người khác tham gia.

Có chế độ y tế người cao tuổi giai đoạn sau cho những người từ 75 tuổi trở lên.

#### ● Bảo hiểm tham gia tại nơi làm việc (Bảo hiểm xã hội)

Người làm việc tại công ty và người thân của họ sẽ tham gia.

Phí bảo hiểm do công ty trả một nửa. Hãy liên hệ chủ thuê lao động về việc tham gia.

#### ● Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân

Những người không thể tham gia Bảo hiểm xã hội sẽ tham gia. Đây là chế độ bảo hiểm y tế mà ngày thường sẽ góp tiền (thuế bảo hiểm), cùng giúp lẫn nhau để giảm bớt gánh nặng kinh tế dù chút ít đi nữa. Đây là bảo hiểm được vận hành bởi tiền do thuế bảo hiểm của người tham gia, và tiền do quốc gia, tỉnh, thành phố, v.v. chi trả.

#### ◆ Điều kiện tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân

- ・印鑑
- ・世帯主の口座がわかるもの

※職場で健康保険に加入している方、もしくはその扶養家族の方にも同じ様な制度がありますので雇用主にお問い合わせください。

#### ◆受付窓口

富士市役所国保年金課

(市役所 3階北側)

電話 0545-55-2751

### 健康保険

日本に住んでいるすべての人は、公的医療保険に加入しなければなりません。

医療保険に加入すると、医療費の自己負担は1～3割になり、出産育児一時金、葬祭費等の支給を受けることができます。

日本の公的医療保険には、大きく分けて会社などに勤める人が加入する「社会保険」と、それ以外の方が加入する「国民健康保険」があります。

75歳以上の方には後期高齢者医療制度があります。

#### ●職場で加入する保険(社会保険)

会社で働く人やその家族が加入します。

保険料は会社が半分負担してくれます。加入については雇用主にお問い合わせください。

#### ●国民健康保険(国保)

社会保険に入ることができない人が加入します。日頃からお金(保険税)を出し合い、経済的な負担が少しでも軽く済むようお互いに助け合う医療保険制度です。加入者の保険税と国、県、市等からの負担金で運営されています。

#### ◆国保に加入する条件

Những người đã đăng ký sổ đăng ký thường trú cơ bản và không có tư cách tham gia các bảo hiểm sức khỏe khác sẽ là đối tượng tham gia.

Người đang nhận trợ cấp hộ nghèo cũng không thể tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân.

◆ **Vật mang theo khi tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân**

Thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt và hộ chiếu, con dấu của tất cả những người tham gia (từ ngày 9/7/2012, cần thẻ cư trú của tất cả những người tham gia), giấy chứng nhận đã mất tư cách bảo hiểm xã hội (trường hợp đã ra khỏi bảo hiểm xã hội)

◆ **Vật cần thiết khi ra khỏi Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân**

Thẻ Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, thẻ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội hoặc giấy chứng nhận đã tham gia bảo hiểm xã hội (trường hợp đã tham gia Bảo hiểm xã hội)

Các trường hợp sau sẽ cần khai báo. Trong vòng 14 ngày, hãy khai báo với bàn tiếp nhận phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji.

- Thay đổi địa chỉ và tên họ
- Về nước và chuyển nhà ra thành phố, phường khác
- Tham gia bảo hiểm xã hội, v.v.

※Chú ý!!

Trường hợp ra khỏi Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân của thành phố Fuji do chuyển nhà ra thành phố, phường khác, v.v. thì không thể sử dụng Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân của thành phố Fuji. Nhất định phải trả lại thẻ bảo hiểm tại phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji.

● **Tại bệnh viện**

Khi phải đến các cơ quan y tế như bệnh viện, v.v., hãy trình thẻ Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân cho bàn tiếp nhận.

Tuy nhiên, bạn phải tự chịu 20% hoặc 30% chi phí khám chữa bệnh. (Đối với người từ 70 tuổi đến 75 tuổi, tỷ lệ miễn giảm được ghi trên thẻ bảo hiểm y tế).

※Tùy theo nội dung như kiểm tra sức khỏe, tiêm ngừa, sinh con, chữa răng đặc biệt mà có thể không phải là đối tượng được bảo hiểm.

住民基本台帳に登録された方で他の健康保険に加入する資格がない方が対象となります。

生活保護の方も国民健康保険に加入できません。

◆ **国保に加入する時の持ちもの**

加入するすべての人の分の在留カードまたは特別永住者証明書とパスポート、印鑑（平成 24 年 7 月 9 日からは、加入する全ての人の分の在留カードが必要となります）、社会保険の資格を喪失した証明書（社会保険から脱退した場合）

◆ **国保から脱退する時の持ちもの**

国民健康保険証、社会保険の保険証あるいは社会保険に加入した証明書（社会保険に加入した場合）

次の場合には届出が必要です。

14 日以内に富士市役所 3 階国保年金課窓口へ届け出てください。

- 住所や氏名の変更
- 帰国や他の市町への転出
- 社会保険に加入 等

※注意！！

他の市町へ転出等で富士市の国民健康保険から脱退する場合には、富士市の国民健康保険を使うことができません。

保険証を富士市役所国保年金課に必ず返却してください。

● **病院で**

病院等の医療機関にかかるときは、国民健康保険証を窓口に掲示してください。

ただし、医療費の 2 割もしくは 3 割は自分で負担しなければなりません。(70 歳以上 75 歳未満の方は、保険証に負担割合が記載されています。)

※健康診査・予防接種・出産・特殊な歯の治療等内容によって保険の対象外となるものがあります。

- Về thuế bảo hiểm

Thuế bảo hiểm được tính theo thu nhập, tài sản của người tham gia. Khi tham gia thì sẽ được gửi giấy nộp thuế có ghi mức thuế bảo hiểm, nên hoặc nộp ở cơ quan tài chính, hoặc nộp bằng cách chuyển khoản ngân hàng.

- Kiểm tra sức khỏe đặc biệt, hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt

Thực hiện với mục đích là phòng bệnh do thói quen sinh hoạt như bệnh tiểu đường, v.v. và quản lý sức khỏe, hạn chế chi phí y tế tăng liên tục.

Chúng tôi sẽ thực hiện hướng dẫn bảo vệ sức khỏe đặc biệt cho người cần hỗ trợ cải thiện thói quen sinh hoạt từ kết quả của kiểm tra sức khỏe đặc biệt.

- ◆ **Đối tượng**

Người từ 40 tuổi đến 74 tuổi (Gửi phiếu khám bệnh bằng bưu điện vào cuối tháng 4 cho người tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân tại thời điểm ngày 1 tháng 4)

- ◆ **Nội dung**

Xét nghiệm máu, điện tâm đồ, xét nghiệm nước tiểu, bác sỹ chẩn đoán, v.v.

- ◆ **Số tiền tự trả**

500 yên (miễn phí cho hộ gia đình không chịu thuế dân cư thành phố)

- **Giải đáp thắc mắc**

Phòng Lương hưu Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, Ủy ban Nhân dân Thành phố Fuji (phía Bắc, tầng 3 Ủy ban Nhân dân Thành phố)

Điện thoại 0545-55-2917

- **保険税について**

保険税は、加入者の所得、資産等に応じて計算されます。加入すると、保険税額が記された納付書が送付されますので、金融機関で納めるか、口座振替で納めます。

- **特定健診・特定保健指導**

糖尿病等の生活習慣病の予防や健康管理、増え続ける医療費を抑制することを目的に実施します。

特定健診の結果、生活習慣改善の支援が必要な方に特定保健指導を実施します。

- ◆ **対象者**

40歳から74歳の人（4月1日現在国民健康保険加入者に4月末、受診券を郵送）

- ◆ **内容**

血液検査、心電図、尿検査、医師診察等

- ◆ **自己負担額**

500円（市民税非課税世帯は無料）

- **問い合わせ**

富士市役所国保年金課  
（市役所3階北側）  
電話 0545-55-2917



## Tiền hưu trí quốc dân

## 国民年金

"Lương hưu quốc gia" là một hệ thống lương hưu công cộng do chính phủ Nhật Bản điều hành. Những người từ 20 đến 60 tuổi sống tại Nhật Bản đều phải tham gia (kể cả người nước ngoài). Khi tham gia đóng tiền hưu trí, bạn có thể nhận được bảo đảm thu nhập trong trường hợp già yếu, tàn tật hoặc qua đời. Những người làm việc tại văn phòng trong một số điều kiện nhất định sẽ được ghi danh vào lương hưu phúc lợi và trợ cấp hỗ trợ lẫn nhau tại nơi họ làm việc.

「国民年金」は、日本国政府によって運営されている公的な年金制度です。日本に住んでいる20歳以上60歳未満の人は必ず加入（外国人も含みます）しなければなりません。加入していれば、老後や障害、死亡といった万一の場合に、所得保障が受けられます。なお、事業所に一定の条件で勤務している人は、勤め先で厚生年金・共済年金に加入することになります。

### ● Cách thức thủ tục tham gia

để tham gia hưu trí, phải thực hiện các thủ tục tại văn phòng hưu trí của sở thị chính, đối với những người đang làm việc thì thực hiện thủ tục đóng hưu trí thông qua nơi làm việc

### ◆ Phí bảo hiểm

Nếu bạn tham gia lương hưu quốc gia, bạn sẽ phải trả phí bảo hiểm. Một phiếu thanh toán với số tiền phí bảo hiểm sẽ được gửi đến bạn qua đường bưu điện, vì vậy vui lòng thanh toán tại tổ chức tài chính, bưu điện hoặc cửa hàng tiện lợi. Nếu bạn nộp đơn tại một tổ chức tài chính hoặc bưu điện, bạn cũng có thể thanh toán bằng chuyển khoản. Những người có lương hưu phúc lợi hoặc lương hưu hỗ trợ lẫn nhau tại nơi làm việc sẽ bị trừ vào lương và thưởng của họ.

### ◆ Khi gặp khó khăn trong việc thanh toán

Có một hệ thống trong đó phí bảo hiểm được miễn theo đơn nếu người đó không có thu nhập hoặc nếu thu nhập thấp và không thể trả phí bảo hiểm. Vui lòng liên hệ với Bộ phận Bảo hiểm Y tế và Hưu trí Quốc gia của Tòa thị chính.

### ● Tiền trợ cấp

Kèm theo tiền hưu trí còn có một số tiền trợ cấp phụ kèm theo như Tiền hưu cho người cao tuổi  
tiền trợ cấp dành cho người khuyết tật  
người tham gia đóng lương hưu giữa chừng bị tai nạn hoặc bị

### ● 加入の手続き

国民年金に加入するには、市役所国保年金課に届出をする必要があります。また、勤め先で厚生年金、共済年金に加入している人が、仕事をやめて厚生年金、共済年金をやめた時にも届け出の必要があります。

### ◆ 保険料

国民年金に加入すると、保険料を納めます。保険料の額がしるされた納付書が郵送されてきますので、金融機関、郵便局、コンビニエンスストアで納めてください。金融機関や郵便局で申し込めば、口座振替で納めることもできます。勤務先で厚生年金や共済年金に加入している人は、給料やボーナスから差し引かれます。

### ◆ 支払いが困難な時

収入がまったくない人や、収入が少なくて保険料が納められない場合は、申請により保険料が免除される制度があります。市役所国保年金課へご相談ください。

### ● 給付

国民年金の給付には次のものがあります。

thương, có thể nhận được tiền trợ cấp này

#### ◆ Lương hưu dành cho người già

Những người đã đóng phí bảo hiểm hưu trí quốc gia từ 10 năm trở lên, bao gồm cả thời gian đã được miễn phí bảo hiểm, từ 65 tuổi trở lên có thể nhận được trợ cấp.

#### ◆ Trợ cấp dành cho người khuyết tật

Người bị tàn tật bẩm sinh hoặc thương tật sẽ nhận được trợ cấp này trong thời gian đăng ký nhận lương hưu quốc gia.

#### ◆ Lương hưu cơ bản

Đối với những người đang chưa nhận đủ lương hưu mà mất thì phần tiền còn lại sẽ được cấp cho người thân như vợ, chồng hoặc con( cho đến 18 tuổi đối với trẻ em sức khoẻ bình thường và 20 tuổi đối với trẻ em khuyết tật .

\*Điều kiện được xét của mỗi người khác nhau, vì vậy vui lòng tham khảo các chế độ Bộ phận Bảo hiểm Y tế và Hưu trí Quốc gia của Tòa thị chính hoặc Văn phòng Hưu trí Fuji để biết chi tiết về lương hưu quốc gia.

#### ● Khi về nước

Bảo hiểm hưu trí và phúc lợi quốc gia có hệ thống thanh toán rút tiền một lần. Nếu bạn đang ở Nhật Bản và có lương hưu và đã đóng phí bảo hiểm từ 6 tháng trở lên, bạn sẽ được thanh toán rút tiền một lần nếu bạn làm đúng thủ tục quy định trong vòng 2 năm sau khi về nước

#### ■ Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ

- Phòng phụ trách hưu trí quốc dân sở thị chính thành phố Fuji (Phía bắc tầng 3 tòa thị chính)  
Điện thoại 0545-55-2755
- Văn phòng hưu trí Fuji  
3-5-33 Yokowari, Thành phố Fuji  
Điện thoại 0545-61-1900

#### ◆ 老齡基礎年金

国民年金の保険料を納めた期間や保険料を免除された期間などを合わせて10年以上ある人が、65歳になった時から受けられるものです。

#### ◆ 障害基礎年金

国民年金の加入期間中に病気やケガをして、障害者になった時に受けることができます。

#### ◆ 遺族基礎年金

国民年金加入中または老齡基礎年金の受給資格を満了した方が死亡したとき、その方に生計を維持されていた「子のある配偶者」または「子」に、子が18歳に達した年度末まで(障害のある子の場合は20歳になるまで)支給されます。

※それぞれ条件により1人1人受給資格が異なりますので、国民年金についての詳しい内容は、市役所国保年金課もしくは富士年金事務所でご相談ください。

#### ● 帰国するときに

国民年金と厚生年金保険には、脱退一時金支給制度があります。日本に滞在しているときに、年金に加入していて、保険料を6か月以上納めた場合、帰国後2年以内に所定の手続きをすれば、脱退一時金が支給されます

#### ■ 問い合わせ

- 富士市役所国保年金課  
国民年金担当  
(市役所3階北側)  
電話 0545-55-2755
- 富士年金事務所  
富士市横割3-5-33  
電話 0545-61-1900



## Cuộc sống

## 住まいと暮らし

### Nhà ở

Các loại nhà ở ở Nhật Bản bao gồm nhà tự sở hữu (nhà riêng, căn hộ, v.v.), nhà ở công cộng (nhà ở thành phố, nhà ở tỉnh, nhà ở công cộng, v.v.) và nhà cho thuê tư nhân.

#### ● Nhà ở công cộng

Thành phố có hỗ trợ nhà ở cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần chỗ ở. Tuy nhiên cũng có trường hợp cần phải xem xét điều kiện để được vào ở.

#### ● Nhà ở thành phố

Có 24 khu phức hợp nhà ở thành phố do Thành phố Fuji quản lý

Nếu muốn vào ở, cần thực hiện các thủ tục sau: điều kiện đăng ký

• Những người thực sự cần nhà ở

(Những người đang sống tại các khu nhà ở của tỉnh, thành phố không được nộp đơn)

• Gia đình có từ 2 người trở lên, hoặc người sống độc thân có dự định đăng ký kết hôn trước 3 tháng trước ngày đăng ký

• Người đang sống và làm việc tại thành phố Fuji

• Những người chưa sở hữu nhà (kể cả đứng tên chung)

• Người đóng thuế đầy đủ, không nợ thuế nhà nước (thuế quận thành phố, thuế tài sản cố định, thuế quy hoạch thành phố, thuế bảo hiểm y tế quốc gia, thuế xe ô tô)

• Người có người bảo lãnh đoàn kết nhất định (một người thân sống ở thành phố và có quốc tịch Nhật Bản có khả năng bảo lãnh)

\* Tuy nhiên, chúng tôi hiện đang ở nhà công vụ

Những người đang ở không được phép. Nhật Bản

Nếu không có người thân trong

Xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Những người có thu nhập đáp ứng các tiêu chí sau

{Số tiền thu nhập- (Số người thân sống chung không bao gồm một người x 380.000 yên + số tiền khấu trừ đặc biệt)} ÷ 12 tháng = Số tiền hàng tháng của hộ gia đình chung từ 158.000 yên trở xuống

Hệ thống phân cấp tùy ý 214.000 yên trở xuống

\* Nếu có từ hai người trở lên có thu nhập, tổng số tiền sẽ là số thu nhập.

\* Một người ở, phân cấp tùy ý, liên đới

Đối với những điểm không rõ ràng, chẳng hạn như yêu cầu của người bảo lãnh

Giới thiệu về Cung cấp nhà ở Công cộng của Quận Shizuoka

### 住まい

日本における住宅形態には、持ち家（1戸建て、マンション等）、公営住宅（市営住宅、県営住宅、公団住宅など）、民間賃貸住宅があります。

#### ●公営住宅

住むところに困っている人たちのために、公営住宅等があります。申し込みにあたり、高所得者は入居できないなどの制限があります。

#### ●市営住宅

富士市内には富士市が管理する市営住宅が24団地あります。

入居を希望される方は、以下の手続きが必要になります。

#### 申し込みの資格

• 現に住宅に困窮している方

（市営・県営等の公営住宅の

入居者は申込みできません。）

• 親族二人以上で入居される方（婚姻予定の方は、3か月前から）、または条件に該当する単身の方

• 市内に住んでいる方、または市内で働いている方

• 持ち家のない方（共有名義を含む）

• 市の税金を滞納していない方（市県民税・固定資産税・都市計画税・国民健康保険税・軽自動車税）

• 確実な連帯保証人のある方（市内に住んでいて保証能力のある日本国籍を有する等の親族1名）

※ただし、現在公営住宅に入居されている方は不可。日本に親族がいないなどの場合は、ご相談ください。

• 収入が次の基準を満たす方

{所得金額- (本人を除く同居親族の数×38万円+特別控除の金

Xin vui lòng Liên hệ văn phòng chi nhánh Fuji

• Những người không phải là xã hội đen, đã từng vi phạm pháp luật

• Những người không quá hạn tiền thuê nhà ở thành phố, chưa trả phí sửa chữa, v.v. trong quá khứ và chưa bao giờ gây ra bất kỳ sự bất tiện nào (tất cả các hộ gia đình nộp đơn)

<Các tài liệu cần nộp>

• Chứng từ chứng minh thu nhập hiện tại  
(Giấy chứng nhận thuế thu nhập / thuế khấu lưu Biên lai, giấy chứng nhận thu nhập, v.v.)

• Thẻ cư trú (tất cả những ai muốn chuyển đến Những người được liệt kê)

• Thẻ bảo hiểm y tế

• Trong một số trường hợp cần nộp thêm những hồ sơ cần thiết khác

<Từ đơn đăng ký đến quyết định chuyển đi>

[Tuyển chọn định kỳ]

1. Thời gian áp dụng:

Hàng tháng từ khoảng ngày 10 đến ngày 18.

Liên hệ văn phòng cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka, chi nhánh Fuji

(Văn phòng nghỉ vào Thứ bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ Tết)

2. Buổi tuyển chọn và giải đáp thắc mắc

vui lòng đến vào đúng ngày và giờ theo qui định tại buổi này sẽ xem xét và quyết định được vào ở

3. Thời gian được chuyển vào ở

Vào ngày 1 tháng tiếp theo tính từ ngày đăng ký

[Thời gian đăng ký]

1. Đăng ký

Mỗi ngày (trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết)

2. Tuyển chọn: Không có.

Về cách đăng ký chi tiết xin vui lòng liên hệ với văn phòng cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka chi nhánh Fuji

3. Thời gian vào ở:

Ngày 1 của tháng kế tiếp tính từ ngày đăng ký

4. Sau khi đăng ký, chúng tôi sẽ tiến hành sửa chữa, vệ sinh nhà. Tùy vào tình trạng nhà mà cần chờ 1 thời gian để có thể vào ở

■ Đăng ký/ liên hệ

Văn phòng cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka, chi nhánh Fuji

(Tòa thị chính thành phố Fuji Tầng 5 Phía Nam)

Điện thoại 0545-55-2817

額) } ÷ 12 か月 = 一般世帯月額  
158,000 円以下

裁量階層 214,000 円以下

※所得のある方が2人以上いる場合は、合算した金額が所得金額になります。

※単身入居、裁量階層、連帯保証人の要件等不明な点については静岡県住宅供給公社富士出張所に問い合わせてください。

• 暴力団員でない方

• 過去に市営住宅の家賃等の滞納、修繕料の未払い等がなく、迷惑行為等を起こしたことがない方(申込世帯全員)

<提出する書類>

• 今現在の収入がわかる書類  
(所得課税証明書・源泉徴収票、収入証明書など)

• 住民票 (入居を希望する人全員が記載されているもの)

• 健康保険証

• その他、場合により他に提出していただく書類があります。

<申し込みから入居決定まで>

【定期募集】

1. 申し込み期間:

毎月 10 日～18 日ごろ。

期間は静岡県住宅供給公社富士出張所にお問い合わせください。

(土曜日、日曜日、祝日、年末は除きます)

2. 抽選会及び説明会:

指定された日時、場所に本人が直接来て頂き公開抽選によって入居決定します。

3. 入居可能日:

申し込みの翌々月の 1 日

【随時募集】

1. 申し込み:

毎日 (土曜日、日曜日、祝日、年末は除く)

2. 抽選: ありません。

詳しい申し込み方法について

ては、静岡県住宅供給公社富士出張所にお問い合わせ下さい。

3.入居可能日：

契約日の翌月の1日

4.申し込みから部屋の修繕を

開始するので、部屋の状態によっては入居までに時間がかかる場合があります。

■申し込み・問い合わせ

静岡県住宅供給公社

富士出張所

(富士市役所本庁舎5階南側)

電話 0545-55-2817

● Nhà ở của tỉnh

Tỉnh Shizuoka có hỗ trợ nhà ở cho những người có hoàn cảnh khó khăn.

để được vào ở cần xem xét một số điều kiện cụ thể. Chi tiết xin liên hệ

● Nhà ở tỉnh

Có nhà ở cấp tỉnh do tỉnh quản lý.

Vui lòng kiểm tra thông tin liên hệ bên dưới để biết điều kiện chuyển đến.

■ Ứng dụng / Yêu cầu

Tổng công ty cung cấp nhà ở tỉnh Shizuoka

Văn phòng chi nhánh Fuji

(Tòa thị chính Fuji Tòa nhà Chính phủ Tầng 5 Phía Nam bên)

Điện thoại 0545-55-2817

\* Tại văn phòng chi nhánh Fuji, chỉ có thể xử lý nhà ở cấp tỉnh ở thành phố Fuji và thành phố Fujinomiya.

Cách tìm nhà cho thuê tư nhân

Khi tìm thuê nhà hoặc căn hộ, tiện lợi nên sử dụng cửa hàng bất động sản.

Tùy thuộc vào diện tích thuê, diện tích và phương tiện đi lại, chúng tôi sẽ giới thiệu cho bạn nhà thuê hoặc căn hộ phù hợp với nhu cầu của bạn.

Khi thuê nhà, ngoài tiền thuê nhà, bạn cần đặt cọc cho chủ nhà, tiền cảm ơn, phí trung gian trả cho cửa hàng bất động sản.

Cần có người bảo lãnh chung khi ký hợp đồng.

● 県営住宅

県が管理をする県営住宅があります。

入居の条件等は、下記の問い合わせ先でご確認ください。

■申し込み・問い合わせ

静岡県住宅供給公社

富士出張所

(富士市役所本庁舎5階南側)

電話 0545-55-2817

※富士出張所では、富士市内と富士宮市内の県営住宅のみ手続き可能です。

民間賃貸住宅の探し方

借家やアパートを探すときは、不動産店を利用すると便利です。

家賃、広さ、交通手段に応じて、希望にあった借家やアパートを紹介してくれます。

家を借りる時には、家賃のほかに家主に払う敷金、礼金、不動産店へ払う仲介料などが必要です。

契約する時は、連帯保証人が必要になります。

● Công ty bất động sản

● 不動産店



Là nơi mua, bán, trao đổi hoặc cho thuê bất động sản như đất đai, nhà ở riêng lẻ, căn hộ và chung cư.

※thuê

Phí hàng tháng trả cho chủ nhà để thuê nhà

\* Tiền cọc

Chúng thường phải trả từ một đến ba tháng tiền thuê nhà (tùy thuộc vào khu vực) và được sử dụng để sửa chữa tiền thuê nhà chưa thanh toán hoặc nơi ở mà chủ thuê đã ở khi chuyển ra ngoài. Sau khi trừ chi phí, sẽ được trả lại bất kỳ khoản nào còn lại.

※Tiền lễ

Thường phải trả một hoặc hai tháng tiền thuê nhà (tùy khu vực) và sẽ không được trả lại khi chuyển đến khu vực khác.

※ Người bảo lãnh

Nếu bạn không thể trả tiền thuê nhà hoặc sửa chữa nhà, bạn sẽ cần một người bảo lãnh đoàn kết để chịu trách nhiệm cho bạn.

Cá nhân có thu nhập nhất định

Mọi chi tiết khác vui lòng liên hệ cửa hàng bất động sản.

土地、一戸建て、アパート、マンション等の不動産の売買、交換または不動産の賃借等の代理または仲介を行う店。

※家賃

住宅を借りるために毎月家主に支払う料金

※敷金

家賃の1~3か月分を支払うことが多く(地域によって異なります)、退居する時に、家賃の未納分や契約者が居住していた住居の修理のために使われます。その費用を引いて、残りがあれば返ってきます。

※礼金

家賃の1~2か月分を支払うことが多く(地域によって異なります)、退居するとき返ってきません。

※連帯保証人

家賃や住宅の修理費を払えなくなったとき、その人の代わりに責任を負う連帯保証人が必要です。一定以上の収入がある個人が一般的です。

その他詳しい内容は、不動産店に問い合わせ下さい。

## Cuộc sống

### ● Điện / gas / nước

Khi bạn chuyển đến một căn hộ, nhà thuê hoặc nhà mới, sẽ được công ty bất động sản hoặc chủ nhà kiểm tra lại điện, khí đốt và nước.

Ngoài ra, bạn có thể tự gọi điện cho các công ty chuyên dụng. Đảm bảo kiểm tra sự khác biệt giữa gas thành phố và khí propan, đồng thời đảm bảo sử dụng bếp chuyên dụng cho gas thành phố đối với gas thành phố và bếp chuyên dụng cho gas propan cho khí propan.

Sẽ rất nguy hiểm nếu bạn làm sai.

## 暮らし

### 電気・ガス・水道

アパートや借家、新居に引っ越したら、不動産店や家主に電気・ガス・水道を再開してもらうように頼みます。

または、自分で各営業所に電話することもできます。都市ガスとプロパンガスの違いは必ず確認し、都市ガスには都市ガス用の専用コンロ、プロパンガスにはプロパンガス用の専用コンロを必ず使用してください。

間違えると大変危険です。

■ Thông báo / Yêu cầu tư vấn

- Điện lực

Tokyo Electric Power Co., Ltd.  
Trung tâm khách hàng Numazu  
3-7-25 Otemachi, Thành phố Numazu  
Đt 0120-995901

- khí ga

<Thành phố gas>

Chi nhánh Fuji của Công ty TNHH Shizuoka Gas  
10-52 Aratajima Town, Fuji City  
Điện thoại 0545-52-2260

<Khí propan>

Cửa hàng khí propan gần đó

- Cung cấp nước

Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn bằng bưu thiếp hoặc điện thoại về thông báo bắt đầu tại trang web.

Trung tâm khách hàng hệ thống thoát nước và cấp nước thành phố Fuji

(Người nhận kinh doanh thu phí nước và nước thải

Veolia Genets chia sẻ

(Công ty nghi lễ)

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

(Tầng 1 của Tòa nhà Chính phủ Tổng hợp Fuji, tỉnh Shizuoka)

Điện thoại 0545-67-2873

<Thời gian sử dụng>

- Các ngày trong tuần từ 8:30 đến 17:15
- Thứ bảy từ 8:30 đến trưa

(Không tính ngày lễ)

● Về cấp nước

Nguồn cung cấp nước của Thành phố Fuji được bao phủ bởi tổng cộng 83 nguồn nước.

Nước này được khử trùng và chuyển đến nhà của bạn như là nước an toàn.

● Về hệ thống nước thải

Nước thải từ mỗi hộ gia đình được đưa đến nhà máy xử lý nước thải (trung tâm lọc nước) bằng đường ống công ngầm, nơi nước thải được lọc sạch và thoát ra sông và biển.

◆ Trong trường hợp như dưới đây phải nhanh chóng báo cáo :

- Khi chuyển nhà ( số tiền thanh toán sẽ được tính ).
- Khi không sử dụng nước trong thời gian dài đi công tác
- Khi có sự thay đổi về chủ sở hữu và người sử dụng nước

■ 届け出・問い合わせ

- 電気

東京電力株式会社  
沼津カスタマーセンター  
沼津市大手町 3-7-25  
電話 0120-995901

- ガス

<都市ガス>

静岡ガス株式会社富士支店  
富士市荒田島町 10-52  
電話 0545-52-2260

<プロパンガス>

近くのプロパンガス店

- 水道

現地にある開始届のはがき、または電話にて届け出します。

富士市上下水道お客様センター  
(上下水道料金徴収業務受託者  
ヴェオリア・ジェネッツ株  
式会社)

富士市本市場 441-1

(静岡県富士総合庁舎 1階)

電話 0545-67-2873

<利用時間>

- 平日 8時30分～17時15分
- 土曜日 8時30分～正午まで  
(祝休日を除く)

● 上水道について

富士市の水道は、全 83 箇所の水源より賄われています。

これらの水は滅菌され安全な水として、皆さんのご家庭に届けられています。

● 下水道について

それぞれの家庭から排出される汚水を地下の下水道管を使い、下水処理場(浄化センター)に送り、そこで汚水を浄化して川や海に流します。

◆ このようなときにはすぐ届け出を

- 引っ越していくとき(料金の精算をします)。
- 出張などで、長い間水道を使用しないとき。

#### ◆ Về tiền nước máy và phí sử dụng nước thải.

- Tiền nước

Phí nước là tổng của phí cơ bản và phí định mức (phí theo khối lượng sử dụng), và phí được lập hóa đơn hai tháng một lần.

- Phí sử dụng hệ thống thoát nước

Nó được sử dụng để xử lý sạch nước bẩn và duy trì và quản lý các đường ống thoát nước. Phí được tính dựa trên lượng nước được sử dụng trong nguồn cấp nước và những người sử dụng nguồn nước của thành phố sẽ được tính phí cùng với phí nước.

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng chuyển khoản thuận tiện để thanh toán phí nước và phí thoát nước.

Ngoài nguồn cung cấp nước của thành phố, có một hiệp hội cung cấp nước đơn giản ở thành phố Fuji.

Nếu bạn đang sử dụng nước đơn giản, phí nước sẽ do từng hiệp hội tính và phí thoát nước (chỉ dành cho người sử dụng hệ thống thoát nước) sẽ do thành phố tính.

#### ■ Yêu cầu

Trung tâm khách hàng cấp thoát nước thành phố Fuji  
Tar

(Nhận kinh doanh thu phí nước và nước thải)

Người được ủy thác Veolia Gene

Công ty TNHH Tsu)

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

(Tầng 1 Tòa nhà Chính phủ Tổng hợp Fuji, tỉnh Shizuoka) Điện thoại 0545-67-2873

- 水道の所有者、使用者が変わるとき。

#### ◆水道料金・下水道使用料について

- 水道料金

水道料金は、基本料金と従量料金（使った分に応じた料金）の合計額で、料金請求は2か月に1度請求されます。

- 下水道使用料

汚れた水をきれいに処理したり、下水道管の維持管理をするために使われます。上水道の使用量を基に料金計算されており、市水道を使用している方は、水道料金とあわせて請求されます。

- 水道料金・下水道使用料の納付には、便利な口座振替のご利用をお勧めします。

富士市内には市の上水道の他に簡易水道組合があります。

簡易水道を使用している方は、水道料金は各組合から請求され、下水道使用料（下水道使用者のみ）は市から請求されます。

#### ■問い合わせ

富士市上下水道お客様センター

(上下水道料金徴収業務受託者 ヴェオリア・ジェネッツ株式会社)

富士市本市場 441-1

(静岡県富士総合庁舎 1階) 電話 0545-67-2873

## Phiếu cư trú

Đơn xin bản sao thẻ cư trú

Do sự sửa đổi của luật Đăng ký Thường trú Cơ bản vào ngày 9 tháng 7 năm 2012, công dân nước ngoài sẽ có tên trên thẻ cư trú cũng như công dân Nhật Bản, và thẻ cư trú sẽ được cấp.

### ◆ Đối tượng

- (1) Người cư trú trung và dài hạn
- (2) Người có tư cách đặc biệt
- (3) Giấy phép tị nạn tạm thời hoặc giấy phép lưu trú tạm thời
- (4) Những người cư trú do mới sinh hoặc những người đã mất quốc tịch

\* Những người có tư cách lưu trú “lưu trú ngắn hạn” hoặc “không có tư cách lưu trú” không được cấp giấy chứng nhận cư trú.

### ◆ Địa điểm và ngày nộp đơn

#### ■ Nơi nộp đơn

- Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

#### ■ Ngày và giờ nộp đơn

- Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

- Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng

9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

### ◆ Những người có thể đăng ký

- Người đăng ký là người nộp đơn
- Cùng một thành viên trong gia đình
- Đại diện (người hoặc người được ủy thác bởi cùng một thành viên trong gia đình)

Vật dụng mang theo

- Phí (300 yên một bản sao)
- Các mục có thể được xác định (một trong các mục trong bảng dưới đây)
- Giấy ủy quyền (trong trường hợp người đại diện)

※ Tên của người được ủy quyền, tên in trên thẻ cư trú / thẻ thường trú nhân đặc biệt.

#### ■ Giấy tờ có thể xác nhận được danh tính

- Thẻ cư trú • giấy chứng nhận tư cách cư trú vĩnh trú đặc biệt

## 住民票

住民票の写しの申請

2012年7月9日の住民基本台帳法の改正により、外国籍市民も日本人市民と同様に住民票に記載され、住民票が発行されるようになりました。

### ◆ 対象者

- (1) 中長期在留者
- (2) 特別永住者
- (3) 一時庇護許可者又は仮滞在許可者

- (4) 出生による経過滞在者又は国籍喪失による経過滞在者

※在留資格が「短期滞在」や「在留資格がない方」は住民票の対象とはなりません。

### ◆ 申請の場所と日時

#### ■ 申請場所

- 富士市役所市民課

#### ■ 申請日時

- 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- 毎月第1日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1月の第1日曜日及び12月29日～1月3日を除く。)

### ◆ 申請できる人

- 本人
- 同一世帯員
- 代理人 (本人又は同一世帯員から委任を受けた人)

持ちもの

- 手数料 (1通 300円)
- 本人確認できるもの (下表のどれか1点)
- 委任状 (代理人の場合)

※委任状の氏名は在留カード・特別永住者証に記載されている氏名を記入してください。通称名は不可。

#### ■ 本人確認できるもの

- 在留カード・特別永住者証

- Bằng lái xe
- Thẻ của người được bảo hiểm y tế
- Thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi
- Thẻ bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng của người được bảo hiểm
- Thẻ căn cước
- Các thẻ căn cước khác do cơ quan công quyền cấp, giấy phép

<Mục cần chú ý>

- Nếu bạn nộp đơn xin trợ cấp và thông báo chuyển nhà vào cùng ngày, địa chỉ sau khi chuyển đi sẽ được ghi trên bản sao thẻ cư trú (Vui lòng nộp đơn xin trợ cấp cùng lúc với thông báo chuyển nhà, không phải trước thông báo chuyển đi).
- Địa chỉ trước khi chuyển đi trước ngày 9 tháng 7 năm 2012 sẽ không được liệt kê trong giấy chứng nhận cư trú. Nếu bạn cần bằng chứng về địa chỉ đó, bạn cần yêu cầu Bộ Tư pháp tiết lộ bản gốc phiếu đăng ký nước ngoài.
- Nếu bạn muốn kiểm tra số thẻ căn cước trên thẻ cư trú của mình, vui lòng hỏi tại quầy.

Tư vấn hỗ trợ

Bộ Tư pháp Cục Nhập cư Nhật Bản  
 Văn phòng Quản lý Hệ thống Thông tin, Bộ phận Công bố Thông tin Nhập cư của Bộ phận Tổng hợp  
 Vị trí: 〒160-0004  
 1-6-1 Yotsuya, Shinjuku-ku, Tầng 13 Tháp Tokyo Yotsuya  
 Điện thoại: 03-5365-3005  
 Lễ tân: Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều  
 (Không tính thứ 7, chủ nhật, các ngày lễ, cuối năm, đầu năm.)

◆ Các phương thức phát hành hồ sơ khác

<Xin bản sao thẻ cư trú của Thành phố Fujinomiya tại Thành phố Fuji>

- Chỉ những người đã đăng ký cư trú tại Thành phố Fuji và Thành phố Fujinomiya mới có thể giao tiếp và cấp bản sao giấy chứng nhận cư trú tại Thành phố Fuji và Thành phố Fujinomiya (doanh nghiệp cấp giấy chứng nhận lẫn nhau).
- Chỉ những người trong cùng một hộ gia đình mới có thể yêu cầu bồi thường. Chúng tôi không thể chấp nhận các ứng dụng từ một người ủy quyền có giấy ủy quyền.

明書

- 運転免許証
- 健康保険被保険者証
- 後期高齢者医療被保険者証
- 介護保険被保険者証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証明書、許可証

<注意事項>

- 交付申請と転居届を同日に行う場合、住民票の写しには転居後の住所が記載されます(交付申請は転居届の前ではなく、転居届と同時に行ってください。)
- 2012年7月9日より前に引っ越した以前の住所については住民票に記載されません。そういった住所の証明が必要な場合は、法務省に外国人登録原票の開示請求をする必要があります。
- 住民票にマイナンバーを記載する場合は、窓口で申し出てください。

問い合わせ先

法務省出入国在留管理庁  
 総務課情報システム管理室 出入国情報開示係  
 所在地：〒160-0004  
 東京都新宿区四谷 1-6-1 四谷タワー 13F  
 電話：03-5365-3005  
 受付：午前9時から 午後5時まで  
 (土・日・祝・年末年始を除く。)

◆ 交付申請のその他の方法

<富士宮市の住民票の写しを富士市で交付申請する>

- 富士市・富士宮市に住民登録している方に限り、富士市、富士宮市で相互に住民票の写しを通信し交付することができます(証明書の相互交付事業)。
- 請求できるのは同じ世帯の方に限られます。委任状を持った代理の方の申請は受付できません。

## Đăng ký con dấu

Về đăng ký con dấu

Đăng ký con dấu có nghĩa là đăng ký con dấu của bạn để chứng nhận nó là tài sản cá nhân của bạn. Con dấu đã đăng ký được gọi là "con dấu thật". Nó cần thiết cho việc mua bán bất động sản, v.v., và rất quan trọng để bảo vệ tài sản và quyền cá nhân.

Khi đăng ký con dấu, bạn sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu (phiếu đăng ký con dấu). Đây là điều bắt buộc khi xin cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu.



### ● Cách thức đăng ký

## 印鑑登録

印鑑登録について

印鑑登録とは、お手持ちの印鑑をあなた個人のものとして公証するために登録することをいいます。登録された印鑑を「実印」といいます。不動産売買等に必要で、個人の財産や権利を守る大切なものです。

印鑑登録をすると、印鑑登録証（印鑑登録カード）が交付されます。これは印鑑登録証明書の交付申請をする際に必要なものです。

※1は、現在の印鑑登録証です。

\* 1 là giấy chứng nhận đăng ký con dấu hiện tại

※2は、旧富士川町で発行していた印鑑登録証です。現在でも使用できます。

\* 2 là giấy chứng nhận đăng ký con dấu được cấp ở Thị trấn Fujikawa cũ. Nó vẫn có thể được sử dụng cho đến ngày nay.

### 登録申請の方法

### ◆ Địa điểm, ngày giờ nộp đơn và phí đăng ký

#### ■ Nơi nộp đơn

- Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

#### ■ Ngày và giờ nộp đơn

- Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

- Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng

9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

#### ■ Phí đăng ký

350 yên

<Những người có thể đăng ký con dấu>

Công dân Fuji trên 15 tuổi có tên trong Sổ đăng ký thường trú cơ bản. Tuy nhiên, người giám hộ cho trẻ chưa đến tuổi vị thành niên hãy thông tin trước khi đăng ký để được tư vấn.

<Những vật dụng cần mang theo khi đến văn phòng và đăng ký>

- Con dấu đã được đăng ký
- Những giấy tờ có thể chứng minh( một trong những giấy tờ có trong nhóm ghi như bảng dưới đây)

Nếu bạn không có thứ gì đó có thể dùng để xác minh danh tính của mình, bạn có thể đăng ký con dấu của mình bằng cách đăng ký với tư cách là người bảo lãnh hoặc xác minh danh tính của bạn qua đường bưu điện.

### ◆ Những giấy tờ có thể được xác định danh tính

#### ■ Nhóm A

- Thẻ cư trú · giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt
- Bằng lái xe
- Thẻ bảo hiểm y tế
- Thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi
- Thẻ bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng
- Thẻ my number mang mã số cá nhân
- Các thẻ căn cước khác do cơ quan công quyền cấp, giấy phép

<Những gì đại diện được uỷ quyền cần mang theo khi đến văn phòng đăng ký>

- Con dấu
- Giấy uỷ quyền
- Con dấu của người đại diện được uỷ quyền
- Giấy uỷ quyền phải là người đứng tên đăng ký và do chính người đăng ký viết.

### ◆ 申請の場所と日時と登録手数料

#### ■ 申請場所

- 富士市役所市民課

#### ■ 申請日時

- 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- 毎月第1日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1月の第1日曜日及び12月29日～1月3日を除く。)

#### ■ 登録手数料

350 円

<印鑑登録できる人>

満15歳以上の富士市民で、住民基本台帳に記載のある人。ただし、成年被後見人は事前にご相談ください。

<本人が来庁して登録申請する場合の持ちもの>

- 登録する印鑑
- 本人確認できるもの(下の表A群のどれか1点)

本人確認できるものをお持ちでない場合、保証人登録か郵便による本人確認のどちらかの方法で印鑑登録できます。

### ◆ 本人確認できるもの

#### ■ A 群

- 在留カード・特別永住者証明書
- 運転免許証
- 健康保険被保険者証
- 後期高齢者医療被保険者証
- 介護保険被保険者証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証明書、許可証

<代理人が来庁して登録申請する場合の持ちもの>

- 登録する印鑑
- 委任状
- 代理人の印鑑(認印でも可)  
委任状は必ず、登録する本人が自筆で作成してください。

- Chúng tôi sẽ xác minh danh tính của bạn qua thư, do đó không thể phát hành ngay trong ngày.
- Nếu bạn cần gấp, xin vui lòng nộp đơn đăng ký càng sớm càng tốt

<Con dấu có thể được đăng ký>

- Con dấu khác với con dấu đã đăng ký của các thành viên khác trong hộ gia đình.
- Trong trường hợp là người nước ngoài, những tên được khắc bằng một số kết hợp của tên, tên, tên hoặc tên thông thường được đăng ký trong Sổ đăng ký thường trú cơ bản. Khắc với ký hiệu một tên đã đăng ký hoặc một số kết hợp của chúng.
- Các mục ngoài tên (bằng cấp, nghề nghiệp, chữ hoa, hoa văn trang trí, v.v.) không được khắc
- Chiều cao của con dấu từ 2 cm trở lên, dấu lớn hơn hình vuông có cạnh 8 mm và vừa với hình vuông có cạnh 25 mm.
- Những loại tem thể hiện rõ dấu ấn (tem cao su và các loại tem khác dễ thay đổi, các cạnh không bị hư hỏng, mòn)

Bỏ đăng ký con dấu (bị mất, được gia hạn)

Thủ tục bãi bỏ sẽ được thực hiện khi bạn không còn nhu cầu đăng ký con dấu vì lý do riêng hoặc lý do khác. Ngoài ra, trong trường hợp mất phiếu đăng ký, con dấu đã đăng ký (bị mất), thay đổi con dấu đã đăng ký (đổi con dấu) thì chúng tôi cũng sẽ thực hiện thủ tục hủy bỏ.

Nếu muốn đăng ký lại do bị thất lạc, mất mát thì sau khi thực hiện thủ tục bãi bỏ này sẽ thực hiện như thủ tục đăng ký mới. Vui lòng tham khảo "Cách làm thủ tục đăng ký" ở trên.

<Những gì cần mang theo khi nộp đơn>

- Giấy chứng nhận đăng ký con dấu (nếu có)
- Vật có thể xác minh danh tính (một trong các nhóm A và B trong bảng dưới đây)

<Những gì cần mang theo khi đăng ký người đại diện>

- Giấy chứng nhận đăng ký con dấu (nếu có)
- Giấy ủy quyền (phải do người hủy đăng ký con dấu lập)

郵便にて本人確認を行いますので、即日交付はできません。お急ぎの場合はお早めに登録申請してください。

<登録できる印鑑>

- 他の世帯員が既に登録してある印鑑と印影が異なるもの
- 外国人の場合は、住民基本台帳に登録されている氏名、氏、名もしくは通称の一部の組み合わせで彫られているもの 登録されている氏名の片仮名表記またはその一部の組み合わせで彫られているもの
- 氏名以外のこと（資格、職業、花文字、飾り柄など）が彫られていないもの
- 印鑑の高さが 2cm 以上あるもの、また印影が一辺 8mm の正方形より大きく、かつ、一辺 25mm の正方形に収まるもの
- 印影を鮮明に表せるもの（ゴム印など印面が変化しやすい、縁まわりが欠損・摩滅している等は不可）

印鑑登録の廃止（亡失、改印）

廃止手続きは、自己の都合その他の理由で印鑑登録を必要としなくなった場合に行います。また、印鑑登録証や実印をなくしてしまった場合（亡失）、実印を変更する場合（改印）にも廃止の手続きを行います。

なお、改印する場合及び亡失による再登録を希望する場合、この廃止手続きを行った後、さらに新規登録と同じ手続きを行います。上記「登録申請の方法」を参照してください。

<本人が申請する場合の持ちもの>

- 印鑑登録証（ある場合）
- 本人確認できるもの（下の表 A・B 群のどちらか 1 点）

<代理人が申請する場合の持ちもの>

- 印鑑登録証（ある場合）



- Con dấu của đại lý
- Danh tính của đại lý có thể được xác nhận (một trong các nhóm A và B trong bảng dưới đây)

#### ◆ Những giấy tờ có thể xác định danh tính

##### ■ Nhóm A

- Thẻ cư trú · Giấy chứng nhận tư cách vĩnh trú, đặc biệt
- Bằng lái xe
- Thẻ căn cước
- Các thẻ căn cước khác do cơ quan công quyền cấp

Tuyên bố, giấy phép

##### ■ Nhóm B

- Thẻ của người được bảo hiểm y tế
- Thẻ bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng của người được bảo hiểm
- Thẻ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi
- ID nhân viên có ảnh khuôn mặt
- Chứng minh thư do cơ quan công quyền cấp

#### Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

##### ■ Nơi nộp đơn

- Bộ phận Công dân của Tòa thị chính Fuji

##### ■ Ngày và giờ nộp đơn

- Thứ hai thứ Sáu

8: 30-17: 15

- Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng

9: 00-16: 00

(Không tính ngày lễ, chủ nhật đầu tiên của tháng 1 và ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1)

#### ◆ Những người có thể làm đơn

- Cá nhân
- Đại diện

#### ◆ Vật dụng mang theo

- Phí (300 yên một bản sao)
- Phiếu đăng ký con dấu cá nhân (Thẻ đăng ký con dấu)

#### <Mục chú ý>

- Không cần con dấu.
- Không cần có giấy ủy quyền ngay cả khi người đại diện đến văn phòng.
- Bạn cũng có thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu

- 委任状 (必ず印鑑登録を廃止する本人が自筆で作成してください)
- 代理人の印鑑
- 代理人の本人確認できるもの (下の表 A・B 群のどちらか 1 点)

#### ◆ 本人確認できるもの

##### ■ A 群

- 在留カード・特別永住者証明書
- 運転免許証
- マイナンバーカード
- その他、官公署発行の身分証明書、許可証

##### ■ B 群

- 健康保険被保険者証
- 介護保険被保険者証
- 後期高齢者医療被保険者証
- 顔写真付社員証
- 官公署発行の身分証明書

#### 印鑑登録証明書

##### ■ 申請場所

- 富士市役所市民課

##### ■ 申請日時

- 月曜日～金曜日

8:30～17:15

- 毎月第 1 日曜日

9:00～16:00

(祝休日、1 月の第 1 日曜日及び 12 月 29 日～1 月 3 日を除く。)

#### ◆ 申請できる人

- 本人
- 代理人

#### ◆ 持ちもの

- 手数料 (1 通 300 円)
- 本人の印鑑登録証 (印鑑登録カード)

#### <注意事項>

- 印鑑は必要ありません。
- 代理人が来庁する場合でも、委任状は必要ありません。
- 旧富士川町で発行していた印鑑登

được cấp tại Thị trấn Fujikawa cũ.

- Nếu bạn nộp đơn xin cấp và thông báo chuyển đi trong cùng một ngày, giấy chứng nhận đăng ký con dấu của bạn sẽ bao gồm địa chỉ của bạn sau khi bạn chuyển đi. (Vui lòng đăng ký cùng lúc với thông báo chuyển đến)

Các cách thức phát hành khác

<Đơn xin đăng ký ở thành phố Fujimiya>

Bạn có thể đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu tại thành phố Fujimiya. Bạn cũng có thể xin giấy chứng nhận đăng ký con dấu cho thành phố Fujimiya ở thành phố Fuji. (Cấp chứng chỉ lẫn nhau)

Người có thể nộp đơn chỉ giới hạn trong người và các thành viên của họ trong cùng một hộ gia đình. Ngoài lệ phí (300 yên một bản sao) và thẻ đăng ký con dấu của người đó (thẻ đăng ký con dấu), bạn sẽ cần phải có thứ gì đó có thể xác minh danh tính của người đến quầy (bằng lái xe, thẻ bảo hiểm y tế, v.v.)

## Về mã số cá nhân

Từ tháng 1 năm 2016, việc sử dụng mã số cá nhân đã bắt đầu trong các lĩnh vực an sinh xã hội, thuế và các biện pháp đối phó với thảm họa.

### 1. Mã số cá nhân là gì

Mã số cá nhân là số có 12 chữ số do mỗi công dân sở hữu và được sử dụng trong các lĩnh vực an sinh xã hội, thuế và các biện pháp đối phó với thảm họa. Hệ thống Mã số cá nhân là một nền tảng xã hội nhằm tăng cường tính minh bạch của nền hành chính và hiện thực hóa một xã hội công bằng và công bằng, thuận tiện cho người dân.

Mã số cá nhân cũng được dùng cho người nước ngoài có thể cư trú (cư dân trung hạn đến dài hạn, vĩnh trú đặc biệt, v.v.).

### 2. Thông báo về mã số cá nhân

- Mã số cá nhân được in trên thẻ thông báo, gửi qua đường bưu điện từ thành phố có giấy chứng nhận cư trú cho các hộ gia đình có giấy chứng nhận cư trú tại Nhật Bản.
- \* Thẻ thông báo và thông báo số cá nhân không có ngày hết hạn. Xin vui lòng không vứt nó đi và giữ nó ở một nơi an toàn.
- \* Việc phát hành thẻ thông báo mới đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm Lệnh Hoà. Sau đó, thẻ thông báo số cá nhân sẽ được gửi qua đường bưu điện.

録証でも交付申請できます。

- 交付申請と転居届を同日に行う場合、印鑑登録証明書には転居後の住所が記載されます。(交付申請は転居届の前ではなく、転居届と同時に申請してください)

交付申請のその他の方法

<富士宮市での交付申請>

印鑑登録証明書の交付申請を、富士宮市で行うことができます。また、富士宮市の印鑑登録証明書を富士宮市で交付申請することもできます。(証明書の相互交付事業)

申請できる人は、本人及びその同一世帯員に限られます。持ちものは、手数料(1通300円)と本人の印鑑登録証(印鑑登録カード)に加え、窓口に来た方の本人確認ができるもの(運転免許証、健康保険証等)が必要になります。

## マイナンバーについて

2016年1月から社会保障、税、災害対策の分野でマイナンバーの利用が始まりました。

マイナンバーとは

マイナンバーは、国民一人ひとりが持つ12桁の番号で、社会保障や税、災害対策の分野で使われます。マイナンバー制度は、行政の透明性を高め、国民にとって便利で、公平・公正な社会を実現するための社会基盤です。

住民票のある外国人(中長期在留者、特別永住者等)にもマイナンバーは通知されます。

マイナンバーの通知

- 日本に住民票をお持ちの方の世帯に、住民票がある市区町村から郵送される通知カードまたは個人番号通知書に、マイナンバーが記載されています。
- ※通知カード及び個人番号通知書に有効期限はありません。捨てないで大切に保管してください。

- Đối với những người sẽ nhập cảnh vào Nhật Bản và ở lại Nhật Bản từ trung hạn đến dài hạn, mã số cá nhân sẽ được thông báo khi họ đăng ký cư trú.

### 3. Trường hợp cần sử dụng mã số cá nhân

- Xuất trình thẻ mã số cá nhân của bạn cho cơ quan thuế, v.v ... trong các thủ tục thuế, chẳng hạn như tờ khai cuối năm 2016 và sau đó.
  - Vì cần các thủ tục về thuế và bảo hiểm xã hội nên phải trình thẻ mã số cá nhân cho công ty nơi làm việc
  - Xuất trình thẻ My Number của bạn cho các công ty chứng khoán và công ty bảo hiểm khi làm thủ tục thuế.
  - Xuất trình thẻ mã số cá nhân cho ủy ban thành phố khi bạn nhận được trợ cấp trong lĩnh vực phúc lợi hoặc khi bạn đăng ký bảo hiểm y tế quốc gia, bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng, v.v.
  - Xuất trình thẻ mã số cá nhân của bạn cho ngân hàng hoặc bưu điện khi gửi tiền ra nước ngoài hoặc nhận tiền từ nước ngoài.
- \* Trong quá trình làm thủ tục đăng ký mã số cá nhân, để ngăn chặn việc giả mạo, (1) kiểm tra xem số có chính xác hay không và (2) kiểm tra xem chủ sở hữu có đúng số hay không. Vì thẻ thông báo chỉ có thể xác nhận thông qua mã số xác nhận, nên cần phải xuất trình thẻ nhận dạng riêng biệt như thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận thường trú đặc biệt.

### 4. Thẻ mã số cá nhân (My Number) là gì?

- Đây là một thẻ cho phép bạn xác nhận số và danh tính của mình. Nó cũng có thể được sử dụng như một thẻ nhận dạng công cộng.
- Cần phải có đơn đăng ký để có được Thẻ Số Cá nhân. Bạn có thể đính kèm ảnh chụp khuôn mặt của mình vào hồ sơ cấp thẻ số cá nhân kèm theo thẻ thông báo hoặc phong bì chứa thông báo số cá nhân và gửi lại, hoặc bạn có thể đăng ký trực tuyến trên máy tính hoặc điện thoại thông minh của mình. Phí phát hành ban đầu là miễn phí.
- Khi đăng ký thẻ mã số cá nhân, bạn sẽ nhận được thông báo đủ điều kiện đăng ký. Vui lòng đến văn phòng thành phố với các tài liệu xác minh danh tính của bạn như (1) bưu thiếp bạn nhận được, (2) thẻ thông báo hoặc thông báo số cá nhân, và (3) thẻ cư trú của bạn. Ngoài ra, chỉ nhận được theo lịch hẹn. Ngoài ra, cần đặt mã

※通知カードは令和2年5月に新規発行が終了しました。以降は個人番号通知書が郵送されています。

- 今後日本に入国し、中長期間在留される方等については、住民登録をした時点でマイナンバーが通知されます。

### 3. マイナンバーの利用場面

- 平成28年以降分の確定申告など、税の手続きで税務署などにマイナンバーを提示します。
  - 税や社会保険の手続きで必要なため、勤務先にマイナンバーを提示します。
  - 税の手続きで、証券会社や保険会社などにマイナンバーを提示します。
  - 福祉分野の給付等を受けるときや国民健康保険、介護保険などの手続きをするときに市町村にマイナンバーを提示します。
  - 国外に送金するときや、国外からお金を受け取るときに、銀行や郵便局へマイナンバーを提示します。
- ※マイナンバーの手続きでは、なりすましを防止するために、①番号が正しいかの確認と、②正しい番号の持ち主かの確認をします。通知カードは番号の確認しかできないので、別に在留カード、特別永住者証明書などの身分証明書の提示が必要になります。

### 4. 個人番号カード(マイナンバーカード)とは

- マイナンバーに関する手続きで、番号と身元を1枚で確認できるカードです。また、公的な身分証明書として使えます。
- 個人番号カードの取得には申請が必要です。通知カードまたは個人番号通知書の入った封筒に同封されている個人番号カード交付申請書に顔写真を貼って返送する方法や、パソコンやスマートフォンでオンライン申請する方法があり

PIN khi phát hành thẻ.

- Thẻ số cá nhân có giá trị đến sinh nhật lần thứ 10 đối với những người trên 20 tuổi và đến sinh nhật thứ 5 đối với những người dưới 20 tuổi. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng nó có thể thay đổi tùy thuộc vào thời gian lưu trú.
- Nó đi kèm với một chip IC và bao gồm một chứng chỉ điện tử cho phép bạn đăng ký thuế điện tử.
- Đối với thẻ mã số cá nhân, bạn có thể lấy bản sao thẻ cư trú hoặc giấy đăng ký con dấu tại cửa hàng tiện lợi.
- Chỉ có tên, địa chỉ và số của tôi ghi trên vé mới có thể được ghi trên chip IC. Thông tin cá nhân có tính riêng tư cao như thu nhập không được ghi lại.
- Ngay cả khi bạn có thẻ số cá nhân, bạn vẫn cần phải có thẻ cư trú, giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt, v.v.

## 5. Những chú ý khi sử dụng thẻ mã số cá nhân

- Nếu thông tin (địa chỉ, v.v.) trên thẻ số cá nhân thay đổi, vui lòng thông báo cho ủy ban thành phố.
- Ngoại trừ các trường hợp được pháp luật quy định, thì việc sử dụng và thu thập thẻ mã số cá nhân bị cấm. Khi được hỏi mã số cá nhân, vui lòng xác nhận lại mục đích sử dụng với bên kia.
- Việc mua bán lại trái phép mã số cá nhân của người khác sẽ bị xử phạt theo quy định.
- Hãy cẩn thận với các cuộc gọi đáng ngờ và không cung cấp mã số thẻ một cách khi cần thiết.

ます。初回の発行手数料は無料です。

・個人番号カードを申請すると、カードの交付準備ができたことを知らせる通知が届きます。市区町村の窓口、①いたハガキ、②通知カードまたは個人番号通知書、③在留カードなどの本人確認書類を持って受け取りにきてください。なお、受取は予約制となっております。また、カード交付時に暗証番号の設定が必要です。

・個人番号カードの有効期限は、20歳以上は10回目の誕生日まで、20歳未満は5回目の誕生日までです。ただし、在留期間等により異なる場合がありますので、注意してください。

・ICチップが付いており、税の電子申請などが行える電子証明も入ります。

・個人番号カードは、コンビニエンスストアで住民票の写しや印鑑登録証明書などを取ることができます。

・ICチップに記録されるのは、券面に記載された氏名、住所、マイナンバーなどに限られます。所得などプライバシー性の高い個人情報には記録されません。

・個人番号カードを取得しても、在留カード、特別永住者証明書等は引き続き持つ必要があります。

## 5. マイナンバーの取り扱いに関する注意点

・個人番号カードの記載事項（住所など）が変わった場合、市区町村に届け出てください。

・法律に規定があるものを除き、マイナンバーの利用・収集は禁止されています。マイナンバーを聞かれたら、しっかりと相手と利用目的を確認してください。

・他人のマイナンバーを不正に入手することは処罰の対象になります。

・不審な電話などに注意し、むやみにマイナンバーを提示しないでください。

## 6. Yêu cầu tư vấn liên quan đến việc sử dụng thẻ mã số cá nhân

• Điện thoại miễn phí có thông dịch tiếng Anh, Trung, Hàn, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha

0120-0178-26 các vấn đề liên quan đến thẻ mã số cá nhân

0120-0178-27 các vấn đề liên quan đến Thẻ thông báo, thẻ mã số cá nhân

Các ngày trong tuần 9: 30-20: 00

Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ 9h30-17h30 (Ngoại trừ ngày lễ cuối năm và lễ tết)

\* Về việc tạm ngừng sử dụng do mất hoặc mất cắp thẻ số cá nhân, v.v.

Lễ tân tiếp nhận điện thoại 24 giờ/ngày xuyên suốt 365 ngày/năm theo số 0120-0178-27

\* Điện thoại miễn phí sử dụng tiếng Nhật 0120-95-0178.

• Nhấp vào đây để biết thông tin về mã số cá nhân

. Chúng tôi cũng cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài.

\* Ban Thư ký Nội các HP

<http://www.cas.go.jp/>

[jp / seisaku / bangoseido /](http://www.cas.go.jp/seisaku/bangoseido/)

\* J-LIS HP

[Https: //www.kojinbango-card.go.jp/](https://www.kojinbango-card.go.jp/)

## Các loại hồ sơ khai báo

Người quốc tịch nước ngoài nếu chuyển nhà, sinh con, kết hôn, qua đời tại Nhật Bản, thì sẽ cần các khai báo sau.

### ● Chuyển nhà

< Nếu chuyển từ nơi khác đến thành phố Fuji, thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến. >

• Vật cần thiết: Giấy chứng nhận chuyển nhà, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt • Thẻ mã số cá nhân (Chỉ dành cho những người đang có thẻ)

< Nếu chuyển nhà từ thành phố Fuji đi nơi khác, thì tiếp nhận từ 14 ngày trước khi chuyển đi. >

• Vật cần thiết: Các loại thẻ bảo hiểm, thẻ người nhận thanh toán, thẻ đăng ký con dấu (chỉ những người có) do thành phố Fuji phát hành

< Nếu đã chuyển nhà trong thành phố, trong vòng 14 ngày từ ngày

6. マイナンバーに関する問い合わせ

• 英語・中国語・韓国語・スペイン語・ポルトガル語対応のフリーダイヤル

0120-0178-26 マイナンバー制度に関すること

0120-0178-27 通知カード、個人番号カードに関すること

平日 9時30分～20時00分

土日祝 9時30分～17時30分 (年末年始を除く)

※個人番号カードの紛失・盗難などによる一時利用停止については、

0120-0178-27にて24時間365日受付

※日本語のフリーダイヤルは0120-95-0178です。

• マイナンバーに関する情報はこちらから。外国語での情報提供も行っています。

※内閣官房 HP

<http://www.cas.go.jp/>

[jp/seisaku/bangoseido/](http://www.cas.go.jp/seisaku/bangoseido/)

※J-LIS HP

<https://www.kojinbango-card.go.jp/>

## 各種届出

外国籍の方が、日本国内において、引っ越ししたり、子どもが生まれたり、結婚したり、亡くなったりした場合は、次の届出が必要です。

### ●引っ越し

< 市外から引っ越ししてきた場合は、引っ越ししてきた日から14日以内 >

• 必要なもの: 転出証明書、在留カードまたは特別永住者証明書・マイナンバーカード (持っている人のみ)

< 市外へ引っ越しする場合は、14日前から受け付けます >

• 必要なもの: 富士市が発行した各

chuyển nhà >

- **Vật cần thiết:** Các loại thẻ bảo hiểm, thẻ người nhận thanh toán, thẻ cư trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, thẻ mã số cá nhân (Chỉ dành cho những người đang có thẻ) do thành phố Fuji phát hành

- **Khai sinh**

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh, cha hoặc mẹ hãy khai báo.

- **Vật cần thiết:** Giấy khai sinh, sổ khám sức khỏe của mẹ con, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của bố mẹ

- **Đăng ký kết hôn**

Điều kiện khác nhau tùy theo quốc tịch, hãy hỏi phụ trách dân cư hộ khẩu, phòng dân cư thành phố để biết thêm chi tiết

- **Khai qua đời**

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày biết việc qua đời, người nhà hoặc người cùng chung sống khai báo tại Ủy ban Nhân dân Thành phố, trong vòng 14 ngày, hãy trả lại thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người nước ngoài đã qua đời tại văn phòng chi nhánh Shizuoka, Sở quản lý xuất nhập cảnh Nagoya.

- **Vật cần thiết:** Giấy khai tử, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người nước ngoài đã mất, thẻ cư trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt của người làm thủ tục

- Mọi thắc mắc về các loại giấy tờ khai báo xin vui lòng liên hệ: Phụ trách dân cư hộ khẩu, phòng dân cư thành phố, điện thoại 0545-55-2749

- **Tham khảo**

- Về chế độ sổ đăng ký thường trú cơ bản của cư dân ngoại quốc

Trang web Bộ Nội vụ và Truyền thông (Chế độ sổ đăng ký thường trú cơ bản, xem tờ rơi theo trang)

[http://www.soumu.go.jp/main\\_sosiki/jichi\\_gyousei/c-gyousei/zairyu/index.html](http://www.soumu.go.jp/main_sosiki/jichi_gyousei/c-gyousei/zairyu/index.html)

- Về chế độ quản lý cư trú

Trang web Cục quản lý xuất nhập cảnh

<http://www.immi-moj.go.jp/index.html>

種保険証・受給者証・印鑑登録証  
(持っている人のみ)

<市内で引っ越しをした場合は、引っ越しをした日から 14 日以内>

- **必要なもの:** 富士市が発行した各種保険証、受給者証等、在留カードまたは特別永住者証明書、マイナンバーカード (持っている人のみ)

- **出生届**

出生の日から 14 日以内に父又は母が届け出てください。

- **必要なもの:** 出生届・母子健康手帳・両親の在留カードまたは特別永住者証明書

- **婚姻届**

国籍によって要件が異なりますので、詳しくは市民課戸籍住民担当までお問い合わせください。

- **死亡届**

死亡を知った日から 7 日以内に家族又は同居人が市役所で届出を行い、14 日以内に死亡した外国人の在留カードまたは特別永住者証明書を名古屋出入国在留管理局静岡出張所に返納してください。

- **必要なもの:** 死亡届・亡くなられた方の在留カードまたは特別永住者証明書・手続きをされる方の在留カードまたは特別永住者証明書

- 各種届出のお問い合わせ：  
市民課戸籍住民担当  
電話 0545-55-2749

- **参考**

- 外国人住民の住民基本台帳制度について

総務省 HP

(住民基本台帳制度 ページ別リーフレット参照)

- 在留管理制度について  
出入国在留管理庁 HP

## Vật nuôi, thú cưng

- **Những người đang và bắt đầu nuôi chó cần thực hiện một số qui định về luật sở hữu vật nuôi**
- ◆ **Đăng ký nuôi chó**  
(Nộp phiếu đăng ký nuôi chó cho Ủy ban thành phố Fuji)
  - Địa điểm đăng ký:  
Tòa thị chính Fuji tầng 10  
Bộ phận Môi trường và Các vấn đề Chung  
Bệnh viện thú y thành phố
  - Số tiền: 3.000 yên  
(mỗi con)
  - Sau khi đăng ký, mỗi vật nuôi sẽ được cấp thẻ, và phải đeo thẻ này cho vật nuôi
  - Khi chuyển địa chỉ nhà, bạn cần thay đổi địa chỉ đăng ký nuôi chó.
- ◆ **Tiêm phòng bệnh chó dại**  
(Tiêm mỗi năm một lần)
  - Địa điểm: Bệnh viện thú y thành phố
  - Cần mang theo những gì: Sổ tay thú cưng (phát khi đăng ký nuôi chó)
  - Số tiền: 3.500 yên  
(Phí tiêm 2,950 yên  
Lệ phí khi tiêm 550 yên)
  - "Giấy chứng nhận tiêm phòng bệnh chó dại" sau khi được cấp, phải được đeo vào cho chó.
- ◆ "Thẻ", "Phiếu tiêm bệnh chó dại" được phát hành tại
  - Địa điểm: Tòa thị chính Fuji tầng 10, Phòng môi trường và các vấn đề tổng hợp
  - Lệ phí :  
1.600 yên (tiền thẻ)  
340 yên (phiếu tiêm phòng bệnh chó dại)
- ◆ **Cách nuôi chó**  
~ Tránh không để làm phiền người khác ~
  - Không để chó tự do đi khắp nơi
  - Cho dù có thể điều khiển được chó, tuy nhiên nên xiềng dây xích khi dắt chó đi dạo.
  - Mang phân chó về nhà và vứt bỏ
  - Đảm bảo nuôi và huấn luyện chó của bạn theo chủng loại và thói quen của nó.

## ペット

- **犬を飼っている人、犬を飼い始めた人**  
法令により、飼い主の義務が定められています。
- ◆ **犬の登録**  
(富士市への届出)
  - 登録場所 :  
富士市役所 10 階  
環境総務課窓口  
市内の動物病院
  - 金額 : 3,000 円  
(1 頭につき)
  - 登録とともに交付された犬の「鑑札」は、犬に装着すること。
  - 引っ越しをしたとき、犬の登録も住所変更の手続きが必要です。
- ◆ **狂犬病予防注射**  
(毎年 1 回の接種)
  - 場所 : 市内の動物病院
  - 持ち物 : 愛犬手帳 (犬の登録時に配布)
  - 金額 : 3,500 円  
(注射代 2,950 円  
狂犬病注射済票交付手数料 550 円)
  - 注射とともに交付された「狂犬病注射済票」は、犬に装着すること。
- ◆ **「鑑札」、「狂犬病注射済票」の再交付**
  - 場所 : 富士市役所 10 階 環境総務課窓口
  - 金額 :  
1,600 円 (鑑札)  
340 円 (狂犬病注射票)
- ◆ **犬の飼い方**  
~ 他人に迷惑をかけないために ~
  - 放し飼いをしないこと。
  - 犬をコントロールできる人が、リードにつないで散歩すること。
  - フンは持ち帰って処分すること。

- ・犬の種類、習性に合わせた飼い方、しつけをすること。

### ● Mèo

◆ Những người nuôi mèo, hãy nuôi chúng trong nhà. (Nếu để chúng đi ngoài, có thể bị ốm hoặc bị thương.)

◆ Những người nuôi mèo không có chủ

Cần chú ý số lượng mèo sẽ tiếp tục tăng lên mỗi ngày, và môi trường xung quanh sẽ bị ô nhiễm bởi phân và nước tiểu, gây phiền toái cho khu vực lân cận.

- ・ Không để thức ăn và nước uống liên tục 1 chỗ, sau khi cho mèo ăn xong phải dọn dẹp ngay. (lựa chọn địa điểm và thời gian cố định, cho mèo ăn vừa đủ lượng thức ăn và nước uống, không để thừa.)

- ・ Hãy lắp đặt một nhà vệ sinh. (Chuẩn bị nhà vệ sinh ở một nơi cố định và không để mèo thải phân lung tung ở những nơi khác.)

- ・ Cho mèo thực hiện phẫu thuật và tránh thai. (Ở thành phố Fuji, việc phẫu thuật cắt tỉa lông và tránh thai của những chú mèo không rõ nguồn gốc được hỗ trợ. Vui lòng liên hệ trước với Bộ phận Môi trường và Các vấn đề chung tại Tòa thị chính thành phố Fuji.)

- ・ Cố gắng kêu gọi sự đồng lòng của hàng xóm (giải thích cho họ biết về các việc như bên trên cũng như vấn đề xử lý phân mèo)

### ● Các loài thú cưng nói chung

- ・ Chủ nên dọn phân và nước tiểu của thú cưng.
- ・ Một khi đã nuôi, hãy cố gắng nuôi chúng đến khi chúng chết
- ・ Luôn đeo thẻ và vòng cổ cho thú
- ・ Nếu thú cưng của bạn bị mất, vui lòng liên hệ 3 địa điểm sau.

Phòng các vấn đề môi trường của Tòa thị chính thành phố Fuji  
Điện thoại 0545-55-2768

Bộ phận Vệ sinh và Dược phẩm của Trung tâm Y tế Fuji Điện thoại 0545-65-2154

Đồn cảnh sát Fuji

Điện thoại đại diện 0545-51-0110

### ● 猫

#### ◆ 猫を飼っている人

室内で飼いましょう。(外に出すことで、病気、怪我の原因にもなります。)

#### ◆ 飼い主のいない猫へエサをやっている人

～エサをあげるだけだと、猫が増え続け、フンやおしっこで周囲を汚し、近所に迷惑がかかります～

- ・ 置きエサをせず、すぐ片付けること。(場所と時間を決め、一度に食べきれる量のエサと水とする。)

- ・ トイレを設置してください。(決めた場所に、トイレを用意して、フンやおしっこを他でしない努力をする。)

- ・ 去勢・避妊手術をさせてください。(富士市では、飼い主のいない猫の去勢・避妊手術に対する補助金があります。事前に富士市役所環境総務課までお問い合わせください)

- ・ 活動が近所の人に理解されるように、努めてください。(フンの処理や上記の活動をしている状況を伝えて、近所の理解を得ましょう。)

### ● ペット全般

- ・ フンやおしっこは、飼い主が片付けてください。

- ・ 飼い始めたら、最後まで飼いましょう。

- ・ 迷子札やマイクロチップをつけましょう。

- ・ ペットがいなくなった場合、下記の3箇所に連絡してください。

富士市役所 環境総務課 電話  
0545-55-2768

富士保健所 衛生薬務課 電話  
0545-65-2154



● **Hãy thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai cho vật nuôi.**

Các vật dụng cần thiết để sơ tán: túi xách, thùng (lồng), v.v.

Các vật dụng cần thiết khi sơ tán: thùng (lồng), thức ăn và nước uống (tối thiểu 5 ngày), dụng cụ ăn, dụng cụ vệ sinh, (thực phẩm chữa bệnh, thuốc)

● **Vì hoàn cảnh, bạn không thể tiếp tục nuôi, vui lòng tìm chủ sở hữu mới cho chúng.**

Vui lòng liên hệ tại phòng trao đổi thông tin "Bảng thông điệp tình yêu Pocchi và Nyanchi" được lắp đặt ở khu phía bắc, tầng 1 của tòa thị chính thành phố Fuji. Vui lòng điền các thông tin cần thiết (thông tin liên hệ, đặc điểm của con vật bạn muốn trao quyền nuôi cho người khác, ngày tháng năm sinh,...) vào mẫu thông tin, đính kèm hình ảnh con vật bạn muốn chuyển nhượng. Thời gian đăng là một tháng. Sau đó sẽ có cuộc trao đổi trực tiếp với người bạn muốn cho đi.

**Các qui định chung**

Tại thành phố Fuji có những qui định chung về cách vứt rác, cắm thả rông chó, mèo, và tác phong khi hút thuốc.

● **Cấm vứt rác**

Không được phép đổ rác nơi công cộng hoặc trên phần đất của người khác. Vứt tàn thuốc vào lon rỗng và cho vào thùng rác hoặc mang về nhà xử lý.

● **Cấm thả rông chó mèo**

Không được để phân chó, mèo của bạn ở nơi công cộng hoặc trên đất của người khác. Trong trường hợp đang đi dạo, hãy mang phân đó về nhà và vứt bỏ.

● **Cách qui định khi hút thuốc**

Có ba điều cần ghi nhớ khi hút thuốc ở nơi công cộng:

(1) Không làm ảnh hưởng đến cơ thể, đồ đạc, quần áo, v.v. của người khác.

(2) Không hút thuốc khi đi bộ hoặc đi xe đạp.

● **ペットの防災対策をしましょう。**

避難に必要な物：キャリーバッグやクレート（ケージ）など

避難生活に必要な物：クレート（ケージ）、エサと水（最低5日分）、食器、トイレ用品、（療法食、薬）

● 事情により、飼えなくなった時は、新しい飼い主を探してください。情報交換の1つとして、市庁舎1階北側に設置してある「ポッチとニャンチの愛の伝言板」があります。伝言板に添え付けてある専用の用紙に、必要事項（連絡先、ゆずりたい動物の特徴、生年月日など）を記入し、ゆずりたい動物の写真を貼って、ご自分で掲示してください。掲示される期間は1ヶ月です。譲ってほしい方と直接のやり取りになります。

**マナー条例**

富士市には、ごみのポイ捨て禁止や、犬・猫のふん放置の禁止、喫煙時のマナーを定めた条例があります。

● **ごみのポイ捨て禁止**

公共の場所や、他人の土地にごみを捨てるのは禁止です。たばこの吸い殻や空き缶などは、ゴミ箱へ捨てるか、持ち帰って処理しましょう。

● **犬・猫のふん放置の禁止**

公共の場所や、他人の土地に、飼い犬や飼い猫等のふんを放置することは禁止です。散歩中などのふんは、持ち帰って処理しましょう。

● **喫煙時のマナー**

公共の場所で喫煙をする際には、次の3つのことに気をつけましょう。

(1) 他人の身体や持ち物、衣類等

(3) Hút thuốc ở nơi có gạt tàn hoặc dùng gạt tàn cầm tay.

に影響又は被害を与えない。

(2) 歩行中又は自転車乗車中には喫煙しない。

(3) 灰皿等がある場所で喫煙するか、携帯用灰皿を使用する。

● **Cách đối ứng với những người vi phạm**

Đối với những người vi phạm quy định cấm vứt rác, thả rông chó, mèo, vứt phân chó mèo ở nơi công cộng sẽ bị công khai tên và địa chỉ.

● **違反者への対応**

ごみのポイ捨て禁止、犬・猫のふん放置の禁止に違反した人については、氏名・住所等を公表する場合があります。

■ **Liên hệ**

Phòng các vấn đề môi trường của Tòa thị chính thành phố Fuji  
Bộ phận chính sách môi trường (tầng 10 phía nam) Điện thoại  
0545-55-2901

■ **問い合わせ**

富士市役所環境総務課  
環境政策担当(10階南側) 電話  
0545-55-2901



## THUẾ

Thuế là khoản tiền mà bạn trích ra làm chi phí cho quốc gia, tỉnh và thành phố để cung cấp các dịch vụ mà công dân cần trong cuộc sống hàng ngày  
Ở Nhật có hai loại thuế: thuế quốc gia và thuế địa phương (thuế thành phố, thuế tỉnh).

### Thuế quốc gia

Thuế thu nhập và thuế tiêu dùng là những loại thuế tiêu biểu của quốc gia.

#### ● Thuế thu nhập và thuế thu nhập đặc biệt

Thuế thu nhập là loại thuế đánh vào thu nhập kiếm được trong năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Có hai loại thuế thu nhập: thuế thu nhập tự định do người kinh doanh tự tính và nộp, thuế thu nhập khấu trừ thu bằng cách khấu trừ vào lương hàng tháng như người làm công ăn lương.  
Thuế thu nhập đặc biệt là loại thuế được trả cùng với thuế thu nhập từ năm 2013 đến năm 2037 nhằm đảm bảo các nguồn tài chính cần thiết cho việc tái thiết từ trận Động đất ở Đông Nhật Bản. Theo nguyên tắc chung, giá trị này được tính bằng cách nhân số thuế thu nhập (số thuế thu nhập tiêu chuẩn) cho tất cả các khoản thu nhập trong năm đó với thuế suất 2,1% và được kê khai và nộp thuế cùng với thuế thu nhập.

##### • Quyết toán cuối năm

Đó là báo cáo thu nhập trong một năm (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12) và số tiền đã đóng cơ quan thuế.

Đây là thủ tục để nộp thuế còn nợ, nhưng đồng thời cũng là thủ tục để được hoàn lại số thuế nộp thừa.

Điều chỉnh thuế cuối năm

Đối với những người làm công ăn lương, thuế thu nhập khấu trừ được khấu trừ vào tiền lương của họ tùy theo số tiền lương.  
Khi nhận lương vào tháng 12 thì số thuế phải đóng được tính bằng cách, quyết toán phần thừa, thiếu bằng cách so sánh với tổng số thuế thu nhập đã nộp.

Nếu bạn nhận được phiếu các khoản điều chỉnh cuối năm tại công ty, bạn không cần phải nộp tờ khai quyết toán cuối cùng trừ khi bạn có thu nhập khác và chi phí y tế được khấu trừ.

## 税金

税金とは、市民の皆さんが生活する中で必要となるようなサービスを、国や都道府県、市区町村が提供するための経費として、皆さんに分担していただくお金のことです。

日本には、国税と地方税(市区町村税、都道府県税)の2種類があります。

### 国税

国税の代表的なものに所得税と消費税があります。

#### ● 所得税及び復興特別所得税

所得税は、毎年、1月1日から12月31日までの1年間に得た所得にかかる税金です。

これは商売をしている人など自分で税金を計算して納める申告所得税と、サラリーマンのように毎月の給料などから天引きで徴収される源泉所得税があります。

復興特別所得税は、東日本大震災からの復興に必要な財源の確保のために、2013年から2037年まで所得税と合わせて納める税金です。これは、原則として、その年分のすべての所得に対する所得税額(基準所得税額)に2.1%の税率をかけて計算され、所得税と併せて申告・納付します。

##### • 確定申告

1年間(1月1日から12月31日まで)の所得と、それに対する所得税の金額を税務署に申告することです。

所得税を納めるための手続きですが、同時に納めすぎて

いる税金を返してもらう手続きでもあります。

・年末調整

サラリーマンなどのような給与所得者は、給与の金額に応じてあらかじめ毎月源泉所得税が給与から差し引かれます。

12月に給与が支払われる時、1年分の正規の所得税の額を計算し、既に支払っている源泉所得税の合計額と比べ、過不足を精算するものです。

会社などで年末調整を受けた場合は、他に所得がなく、医療費控除などがなければ本人が確定申告する必要はありません。

●**Thuế tiêu thụ và thuế tiêu thụ địa phương**

Thuế tiêu dùng về cơ bản được áp dụng cho tất cả các tiêu dùng như mua sắm. Thuế suất là 10%.

■ Liên hệ

Văn phòng thuế Fuji  
Fujishi Honichiba 297-1  
Điện thoại 0545-61-2460

**Thuế địa phương**

Các loại thuế địa phương điển hình là thuế cư trú, thuế ô tô và thuế các phương tiện giao thông hạng nhẹ

●**Thuế cư trú**

Thuế cư trú là loại thuế đánh vào thu nhập trong năm trước tại thành phố nơi bạn sinh sống kể từ ngày 1 tháng 1. Người nộp thuế phải báo cáo thu nhập của họ trong năm trước đó cho tòa thị chính thành phố từ ngày 16/2 đến ngày 15/3 hàng năm.

Những người sau đây không cần khai báo

- ① Những người không có thu nhập trong năm trước (※1)
- ② Những người có thu nhập trong năm trước nhưng chỉ là thu nhập từ tiền lương hoặc thu nhập từ lương hưu và có báo cáo chi trả thuế điều chỉnh cuối năm đã được nộp cho tòa thị chính (※2)
- ③ Những người đã làm thủ tục kê khai báo thuế

※ 1 Ngay cả những người không có thu nhập trong năm trước

●**消費税及び地方消費税**

消費税は、買い物など、基本的にあらゆる消費にかかります。税率は10%です。

■**問い合わせ**

富士税務署  
富士市本市場 297-1  
電話 0545-61-2460

**地方税**

地方税の代表的なものに住民税・自動車税と軽自動車税があります。

●**住民税**

住民税は、1月1日現在住んでいる市区町村で前年中の所得に対して課せられる税金です。

納税義務者は、例年、2月16日から3月15日までの間に前年中の所得について市役所に申告を行わなければなりません。

次の人は申告の必要がありません

nhưng cũng cần khai báo các thuế bảo hiểm y tế quốc dân, trợ cấp cố định, trợ cấp trẻ em và các phúc lợi khác

\* 2 Nếu chưa thực hiện điều chỉnh cuối năm hoặc nếu phải bổ sung các khoản khấu trừ như khấu trừ chi phí y tế, thì cần phải khai báo cuối cùng hoặc kê khai thuế cư trú.

#### ■ Yêu cầu

Phòng thuế thành phố Fuji City Hall

Phí đầu tiên thuế thành phố (tầng 3 phía nam)

Điện thoại 0545-55-2734

#### ● Thuế ô tô (xe bốn bánh có dung tích trên 660cc)

• Thuế ô tô là loại thuế đánh vào những người sở hữu ô tô kể từ ngày 1 tháng 4.

• Số tiền phải trả được xác định bởi thể tích khí thải của ô tô.

• Thông báo nộp thuế sẽ được gửi từ văn phòng tài chính của tỉnh vào khoảng đầu tháng 5, vì vậy vui lòng thanh toán tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi vào cuối tháng 5 (hoặc ngày trong tuần tiếp theo nếu ngày cuối cùng là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ Quốc gia).

#### ■ Yêu cầu

Văn phòng tài chính Fuji

Thuế, Thuế Nhóm 1

Chợ chính thành phố Fuji 441-1

Điện thoại 0545-65-2118

①前年中に収入がなかった人  
(※ 1)

②前年中の収入が給与所得  
又は公的年金等のみの所得  
で、勤務先で年末調整され  
た給与支払報告書又は公  
的年金等支払報告書が市  
役所に提出されている人  
(※ 2)

③所得税の確定申告をした人  
※ 1 前年中に収入がなかった  
人であっても、所得証明書等  
の

交付、国民健康保険税の算  
定、児童手当等の給付、公  
営

住宅の入居などの手続きの  
ために申告が必要な場合が  
あります。

※ 2 年末調整が行われていな  
い場合や医療費控除等の控  
除を追加する場合は確定申  
告又は住民税の申告が必要  
です。

#### ■問い合わせ

富士市役所 市民税課

市民税第一担当 (3階南側)

電話 0545-55-2734

#### ●自動車税(排気量 660cc を超える 4 輪自動車)

• 自動車税は、4 月 1 日の時  
点で自動車を持っている人  
にかかる税金です。

• 支払う金額は、車の排気量  
等によって決まっています。

• 県財務事務所から、納税通  
知書が 5 月上旬頃届きます  
ので、5 月末日 (末日が土  
曜・日曜・祝休日の場合は  
次の平日) までに銀行やコ  
ンビエンスストアなどで  
納めてください。

#### ■問い合わせ

富士財務事務所

課税課課税第 1 班  
富士市本市場 441-1  
電話 0545-65-2118

● **Thuế xe hạng nhẹ (xe máy và xe hạng nhẹ có dung tích từ 660cc trở xuống)**

・ Thuế xe là loại thuế đánh vào người có xe hạng nhẹ, xe đạp máy, xe chuyên dùng loại nhỏ (máy kéo nông nghiệp, xe nâng ...), xe mô tô phân khối lớn và vừa ... kể từ ngày 1/4. Số tiền phải trả tùy thuộc vào lượng khí thải và loại xe.

・ Thông báo nộp thuế sẽ được gửi từ tòa thị chính vào khoảng giữa tháng 5, vì vậy vui lòng thanh toán tại ngân hàng hoặc cửa hàng tiện lợi vào cuối tháng 5 (hoặc ngày trong tuần tiếp theo nếu ngày cuối cùng là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ quốc gia).

■ **Yêu cầu**

Phòng thuế thành phố Fuji City Hall

Phí thành phố thuế thứ hai (tầng 3 phía nam)

Điện thoại 0545-55-2735

● **Nơi nộp thuế địa phương**

Vui lòng mang theo phiếu thanh toán và nộp thuế địa phương tại địa điểm sau.

Nếu phiếu thanh toán bị mất hoặc hư hỏng, vui lòng liên hệ với phòng nộp thuế

1. **Tổ chức tài chính**

Có thể thanh toán tại các các trụ sở chính và chi nhánh của ngân hàng do uỷ ban thành phố Fuji chỉ định.

2. **Từng cửa hàng tiện lợi có tên trong thông báo nộp thuế**

Có thể thanh toán thuế quận (thu thông thường), thuế tài sản cố định / thuế quy hoạch thành phố, thuế xe và thuế bảo hiểm y tế quốc gia tại các cửa hàng tiện lợi.

Vui lòng mang phiếu thanh toán có in mã vạch đến cửa hàng tiện lợi và thanh toán bằng tiền mặt tại quầy thu ngân.

Thanh toán có thể được thực hiện vào thứ bảy, chủ nhật và đêm miễn là cửa hàng tiện lợi mở cửa.

(Loại không có in mã vạch, loại đã qua ngày hết hạn trong cửa

● **軽自動車税(バイクと排気量 660cc 以下の軽自動車)**

・ 軽自動車税は、4月1日の時点で、軽自動車、原動機付自転車、小型特殊自動車(農耕用トラクター、フォークリフト等)、大型・中型バイクなどを持っている人にかかる税金です。支払う金額は、排気量や、車種によって決まっています。

・ 市役所から、納税通知書が5月中旬頃届きますので、5月末日(末日が土曜・日曜・祝休日の場合は次の平日)までに銀行やコンビニエンスストアなどで納めてください。

■ **問い合わせ**

富士市役所 市民税課

市民税第二担当 (3階南側)

電話 0545-55-2735

● **地方税の納付場所**

地方税は納付書をお持ちの上、次の場所で納付してください。

また、納付書を紛失・破損された場合は収納課までご連絡ください。

1. **金融機関**

市役所の指定した金融機関の本店・支店及び出張所で納付ができます。

2. **納税通知書に記載の各コンビニエンスストア**

コンビニで納めることができるのは、市県民税(普通徴収)、固定資産税・都市計画税、軽自動車税、国民健康保険税です。

バーコードが印刷された納

hàng tiện lợi và loại có số lượng đã chỉnh sửa không thể sử dụng được)

#### 4. Ứng dụng điện thoại thông minh (LINEPay / PayPay)

Nếu đó là phiếu thanh toán có in mã vạch từ ngày 3 tháng 4 năm Reiwa, hãy sử dụng ứng dụng điện thoại thông minh (LINE Pay hoặc PayPay) để sử dụng thuế quận thành phố (thu thông thường), thuế tài sản / thuế quy hoạch thành phố, thuế xe nhẹ, v.v. . Thuế bảo hiểm y tế quốc gia có thể được đóng bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào.

#### ●Chuyển khoản (thanh toán tự động)

Chuyển khoản (thanh toán tự động) là một phương thức mà tổ chức tài chính tự động chuyển và nộp thuế từ một tài khoản được chỉ định thay mặt bạn. Thanh toán không quên trả tiền rất an toàn nên được khuyến khích cho những ai bận việc, nội trợ.

#### ● Tư vấn nộp thuế

Nếu người đóng thuế gặp khó khăn trong việc nộp thuế thành phố do ốm đau hoặc kinh doanh kém, vui lòng liên hệ với chúng tôi càng sớm càng tốt.

#### ■ Yêu cầu

Fuji City Hall Bộ Tài chính Phòng lưu trữ  
Nhân viên thu thuế (phía nam tầng 3 tòa thị chính) Điện thoại  
0545-55-2730, 2771

付書をコンビニエンスストアにお持ちいただき、レジにて現金で納付してください。

コンビニエンスストアの営業時間内であれば、土日や夜間も納付できます。

(バーコードが印刷されていないもの、コンビニ利用期限の過ぎたもの、金額を訂正したものは使用できません)

#### 4. スマートフォンアプリ

(LINEPay・PayPay)

令和3年4月からバーコードが印刷された納付書であればスマートフォンアプリ (LINEPay や PayPay) を利用して、市県民税 (普通徴収)、固定資産税・都市計画税、軽自動車税、国民健康保険税がいつでもどこでも納付できます。

#### ●口座振替(自動払込)

口座振替 (自動払込) とは、金融機関があなたに代わって、指定の口座から自動的に振り替えて税金を納付するものです。納め忘れもなく安心ですので、仕事や家事に忙しい皆様にお勧めします。

#### ●納税相談

納税者が病気や事業不振などにより、市税を納めることが困難になったときは、お早めにご相談ください。

#### ■問い合わせ

富士市役所 財政部収納課  
収税担当 (市役所3階南側)  
電話 0545-55-2730、2771



## Thông tin về cơ sở hạ tầng

Thông tin về các cơ sở công cộng, cơ sở du lịch, cơ sở vui chơi giải trí, v.v. tại Thành phố Fuji.

### Cơ sở hạ tầng văn hoá

#### ● Trung tâm văn hóa thành phố Fuji (Nhà hát Hoa hồng)

Kể từ khi mở cửa vào năm 1993, các sự kiện khác nhau như âm nhạc, sân khấu và diễn thuyết đã được tổ chức tại ba hội trường lớn, vừa và nhỏ, và nó đã trở thành cơ sở cho các hoạt động văn hóa địa phương.

- Địa chỉ: 1750 Tatehara-cho, Fuji City
- Điện thoại 0545-60-2510
- Giờ mở cửa 9: 00-22: 00

· Ngày đóng cửa

Những ngày nghỉ cuối năm và lễ tết v.v.

#### ● Bảo tàng nghệ thuật giấy / Fuji

Đây là một cơ sở để trưng bày "nghệ thuật giấy" được khai trương vào tháng 11 năm 2016.

Trong không gian trưng bày, các cuộc triển lãm đặc biệt được tổ chức 3 đến 4 lần trong năm.

Trong không gian giao lưu, thông tin về nghệ thuật giấy và hội thảo sẽ được tổ chức.

- Địa chỉ: 1750 Tatehara-cho, Fuji City  
(Trung tâm văn hóa thành phố Fuji, tầng 1)
- Điện thoại 0545-32-6581
- Giờ mở cửa 10: 00-18: 00
- Ngày đóng cửa: vào ngày Nhà hát Hoa hồng Trung tâm Văn hóa Thành phố Fuji đóng cửa tại đây cũng sẽ đóng cửa

#### ● La Hall Fuji

Nó là một cơ sở công cộng để cải thiện việc làm và phúc lợi của người lao động.

Nó có thể được sử dụng cho nhiều mục đích như họp, hội thảo,

## 施設情報

富士市内にある公共施設・観光施設・レクリエーション施設等の情報です。

### 【文化施設】

#### ●富士市文化会館(ロゼシアター)

1993年の開館以来、大・中・小の3つのホールを中心に、音楽、舞台、講演会等様々な催物が開催され、地域の文化活動の拠点となっています。

- 住所 富士市蓼原町 1750
- 電話 0545-60-2510
- 開館時間 9:00～22:00
- 休館日  
年末年始、法定点検等のための臨時休館日

#### ●ふじ・紙のアートミュージアム

2016年11月にオープンした「紙のアート」を展示する施設です。

展示スペースでは、年間、3～4回の企画展が行われます。

交流スペースでは、紙のアートに関する情報提供、ワークショップなどが行われます。

- 住所 富士市蓼原町 1750  
(富士市文化会館・1階)
- 電話 0545-32-6581
- 開館時間 10:00～18:00
- 休館日 富士市文化会館  
ロゼシアターの休館日、  
展示の入れ替え期間があります

#### ●ラ・ホール富士

勤労者の雇用と福祉の向上を図るための公共施設です。



thuyết trình, tiệc tùng, họp mặt xã hội, các hoạt động văn hóa sở thích, các hoạt động quảng bá và duy trì thể chất, và giải trí.

- Địa chỉ: 2-7-11 Chuo-cho, Fuji City
- Điện thoại 0545-53-4300
- Thời gian sử dụng 9: 00-21: 30

(Giờ làm việc của lễ tân 8: 30-20: 30)

- Ngày nghỉ: cuối năm và năm mới

### ●Bảo tàng Núi Phú Sĩ Kaguya Hime (Bảo tàng Thành phố)

Theo chủ đề chính "Sống ở Phú Sĩ-Lịch sử và Văn hóa của Thị trấn Giấy", tòa nhà chính có một triển lãm độc đáo với chủ đề chính là "Núi Phú Sĩ và Công chúa Kaguya". Lối vào trên tầng 2 được kết nối với Làng Furusato ở Công viên Hiromi, nơi bạn có thể nhìn thấy dinh thự của gia đình Inagaki trước đây do tình chỉ định và 6 tòa nhà do thành phố chỉ định.

Tại phụ lục / Bảo tàng Lịch sử và Văn hóa Dân gian, ngoài các cuộc triển lãm khu vực về cuộc sống ở Thành phố Fuji với các độ cao khác nhau và góc "Chiến tranh và Cuộc sống", ngành công nghiệp địa phương "giấy" và giáo dục hiện đại cũng được trưng bày.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tổ chức các triển lãm đặc biệt, các bài giảng thực hành và các buổi hòa nhạc về các sự kiện quanh năm sử dụng các ngôi nhà dân gian cổ và "Ngày bảo tàng", nơi bạn có thể trải nghiệm nhiều trải nghiệm hàng tháng khác nhau trong một ngày.

- Địa chỉ 66-2 Fuji City Denpo
- Điện thoại 0545-21-3380
- Giờ mở cửa  
9:00 đến 17:00 (tháng 4 đến tháng 10)  
9:00 đến 16:30 (tháng 11 đến tháng 3)
- Các ngày đóng cửa vào Thứ Hai hàng tuần

(Mở cửa vào các ngày lễ),

Các ngày sau lễ, cuối năm và Tết

- Phí vào cửa miễn phí

会議・研修会・発表会・パーティー・懇親会・趣味教養活動・体力維持増進活動・レクリエーション等多目的に利用していただけます。

- 住所 富士市中央町 2-7-11
- 電話 0545-53-4300
- 利用時間 9:00～21:30  
(受付時間 8:30～20:30)
- 休館日 年末、年始

### ●富士山かぐや姫ミュージアム (市立博物館)

「富士に生きる～紙のまちな歴史と文化」という大テーマのもと、本館では「富士山とかぐや姫」をメインテーマとした特色ある展示を行っています。2階のエントランスは広見公園内ふるさと村に接続しており、県指定の旧稲垣家住宅や市指定の6つの建物などを見学できます。

分館・歴史民俗資料館では、標高差のある富士市の暮らしの地域別展示や「戦争と暮らし」コーナーに加え、地場産業「紙」や近代教育の展示を行っています。

このほか、企画展、及び古民家を利用した年中行事の体験講座や音楽会、1日でいろいろな月替わりの体験が出来る「博物館の日」なども行っています。

- 住所 富士市伝法 66-2
- 電話 0545-21-3380
- 開館時間  
9:00～17:00 (4月～10月)  
9:00～16:30 (11月～3月)
- 休館日 毎週月曜日  
(祝日は開館)、  
祝日の翌日、年末年始
- 観覧料 無料

### ●Trung tâm phát triển thị trấn

Trung tâm Machizukuri là nơi các tổ chức địa phương hoạt động nhằm tạo ra một xã hội thoải mái và cuộc sống sung túc, đồng thời là một cơ sở công cộng quen thuộc để người dân tụ tập và học hỏi. Nó có thể được sử dụng cho các sự kiện, họp mặt, học tập, v.v. theo nhóm (5 người trở lên) được tổ chức chủ yếu bởi các nhóm địa phương ở Thành phố Fuji, các nhóm liên quan đến giáo dục xã hội, những người sống, làm việc và đi học trong thành phố. ...

・ Thời gian

(AM) 9: 00~12: 00

(Buổi chiều) 13: 00~17: 00

(Đêm) 18: 00~21: 15

・ Ngày đóng cửa

Chủ nhật thứ 3 của tháng, các ngày lễ, cuối năm và năm mới, v.v.

#### ◆ Đăng ký nhóm

Để sử dụng Trung tâm Machizukuri, bạn cần đăng ký với tư cách là một nhóm người dùng. Nếu bạn đăng ký sử dụng Trung tâm Machizukuri lần đầu tiên, bạn sẽ cần phải xem xét và phê duyệt tổ chức bạn đang hoạt động, vì vậy vui lòng đến trực tiếp trung tâm từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều các ngày trong tuần. Ngoài ra, ngay cả đối với các tổ chức đã đăng ký, cần phải gia hạn mỗi năm một lần

#### ◆ Đăng ký để sử dụng

・ Thời gian tiếp nhận, v.v.

Vui lòng đăng ký từ "Hệ thống Đặt chỗ / Thông tin Cơ sở Công cộng Thành phố Fuji" trên trang web của thành phố bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh của bạn. Để áp dụng cho nhóm được sử dụng bằng hình thức xổ số (ứng dụng xổ số), vui lòng áp dụng từ ngày 1 đến ngày 7, 2 tháng trước tháng bạn muốn sử dụng. Nếu quý khách không đặt trước phòng trống tại thời điểm bốc thăm (áp dụng bình thường), vui lòng nộp hồ sơ từ 8h30 ngày 08 tháng 02 trước tháng quý khách muốn sử dụng, đến ngày 03 trước ngày bạn muốn sử dụng nó.

Nếu bạn không thể sử dụng "Hệ thống Đặt chỗ / Thông tin Cơ sở Công cộng Thành phố Fuji", vui lòng gửi "Mẫu Đơn Đăng ký Đầu vào Thay thế" đến quầy tiếp nhận của Trung tâm Phát triển Thị trấn từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều vào các ngày trong tuần trong thời gian tiếp nhận.

・ Thời gian tiếp nhận đăng ký

Trung tâm phát triển thị trấn từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều các ngày trong tuần

Hệ thống Đặt chỗ / Thông tin Cơ sở Công cộng Thành phố Fuji Hoạt động 24 giờ một ngày

#### ◆ Về việc hủy sử dụng

Nếu bạn đến trễ thời gian đã hẹn trước, hoặc hủy bỏ không sử dụng nữa, vui lòng liên hệ với Trung tâm phát triển đô thị thành phố.

(có thể liên hệ qua điện thoại)

#### ◆ Bạn không thể được vào trung tâm phát triển đô thị thành

### ●まちづくりセンター

まちづくりセンターは、住みよい社会と豊かな生活づくりのために地域の諸団体が活動する場であり、市民の皆さんが集い、学ぶための身近な公共施設です。富士市の地域団体や社会教育関係団体、市内在住・在勤・在学の方などが中心となって組織された団体（5人以上）が行事や集会、学習会などを行う場合に利用できます。

・ 使用できる時間

(午前) 9:00~12:00

(午後) 13:00~17:00

(夜間) 18:00~21:15

・ 休館日

第3日曜日・祝休日・年末年始等

#### ◆使用団体登録について

まちづくりセンターを使用する際には、使用団体登録が必要となります。はじめてまちづくりセンターの使用申し込みをされる場合は、使用団体の審査及び承認が必要となりますので、平日の午前8時30分から午後5時までに直接ご来館ください。なお、すでに登録が済んでいる団体についても、年に1度の更新が必要となります。

#### ◆使用の申し込み

・受市ウェブサイト上の「富士市公共施設案内・予約システム」からパソコンやスマートフォンなどで申し込みをしてください。抽選により使用団体を決める申し込み（抽選申込）は、使用したい月の2か月前の1日から7日までに申し込みをしてください。抽選時に予約が入らなかった空き部屋の申し込み（通常申込）は、使用したい月の2か月前の月の8日午前8時30分から使用する日の3日前ま

phổ nếu vi phạm những điều sau

→ Có hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc làm tổn hại đến thuần phong mỹ tục.

→ Khi chúng tôi nhận ra bạn tham gia vào các hoạt động bạo lực tập thể, hoặc vì lợi ích riêng của tổ chức nào đó.

→ Có hành vi làm hư hỏng cơ sở vật chất của trung tâm.

→ Sử dụng trung tâm vào mục đích sinh lợi.

→ Sử dụng trung tâm cho các hoạt động chính trị hoặc tôn giáo.

→ Khi có vấn đề trong khâu quản lý của trung tâm.

→ Ngoài những mục đã liệt kê ở trên, khi, lãnh đạo thành phố, thị trưởng xét duyệt và không được chấp thuận

để với đơn đăng ký xin đăng ký.

「富士市公共施設案内・予約システム」を使用できない場合は、受付期間中の平日の午前 8 時 30 分から午後 5 時までに「代理入力申込書」をまちづくりセンターの窓口提出してください。

・受付時間

まちづくりセンターの窓口 平日の午前 8 時 30 分から午後 5 時まで

富士市公共施設案内・予約システム 24 時間受付可能

#### ◆使用の取り消し(キャンセル)について

予約時間に遅れる場合や、キャンセルをする場合は、速やかにまちづくりセンターにご連絡ください。

(電話でも可能です)

#### ◆まちづくりセンターの使用ができない場合

次のいずれかに該当するときは、まちづくりセンターを使用できません。

→公の秩序を乱し、又は善良な風俗を害するおそれがあると認めるとき。

→集团的又は常習的に暴力的不法行為を行うおそれがある組織の利益になると認めるとき。

→センターの施設等を損傷するおそれがあると認めるとき。

→営利を目的で使用するおそれがあると認めるとき。

→政治的又は宗教的活動に使用するおそれがあると認めるとき。

→センターの管理上支障があると認めるとき。

→上記に掲げるもののほか、市長が不相当と認めるとき。

#### ◆ Về góc dịch vụ công dân

Các trụ sở phục vụ công dân được thiết lập ở tất cả các trung tâm phát triển thị trấn, thẻ thị dân, bằng chứng thực con dấu và các loại giấy tờ khác được phát hành tại đây. Ngoài ra, lệ phí và các hồ sơ cần mang theo để làm thủ tục (chẳng hạn như con dấu) sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại giấy chứng nhận, vì vậy vui lòng liên hệ với từng trung tâm phát triển thị trấn để biết thêm chi tiết.

\* Chứng chỉ có thể được cấp

- Giấy chứng nhận tất cả các vấn đề về đăng ký gia đình
- Giấy xác nhận hộ khẩu cá nhân
- Giấy xác nhận ID cá nhân
- Bản sao giấy chứng nhận cư trú

(Kể cả người nước ngoài)

- Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

(Kể cả người nước ngoài)

- Giấy chứng nhận các loại lương hưu khác nhau

(chứng nhận tình trạng hưu trí)

- chứng nhận thu nhập
- Giấy chứng nhận thuế thu nhập
- Chứng chỉ định giá tài sản cố định
- Giấy chứng nhận thuế tài sản cố định
- Chứng chỉ thuế
- Giấy nộp thuế xe ô tô

\* Về các trụ sở trung tâm phát triển thị trấn

Có tất cả 26 trụ sở trung tâm phát triển thị trấn, thông tin về địa chỉ và số điện thoại có thể xem trên Trang web thành phố

#### ■ Liên hệ

Phòng Phát triển Thị trấn Tòa thị chính Fuji

(Phía bắc tầng 3 tòa thị chính)

Điện thoại 0545-55-2705

#### ● Thư viện

Cần có "thẻ thư viện" để mượn tài liệu thư viện (sách, đĩa CD, DVD).

Bạn chỉ cần điền thông tin vào đơn đăng ký tại quầy dịch vụ như tên, địa chỉ hiện tại, ngày sinh và thời gian lưu trú (thẻ cư trú, v.v.). ..

Sau đó sẽ được cấp thẻ. Nếu bạn thuộc tình trạng thường trú nhân

#### ◆ 市民サービスコーナーについて

すべてのまちづくりセンターに市民サービスコーナーが設置されており、住民票や印鑑証明などの諸証明が、より身近な場所で発行できます。なお、証明の種類によって手数料や手続きに持参するもの（請求者の印鑑等）が異なりますので、詳しくは各まちづくりセンターにお問い合わせください。

※発行できる証明

- 戸籍の全部事項証明書
- 戸籍の個人事項証明書
- 身分証明書
- 住民票の写し  
(外国人も含む)
- 印鑑登録証明書  
(外国人も含む)
- 各種年金の生存証明  
(年金現況証明)
- 所得証明書
- 所得課税証明書
- 固定資産評価証明
- 固定資産課税証明
- 納税証明書
- 軽自動車納税証明書

※各まちづくりセンターについては、市ウェブサイトトップページ「まちづくり」から全26箇所の所在地・連絡先などがご覧いただけます。

#### ■ 問い合わせ

富士市役所 まちづくり課

(市庁舎 3階北側)

電話 0545-55-2705

#### ● 図書館

図書館資料(本・CD・DVD)を借りる場合は「利用者カード」が必要です。

利用者カードは、サービスデスクにある申込書に必要事

đặc biệt, vui lòng xuất trình giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt và sẽ được cấp thẻ tại chỗ. Xin lưu ý rằng nếu thẻ bị mất hoặc bị hỏng, người dùng sẽ chịu phí cấp lại 100 yên. Thẻ thư viện không thể được chuyển nhượng hoặc cho người khác mượn.

◆ Thư viện Trung tâm

- Địa chỉ: 3-7 Nagata Kitamachi, Fuji City
- Điện thoại 0545-51-4946
- Giờ mở cửa

Thứ ba-thứ sáu

9: 00-19: 00

Thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ quốc gia 9: 00-17: 00

- Ngày nghỉ

Thứ Hai (thư viện sẽ cửa nếu Thứ Hai rơi vào ngày lễ và đóng cửa vào ngày hôm sau)

- Ngày sắp xếp sách

Thứ sáu tuần thứ tư trong tháng, ngày cuối năm và đầu năm mới

- Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng 1 đến 2 tuần vào đầu mùa thu

◆ Thư viện phía Tây thành phố Fuji

(Bên trong Fuji City Exchange Plaza)

- Địa chỉ: 20-1 Fujimachi, Fuji City
- Điện thoại 0545-64-2110
- Giờ mở cửa

Thứ ba-thứ sáu

9: 00-19: 00

Thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ quốc gia 9: 00-17: 00

- Ngày nghỉ

Thứ Hai (Mở cửa nếu Thứ Hai là ngày lễ quốc gia, đóng cửa vào các ngày trong tuần sau ngày hôm sau)

- Ngày sắp xếp sách

Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, cuối năm và năm mới

- Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

項を記入し、氏名・現住所・生年月日・在留期限が確認できるもの（在留カード等）を提示していただければ、その場で発行します。

特別永住資格をお持ちの方は、特別永住者証明書を提示していただければ、その場で発行します。

利用者カードを紛失・破損した場合、再発行料として100円が利用者負担となりますのでご注意ください。

利用者カードを他人に譲渡、貸与することはできません。

◆中央図書館

- 住所 富士市永田北町 3-7
- 電話 0545-51-4946
- 開館時間

火曜日～金曜日

9:00～19:00

土曜日・日曜日・国民の祝日 9:00～17:00

- 休館日

月曜日（月曜日が国民の祝日等の場合は開館し、翌日以降の平日が休館）

- 図書整理日

第4金曜日、年末年始

- 特別図書整理期間

秋に1～2週間程度

◆西図書館

(富士市交流プラザ内)

- 住所 富士市富士町 20-1
- 電話 0545-64-2110
- 開館時間

火曜日～金曜日

9:00～19:00

土曜日・日曜日・国民の祝日 9:00～17:00

- 休館日

月曜日（月曜日が国民の祝日等の場合は開館し、翌日以降の平日が休館）

- 図書整理日

第2金曜日、年末年始

Khoảng một tuần trong tháng Hai

◆ Thư viện Đông

(Bên trong Trung tâm Phát triển Thị trấn Yoshinaga)

• Địa chỉ: 1447-1 Hina, Fuji City

• Điện thoại 0545-38-1550

• Giờ mở cửa

9: 00-17: 00

(19h các ngày trong tuần trong tháng 8)

• Ngày nghỉ

Thứ hai, ngày lễ quốc gia (tháng 5)

Mở cửa vào ngày 5 và 3 tháng 11)

• Ngày sắp xếp sách

Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, cuối năm và năm mới

• Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng một tuần vào đầu mùa thu

◆ Thư viện Fuji Bunko

(bên trong toà nhà Takaoka Citizen's Plaza)

• Địa chỉ: 797-1 Hisawa, Thành phố Fuji

• Điện thoại 0545-72-1612

• Giờ mở cửa

9:00 đến 7:00

(Đến 19h các ngày trong tuần trong tháng 8)

• Ngày nghỉ

Thứ hai, ngày lễ quốc gia (mở cửa vào ngày 5 tháng 5 và ngày 3 tháng 11)

• Ngày sắp xếp sách

Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, cuối năm và năm mới

• Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng một tuần vào đầu mùa thu

◆ Thư viện trung tâm Chi nhánh Imaizumi

(Liên kết Trung tâm Phát triển Thị trấn Imaizumi)

• Địa chỉ 7-12-43 Imaizumi, Fuji City

• Điện thoại 0545-57-3737

• Giờ mở cửa

9: 00-17: 00

• Ngày nghỉ

Thứ hai, ngày lễ quốc gia (mở cửa vào ngày 5 tháng 5 và ngày 3 tháng 11)

• Ngày sắp xếp sách

Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, cuối năm và năm mới

• 特別図書整理期間

2月に1週間程度

◆ 東図書館

(吉永まちづくりセンター内)

• 住所 富士市比奈 1447-1

• 電話 0545-38-1550

• 開館時間

9:00～17:00

(8月の平日は19:00)

• 休館日

月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)

• 図書整理日

第2金曜日、年末年始

• 特別図書整理期間

秋に1週間程度

◆ 富士文庫

(鷹岡市民プラザと併設)

• 住所 富士市久沢 797-1

• 電話 0545-72-1612

• 開館時間

9:00～7:00

(8月の平日は19時まで)

• 休館日

月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)

• 図書整理日

第2金曜日、年末年始

• 特別図書整理期間

秋に1週間程度

◆ 中央図書館今泉分室

(今泉まちづくりセンターに隣接)

• 住所 富士市今泉 7-12-43

• 電話 0545-57-3737

• 開館時間

9:00～17:00

• 休館日

月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)

• 図書整理日

第2金曜日、年末年始

・ Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách  
Khoảng một tuần vào đầu mùa thu

◆ Thư viện Trung tâm Chi nhánh Takoura  
(Bên trong Trung tâm Phát triển Thị trấn Takoura)

- ・ Địa chỉ: 232 Nakamaru, Fuji City
- ・ Điện thoại 0545-66-4901
- ・ Giờ mở cửa  
9: 00-17: 00
- ・ Ngày nghỉ  
Thứ hai, ngày lễ quốc gia (mở cửa vào ngày 5 tháng 5 và ngày 3 tháng 11)
- ・ Ngày sắp xếp sách  
Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, nghỉ lễ năm mới
- ・ Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng một tuần vào mùa thu

◆ Thư viện Trung tâm Chi nhánh Obuchi  
(Bên trong Trung tâm Phát triển Thị trấn Obuchi)

- ・ Địa chỉ: 2885-4 Obuchi, Fuji City
- ・ Điện thoại 0545-35-0222
- ・ Giờ mở cửa  
9: 00-17: 00
- ・ Ngày nghỉ  
Thứ hai, ngày lễ quốc gia (mở cửa vào ngày 5 tháng 5 và ngày 3 tháng 11)
- ・ Ngày sắp xếp sách  
Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, cuối năm và năm mới
- ・ Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng một tuần vào mùa thu

◆ Thư viện trung tâm Chi nhánh Fujikawa  
(Bên trong Hội trường Fureai Fujikawa)

- ・ Địa chỉ: Fuji shi Iwabuchi 855-39
- ・ Điện thoại 0545-81-4814
- ・ Giờ mở cửa  
9: 00~17: 00
- ・ Ngày nghỉ  
Thứ hai, ngày lễ quốc gia (mở cửa vào ngày 5/5 và 3/11)
- ・ Ngày sắp xếp sách  
Thứ sáu tuần thứ hai trong tháng, nghỉ lễ năm mới
- ・ Thời gian đóng cửa để sắp xếp sách

Khoảng một tuần vào mùa thu

◆ Degoichi Bunko

- ・ 特別図書整理期間  
秋に1週間程度

◆ 中央図書館田子浦分室  
(田子浦まちづくりセンター内)

- ・ 住所 富士市中丸 232
- ・ 電話 0545-66-4901
- ・ 開館時間  
9:00~17:00
- ・ 休館日  
月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)
- ・ 図書整理日  
第2金曜日)、年末年始
- ・ 特別図書整理期間  
秋に1週間程度

◆ 中央図書館大淵分室  
(大淵まちづくりセンター内)

- ・ 住所 富士市大淵 2885-4
- ・ 電話 0545-35-0222
- ・ 開館時間  
9:00~17:00
- ・ 休館日  
月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)
- ・ 図書整理日  
第2金曜日、年末年始
- ・ 特別図書整理期間  
秋に1週間程度

◆ 中央図書館富士川分室  
(富士川ふれあいホール内)

- ・ 住所 富士市岩淵 855-39
- ・ 電話 0545-81-4814
- ・ 開館時間  
9:00~17:00
- ・ 休館日  
月曜日、国民の祝日(5月5日と11月3日は開館)
- ・ 図書整理日  
第2金曜日)、年末年始
- ・ 特別図書整理期間  
秋に1週間程度

◆ でごいち文庫  
(入山瀬公園内)

(Ō Iriyamase Park)

- Địa chỉ: 12-1 Takaoka Honmachi, Fuji City
- Điện thoại 0545-71-9044
- Giờ mở cửa

Thứ ba thứ bảy

14: 00-17: 00 (tháng 5-9)

13: 00-16: 00 (tháng 10-tháng 4)

Chủ nhật và kỳ nghỉ hè

9: 00-12: 00

- Ngày kết thúc

Thứ Hai (đóng cửa vào Thứ Ba nếu Thứ Hai là ngày lễ quốc gia), ngày lễ quốc gia

Đóng cửa vào mùa hè

(13-17 tháng 8)

Cuối năm và năm mới

(27 tháng 12 - 5 tháng 1)

#### ● Trung tâm giao lưu thành phố Fuji

Địa điểm tại Fuji City Exchange Plaza, bạn có thể sử dụng hội trường đa năng với sức chứa 400 người, phòng hội thảo, phòng tập âm nhạc. Exchange Plaza cũng có sảnh trao đổi quốc tế và Thư viện phía Tây.

- Địa chỉ: 20-1 Fujimachi, Fuji City
- Điện thoại 0545-65-5523
- Giờ mở cửa
- 9: 00-22: 00
- Ngày đóng cửa
- Ngày nghỉ cuối năm và lễ tết, v.v.

#### ● Phòng triển lãm giao lưu công nghiệp thành phố Fuji (Fujisan Messe)

Fujisan Messe là một phòng triển lãm đa năng nằm ở phía bắc của ga Shin-Fuji, có thể nhìn lên núi Phú Sĩ và có thể tổ chức nhiều cuộc triển lãm, sự kiện và hội nghị. Là một cơ sở công nghiệp nhằm mục đích phổ biến sự quyến rũ của Thành phố Fuji với thế giới và trao đổi con người, các ngành công nghiệp và hàng hóa, có một phòng triển lãm lớn 4000 mét vuông, một phòng hội nghị và phòng triển lãm nhỏ, và một phòng triển lãm ngoài trời.

- Địa chỉ: 189-8 Yanagishima, Fuji City
- Điện thoại 0545-65-6000

- 住所 富士市鷹岡本町 12-1
- 電話 0545-71-9044

•開館時間

火曜日～土曜日

14:00～17:00 (5月～9月)

13:00～16:00 (10月～4月)

日曜日と夏休み

9:00～12:00

•休館日

月曜日 (月曜日が国民の祝日等の場合は火曜日も休館)、国民の祝日

夏期休館

(8月13日～17日)

年末年始

(12月27日～1月5日)

#### ●富士市交流センター

富士市交流プラザ内にあり、400人収容の多目的ホールや会議室、音楽練習室などがご利用いただけます。交流プラザには、他に国際交流ラウンジや西図書館があります。

- 住所 富士市富士町 20-1

•電話 0545-65-5523

•開館時間

9:00～22:00

•休館日

年末年始、法定点検などのための臨時休館日

#### ●富士市産業交流展示場

(ふじさんめっせ)

ふじさんめっせは、富士山を仰ぐ新幹線新富士駅北側に立地し、様々な展示会、イベント、会議などが開催できる多目的展示場です。富士市の魅力を世界へ発信し、人・産業・モノの交流を目指す産業拠点として、4000平方メートル級の大展示場、会議室兼小展示場、屋外展示場などが整備されています。



- ・住所 富士市柳島 189-8
- ・電話 0545-65-6000

### ●ASTY Shin Fuji

Tại ASTY Shin-Fuji, nằm ở ga Shin-Fuji trên tàu TokaidoShinkansen, bạn có thể sử dụng các cửa hàng hấp dẫn liên quan đến thành phố Fuji, chẳng hạn như bán đặc sản địa phương. Ngoài ra, trung tâm thông tin du lịch liền kề.

- ・ Địa chỉ: 654-10 Kawanarijima, Fuji City
- ・ Điện thoại 054-255-1012

### ●Trạm ven đường, Fujikawa Rakuza

Trạm dừng chân Fujikawa Rakuza là một khu nghỉ chân, giải trí Fujikawa trên đường cao tốc Tomei (tuyến trên). Bên trong tòa nhà có nhiều điểm vui chơi, nhà hàng và quán cà phê với tầm nhìn ra núi Phú Sĩ, đặc sản địa phương, v.v.

Nó có một cửa hàng lưu niệm. Khung cảnh từ phòng quan sát, nơi nhìn ra chân núi Phú Sĩ, Vịnh Suruga và Bán đảo Izu, phía trước sông Fuji, một trong ba dòng chảy lớn của Nhật Bản, thực sự ngoạn mục.

Ngoài ra, còn có một bãi đậu xe nhiều tầng với sức chứa 210 ô tô, và tầm nhìn ra núi Phú Sĩ từ đài quan sát được lắp đặt trên tầng mái là một điểm không thể bỏ qua.

- ・ Địa chỉ: 1488-1, Iwabuchi, Fuji City
- ・ Điện thoại 0545-81-5555

### ●Đường ga tàu Fuji

Trên đường quốc lộ 1 gần ga tàu Yui sẽ mở 1 điểm tham quan mới sẽ được khánh thành vào ngày 21/12

Tại đây có các nhà hàng và cửa hàng lưu niệm trên tuyến Nobori, và có các món ăn đặc sản, các sản phẩm liên quan đến Núi Phú Sĩ, tại đây cũng có các sản phẩm nông nghiệp địa phương (vùng núi Phú Sĩ). Trên tầng thượng của tòa nhà, vào những ngày nắng đẹp bạn có thể nhìn cận cảnh núi Phú Sĩ. Có sân thượng, có thể dùng làm không gian nghỉ ngơi.

### ●ASTY新富士

東海道新幹線新富士駅にあるASTY新富士では、地元の特産物を取り扱うなど、富士市にゆかりのある魅力的な店舗をご利用いただけます。

また、観光案内所が隣接しています。

- ・住所 富士市川成島 654-10
- ・電話 054-255-1012

### ●道の駅・富士川楽座

道の駅富士川楽座は、道の駅と東名高速道路富士川サービスエリア（上り線）が接合する、オープン型ハイウェイオアシスです。館内には、各種アミューズメントや富士山を眺望できるレストラン・カフェ、地域特産品などのお土産売場を備えています。日本三大急流のひとつ、富士川を目前に、富士山の裾野から駿河湾・伊豆半島までを一望できる展望ラウンジからの眺めはまさに絶景です。

また、収容台数 210 台の立体駐車場が整備され、屋上階に設置されている展望台からの富士山の眺望は必見です。

- ・住所 富士市岩淵 1488-1
- ・電話 0545-81-5555

### ●道の駅 富士

静岡県の道の駅登録第一号の「道の駅 富士」は、国道 1 号富士由比バイパスの新たな観光スポットとして、令和元年 12 月 21 日にリニューアルオープンしました。

上り線には、レストランや土産物売り場があり、富士山にちなんだ商品メニューや地元の農

- Địa chỉ: Fuji City Gokanjima 669-1(Tuyển trên), 7081 (Tuyển dưới)
- Điện thoại 0545-63-2001

産品なども販売しています。建物屋上には、晴れた日には間近に富士山を見ることのできる屋上テラスがあり、休憩スペースとしてご利用いただけます。上り線と下り線は、地下連絡通路でつながっており、徒歩での往来が可能です。

- 住所 富士市五貫島 669-1 (上り線)、708-1 (下り線)
- 電話 0545-63-2001

### ● Hội trường Fureai Fujigawa thành phố Fuji

Hội trường có sức chứa 480 người, bạn có thể sử dụng làm phòng đào tạo, phòng hội thảo, phòng trà, phòng đa năng. Ngoài ra, Fureai Hall còn có Thư viện Trung tâm Thành phố Fuji chi nhánh Fujikawa.

- Địa chỉ: 855-39 Iwabuchi, Fuji City
- Điện thoại 0545-81-2333
- Giờ mở cửa 9: 00-21: 30
- Ngày đóng cửa Ngày nghỉ cuối năm và lễ tết, v.v.

### ●富士市富士川ふれあいホール

480人を収容できるホールを始め、研修室や会議室、和室や茶室、多目的室などがご利用いただけます。また、ふれあいホールには、富士市立中央図書館富士川分室もあります。

- 住所 富士市岩淵 855-39
- 電話 0545-81-2333
- 開館時間 9:00～21:30
- 休館日 年末年始、法定点検などのための臨時休館日

### ● Cộng đồng Trung tâm Hoạt động Công dân Fuji f

Trung tâm Hoạt động Công dân thành phố Fuji là cơ sở cơ sở cung cấp địa điểm cho các hoạt động, giao lưu và hợp tác để các hoạt động của công dân trong các lĩnh vực có thể được thực hiện tích cực nhằm thúc đẩy các hoạt động tự nguyện và lợi ích công cộng của công dân.

- Địa chỉ: Fuji shi Yoshihara 2-10-20  
Tầng 2 Lacross Yoshihara
- Điện thoại 0545-57-1221
- Giờ mở cửa Thứ hai Thứ bảy 10: 00～22: 00 Chủ nhật và ngày lễ 10: 00～17: 00
- Ngày đóng cửa Ngày nghỉ cuối năm và lễ tết, v.v.

### ●富士市民活動センター コミュニティ

富士市民活動センターは、市民の自主的で公益的な活動を促進するため、様々な分野の市民活動が活発に行われるよう活動の場や交流、連携の場を提供する拠点施設です。

- 住所 富士市吉原 2-10-20  
ラクロス吉原 2階
- 電話 0545-57-1221
- 開館時間 月曜～土曜日 10:00～22:00 日曜日、祝日 10:00～17:00
- 休館日

年末年始、法定点検など  
のための臨時休館日

## Thể thao và Giải trí

### ● Hồ bơi Fuji Marine

Có đường trượt thẳng, thiết bị chơi nước, hồ nước chảy, hồ gợn sóng, v.v. Mở cửa từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều từ thứ Bảy cuối cùng của tháng Sáu đến Chủ nhật đầu tiên của tháng Chín, và thời gian bơi là 16:45.

- Địa chỉ: 275-9 Tanaka Nitta, Fuji City
- Điện thoại 0545-33-3400
- Giá (kế hoạch)

Chung

Công dân Fuji 600 yên

800 yên cho người không phải là công dân

Học sinh tiểu học và trung học cơ sở

Công dân Fuji 300 yên

400 yên cho người không phải là công dân

Trẻ sơ sinh 100 yên

※Năm Lệnh Hoà 3 thì không thể sử dụng được nữa

### ● Công viên thể thao Fuji

Các cơ sở thể thao đa dạng như sân bóng chày, sân điền kinh, nhà thi đấu, sân tennis, sân sumo, hồ bơi nước nóng, sân bắn cung, v.v.

- Địa chỉ: 254-1 Obuchi, Fuji City
- Ngày đóng cửa

Thứ Năm thứ 4 hàng tháng

(Không bao gồm tháng 7 và tháng 8)

Cuối năm và năm mới

◆ Tòa nhà hành chính Phòng tập thể dục nhẹ

Thời gian sử dụng: 8:30 đến 21:00

◆ Sân vận động điền kinh

- Thời gian sử dụng

8:30-19:00

(Từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 đến 18:00)

- Điện thoại 0545-35-0151

◆ Sân vận động vườn

- Thời gian sử dụng

9:00-21:00

- Điện thoại 0545-35-3738

◆ Sân vận động Fuji

- Thời gian sử dụng

## スポーツ・レクリエーション

### ● 富士マリンプール

ストレートスライダー、水遊具、流水プール、さざ波プールなどがあります。営業は、6月最後の土曜日から9月最初の日曜日までの午前9時から午後5時まで、遊泳時間は16時45分までです。

- 住所 富士市田中新田 275-9

- 電話 0545-33-3400

- 料金 (予定)

一般

富士市民 600円

市民以外 800円

小中学生

富士市民 300円

市民以外 400円

幼児 100円

※令和3年度は利用できません。

### ● 富士総合運動公園

野球場、陸上競技場、体育館、テニス場、相撲場、温水プール、弓道場等いろいろなスポーツ施設が集まっています。

- 住所 富士市大淵 254-1

- 休場日

毎月 第4木曜日

(7月、8月は除く)

年末年始

◆管理棟軽体育室

利用時間: 8時30分~21時

◆陸上競技場

- 利用時間

8:30~19:00

(10月1日~3月31日は18時まで)

- 電話 0545-35-0151

◆庭球場

- 利用時間

8: 30-18: 00  
(Từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 3 đến 17:00)  
• Điện thoại 0545-36-1140

#### ●Sân vận động Fuji

Có phòng tập thể dục, một phòng judo, một phòng kiếm đạo, một phòng bắn cung và một phòng tập luyện.

- Địa chỉ: Fuji shi Miyukicho 8-1
- Điện thoại 0545-53-0900
- Thời gian 8: 30~21: 00
- Ngày đóng cửa

Thứ Hai thứ 4 hàng tháng(Không bao gồm tháng 7 và tháng 8)  
Cuối năm và năm mới

#### ● Sân vận động Fujikawa

Có nhà thi đấu, phòng tập đa năng và phòng tập.

- Địa chỉ: Fuji shi Kijima 89-1
- Điện thoại 0545-81-2111
- Thời gian 8: 30~21: 00
- Ngày đóng cửa

Thứ Hai của tuần thứ hai hàng tháng(Không bao gồm tháng 8)  
Cuối năm và năm mới

#### ● Hồ bơi Fuji

Có bể bơi, bể lặn, phòng tập.

- Địa chỉ: Fuji shi Obuchi266, Fuji City
- Điện thoại 0545-35-6022
- Thời gian  
10: 00~21: 00  
(nhận khách đến 20h45)
- Ngày đóng cửa  
Cuối năm và năm mới  
Ngày sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, v.v.

9:00~21:00

- 電話 0545-35-3738

#### ◆富士球場

- 利用時間

8:30~18:00

(10月1日~3月31日は  
17時まで)

- 電話 0545-36-1140

#### ●富士市立富士体育館

体育室、柔道場、剣道場、  
弓道場、トレーニングルーム  
などがあります。

- 住所 富士市御幸町 8-1
- 電話 0545-53-0900
- 利用時間

8:30~21:00

- 休館日  
毎月 第4月曜日  
(7月、8月は除く)  
年末年始

#### ●富士市立富士川体育館

体育室、多目的スタジオ、  
トレーニングルームなどがあ  
ります。

- 住所 富士市木島 89-1
- 電話 0545-81-2111
- 利用時間

8:30~21:00

- 休館日  
毎月 第2月曜日  
(8月は除く)  
年末年始

#### ●県富士水泳場

競泳プール、飛込プール、  
トレーニングルームなどがあ  
ります。

- 住所 富士市大淵 266
- 電話 0545-35-6022
- 利用時間

10:00~21:00

(トレーニングルームは  
20時45分まで)

- 休館日

年末年始  
その他施設設備日など

### ●Vương quốc trẻ em núi Phú Sĩ

Đây là một công viên rộng 94,5 ha tràn ngập thiên nhiên trải dài dưới chân núi Phú Sĩ. Công viên này được tạo thành từ các khu vực "Thảo nguyên", "Nước" và "Thành phố". Công viên được trang bị các thiết bị trò chơi. Ngoài ra còn có các cơ sở như du thuyền, trại ô tô và nhà nghỉ khách sạn để bạn có thể ở lại

- Địa chỉ: Fuji shi Kuwasaki1015, Fuji City
- Điện thoại 0545-22-5555
- Phí vào cửa

Miễn phí cho trẻ sơ sinh, học sinh tiểu học 200 yên

Học sinh trung học 410 yên

Người lớn 830 yên

- Giờ mở cửa

Tháng 4-tháng 9: 9:00 ~17:00

Tháng 10 - tháng 3: 9:00 ~16:00

- Ngày đóng cửa

Thứ Ba hàng tuần (tuy nhiên, tháng 5-10, kỳ nghỉ đông, kỳ nghỉ cuối năm và năm mới, kỳ nghỉ xuân, Golden week mở hàng ngày)

- Khách sạn

Phí sử dụng (mỗi tòa nhà / mỗi khu cắm trại)

#### ■ Pao

(Lớn)

- Thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày đặc biệt ¥ 8.350
- Các ngày trong tuần 6.600 yên
- Từ 2 ngày trở lên vào các ngày thường 5,100 yên (nhỏ)
- Thứ bảy, chủ nhật và các ngày cụ thể 4,150 yên
- Các ngày trong tuần 3.300 yên
- Từ 2 ngày trở lên vào các ngày thường 2,550 yên

#### ■ Khu cắm trại

- Thứ bảy, chủ nhật và các ngày đặc biệt 4,150 yên
- Các ngày trong tuần 3.300 yên
- Từ 2 ngày trở lên vào các ngày thường 2,550 yên

#### ■ Địa điểm cắm trại

### ●富士山こどもの国

富士山のすそのに広がる自然あふれる広さ94.5ヘクタールの公園です。この公園は、「草原の国」「水の国」「街」のエリアからできています。大地と自然が遊具であり、遊びの素材である公園です。また、パオやオートキャンプ、ホテルロジ等宿泊できる施設もあります。

- 住所 富士市桑崎 1015

- 電話 0545-22-5555

- 入園料

幼児無料・小学生 200円

中学生 410円

大人 830円

- 開園時間

4月～9月 9:00～17:00

10月～3月 9:00～16:00

- 休園日

毎週火曜日 (ただし5月から10月、冬休み、年末年始、春休み、ゴールデンウィーク、祝日は無休)

- 宿泊施設

利用料金 (パオ1棟あたり・キャンプ場1サイトあたり)

#### ■パオ

(大)

- 土日・特定日 8,350円

- 平日 6,600円

- 平日2日以降 5,100円

(小)

- 土日・特定日 4,150円

- 平日 3,300円

- 平日2日以降 2,550円

#### ■オートキャンプ場

- 土日・特定日 4,150円

- 平日 3,300円

- 平日2日以降 2,550円

#### ■キャンプサイト

- 土日・特定日 1,000円

- Thứ bảy, chủ nhật và các ngày đặc biệt 1.000 yên
- Các ngày trong tuần 800 yên
- từ 2 ngày trở lên vào các ngày thường 600 yên

- 平日 800 円
- 平日 2 日以降 600 円

## 公園

### ● Công viên trung tâm

Nó là một nơi thư giãn trải rộng giữa trung tâm của thị trấn. Vào vào những ngày nắng đẹp, có thể nhìn rõ núi Phú Sĩ được phản chiếu trong các hồ nước nơi các loài chim đang chạy nhảy vui đùa, ngoài ra tại đây còn thường xuyên tổ chức các buổi hoà nhạc, sân khấu ngoài trời.

- Địa chỉ đường phố

Fuji-shi Nagata-cho2-112 Nagata-cho

### ● Công viên Iwamotoyama

- Từ trên đỉnh, bạn có thể nhìn ra núi Phú Sĩ, Hakone, bán đảo Izu, vịnh Suruga và dãy Alps phía Nam ở phía xa. Vào đầu mùa xuân, khoảng 300 quả mận đỏ và trắng nở rộ trên nền núi Phú Sĩ trông rất đẹp.

- Địa chỉ: Fuji-shi Iwamoto1605

### ● Công viên Hiromi

Công viên tiếp giáp với Bảo tàng Thành phố, và nhiều tòa nhà lịch sử và tượng đài bằng đá liên quan đến thành phố Fuji được trưng bày trong công viên.

Ngoài ra còn có rừng điêu khắc, quảng trường hoa anh đào, vườn hoa hồng và rừng cây trên toàn quốc.

Ngoài ra, còn có những khu rừng ở Thành phố Oceanside, Hoa Kỳ, nơi có thành phố kết nghĩa với Thành phố Fuji, và những khu rừng ở Thành phố Kakou, Trung Quốc, có mối liên kết với thành phố hữu nghị với Thành phố Fuji

- Địa chỉ :

Fuji-shi Denpo ji Doteuchi 46 - 1

## 公園

### ●中央公園

まちの中心にゆったりと広がる憩いの場です。晴れた日には水鳥が遊ぶ池にさかさ富士がくっきりと映り、野外ステージではコンサートが開かれることもあります。

- 住所

富士市永田町 2 丁目 112

### ●岩本山公園

頂上からは、富士山や、箱根・伊豆半島・駿河湾・遠くは南アルプスまで一望することができます。早春の頃、富士山を背景にして咲き揃う約 300 本の紅白梅が見事です。

- 住所 富士市岩本 1605

### ●広見公園

市立博物館に隣接して広がる公園で、園内には富士市ゆかりの歴史的な建築物や、石碑などが数多く展示されています。

また、彫刻の森や桜の広場、バラ園、全国県木の森等もあります。

さらには、富士市と姉妹都市提携を結んでいるアメリカ・オーシャンサイド市の森と、友好都市提携を結んでいる中国・嘉興市の森もあります。

- 住所

富士市伝法字土手内 46-1

### ● Công viên tự nhiên Maruhi

- Bạn có thể quan sát côn trùng, động vật và thực vật trong công viên rừng tự nhiên. Ngoài ra còn có các hoạt động điền kinh, đường dạo, khu cắm trại và tiệc nướng.
- Để cắm trại, bạn cần phải đặt trước. (1000 yên mỗi đêm)  
Khu cắm trại: Shonen Nature House
- (SĐT 0545-35-1697)
- Địa chỉ: 10847-1, Obuchi, Fuji City

### ● Công viên ngôi nhà thiên nhiên

Nằm trong Công viên Tự nhiên Maruhi, đây là cơ sở phục vụ cho việc ăn ở theo nhóm của trẻ em và các hoạt động ngoài trời, đồng thời có thể được sử dụng cho các hoạt động học tập như đào tạo cho các công ty, v.v..

Chúng tôi cũng nhận đặt chỗ cắm trại ở Công viên Tự nhiên Maruhi.

- Địa chỉ: 10847-1, Obuchi, Fuji City
- Điện thoại 0545-35-1697

### ● Trung tâm giáo dục thanh thiếu niên

Trung tâm Giáo dục Thanh thiếu niên cung cấp các khóa học nghệ thuật tự do khác nhau cho những người trẻ tuổi để tiếp thu văn hóa, văn hóa và xã hội. Cũng là nơi để những người trẻ tuổi tụ tập, chẳng hạn như sinh hoạt câu lạc bộ.

- Địa chỉ: 1-1 Yashirocho, Fuji City  
(Ở Fuji City Education Plaza)
- Điện thoại 0545-55-0560

### ● Công viên Harada

Là một cơ sở cộng đồng trong khu vực Harada / Imaizumi, nó không chỉ đóng vai trò là cơ sở giải trí hàng ngày mà còn có chức năng như một công viên phòng chống thiên tai trong trường hợp

### ●丸火自然公園

自然林を生かしてつくった公園で、虫や動物、植物を観察することができます。フィールドアスレチックや遊歩道、キャンプ場、バーベキュー場の設備もあります。

キャンプをするためには、予約をする必要があります。(1サイト 1泊 1000円)

キャンプ場利用申し込み先  
少年自然の家  
(電話 0545-35-1697)

- 住所 富士市大淵 10847-1

### ●少年自然の家

丸火自然公園内にあり、子どもたちの集団宿泊生活や、野外活動の拠点になる施設であり、企業等の研修など学習活動にも利用できる施設で体育館、研修室、会議室、食堂、浴場等が揃っています。

丸火自然公園内のキャンプ場の予約もこちらで受け付けています。

- 住所 富士市大淵 10847-1
- 電話 0545-35-1697

### ●青少年教育センター

青少年教育センターは、青少年を対象として、文化や教養、社会性を身につけるため、各種教養講座を実施しています。また、サークル活動など、青少年が集う場所を提供しています。

- 住所 富士市八代町 1-1  
(富士市教育プラザ内)
- 電話 0545-55-0560

### ●原田公園

原田・今泉地区のコミュニティーの拠点として日常的な

có thiên tai.

- Địa chỉ đường phố  
704 Iimori Higashi, Harada, Thành phố Fuji

#### ● Rừng Sudoyama

- Nằm ở giữa Thung lũng Sudogawa, bạn có thể thưởng ngoạn Thác Otana ngoạn mục với đỉnh cao 21 mét và dòng chảy trong lành của Sudogawa.
- Đặc biệt vào tiết trời mùa thu, bạn có thể bắt gặp những tán cây nhuộm màu vàng đỏ đẹp mắt.
- Trong khu rừng giải trí, có một chuyến đi dạo tham quan và một địa điểm cắm trại (520 yên một địa điểm mỗi đêm. Thời gian từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 11).
- Để ngăn cháy rừng, bạn chỉ có thể sử dụng lửa trong những khu vực được chỉ định.
- 
- Địa chỉ: 1035 Eo, Thành phố Fuji
- Điểm đến đăng ký cắm trại
- Phòng quản lý rừng  
(SĐT 0545-55-2783)

#### ● Công viên Nodayama Kenko Ryokuchi

"Núi Noda" nằm ở độ cao 470 mét và đã được chọn là địa điểm thứ 24 trong 200 điểm ngắm Fujimi ở tỉnh Shizuoka và 100 điểm ngắm cảnh thiên nhiên ở tỉnh Shizuoka.

Tận dụng lợi thế của môi trường thiên nhiên phong phú, có Quảng trường Daishi, Quảng trường Kanamaruyama, Quảng trường Manyo, Quảng trường quan sát là nơi để cư dân nghỉ ngơi, thư giãn, được người dân trong và ngoài thành phố sử dụng.

- Địa chỉ: Nakanogo, Thành phố Fuji
- Yêu cầu

Phòng quản lý rừng  
(SĐT 0545-55-2783)

レクリエーションはもちろんですが、万が一の災害の際には防災公園としての機能を発揮します。

- 住所  
富士市原田字飯森東 704

#### ● 須津山休養林

須津川溪谷の中流部に位置し、落差 21 メートルの豪快な大瀑の滝とさわやかな須津川の流れを楽しむことができます。

特に秋の紅葉シーズンには、赤や黄色に美しく葉を染めた木々を見ることができます。

休養林内には、周遊遊歩道や、キャンプサイト(1 サイト 1 泊 520 円。4 月 1 日～11 月 30 日の期間)が設置されています。

山火事防止のため、決められた場所以外で火を使うことはできません。

- 住所 富士市江尾 1035 番地
- キャンプ申し込み先  
林政課  
(電話 0545-55-2783)

#### ● 野田山健康緑地公園

「野田山」は標高 470 メートルにあり、静岡県富士見 200 景・静岡県の自然百景 24 位に選ばれています。

豊かな自然環境を生かし、住民のやすらぎや憩いの場として、大師広場・金丸山広場・万葉広場・展望広場があり、市内外の人たちにより利用されています。

- 住所 富士市中之郷
- お問い合わせ先  
林政課  
(電話 0545-55-2783)





## Chữa cháy/Cấp cứu

消防・救急

### Chữa cháy

#### ● Nếu xảy ra đám cháy Gọi số 119

Để bảo vệ tính mạng và tài sản của mọi dân cư thành phố khỏi các thảm họa như hỏa hoạn, thành phố có trụ sở chữa cháy và phòng chữa cháy, đội chữa cháy.

#### ● Hãy chú ý những điều sau trong cuộc sống hằng ngày

- Trước khi đi ngủ, khi đi ra ngoài, phải kiểm tra những nơi có thể xảy ra cháy
- Không hút thuốc khi ngủ
- Không để bật que và diêm ở chỗ trẻ em nhìn thấy được
- Để lò và bếp, v.v. cách xa những vật dễ cháy, và sử dụng đúng cách.

#### ● Nếu có đám cháy xảy ra

- Lập tức gọi báo cho số 119
- La to lên để báo cho gia đình và hàng xóm biết
- Khi lửa nhỏ thì bình tĩnh dùng bình cứu hỏa để dập lửa.
- Khi không thể dập lửa thì nhanh chóng chạy trốn đi

#### ● Không hoảng hốt khi thông báo về đám cháy, và nói thật rõ ràng

Khi khẩn cấp thì ai cũng dễ bị hoang mang. Hãy bình tĩnh và nói chậm.

“Có đám cháy. Nhà( Phòng chứa đồ, cò, rùng) đang bị cháy. Địa điểm là nhà ○○ ở số ○○ phường ○○, mục tiêu là phía ○○ (phương vị) của ○○ (kiến trúc lớn, v.v.)”

### Báo cháy khu dân cư

Khi đám cháy bùng lên, phần lớn thời gian bạn sẽ nhận thấy nó bằng năm giác quan: bạn có thể nhìn thấy khói và ngọn lửa bằng mắt, bạn có thể ngửi thấy mùi khét bằng mũi và bạn có thể

### 消防

#### ●火事が起きたら 知ったら 119 番

市民の皆さんの命と財産を火災などの災害から守るため、市には消防本部と消防署、消防団があります。

#### ●ふだんから気をつけよう

- 寝る前、外出する時は必ず火の元を確かめて
- 寝たばこはしない
- ライターやマッチは子どもの目に触れないところへ
- ストーブやコンロなどは、燃えやすいものから十分に離して、正しい取扱いをする

#### ●もし火事になったら

- すぐに 119 番通報をする
- 大きな声で家族や近所の人たちに知らせる
- 火が小さいときは、落ちついて消火器などで消火する
- 消火できないときは、早く逃げる

#### ●火事の通報はあわてず、はっきりと

緊急のときは誰でも気が動転するものです。落ちついてゆっくりと話して下さい。

「火事です。家(物置、草、森)が燃えています。場所は○○町○○番地の○○宅、目標は○○(大きな建物など)の○○側(方位)です。」

### 住宅用火災警報器

火災が発生したときは、目で煙や炎をみたり、鼻で焦げ

cảm nhận được âm thanh tanh tách bằng tai. Tuy nhiên, sẽ khó phát hiện đám cháy khi bạn đang ngủ hoặc khi bạn đang tập trung vào những thứ trong một căn phòng có vách ngăn. Do đó, "thiết bị báo cháy gia đình" là thiết bị đầu tiên phát hiện và thông báo cho bạn về sự bùng phát của đám cháy trong nhà bạn.

Thiết bị báo cháy dân dụng là thiết bị phát hiện khói và nhiệt độ đám cháy sinh ra và báo động bằng âm thanh hoặc giọng nói để thông báo sự bùng phát của đám cháy. Ngoài ra, có một loại phát báo động không dây kết hợp với báo động được cài đặt trong phòng khác và một loại thông báo cho người khiếm thính bằng ánh sáng hoặc rung động.

Hệ thống báo cháy khu dân cư bảo vệ tính mạng và tài sản của bạn và những người thân yêu của bạn khỏi hỏa hoạn. Ngoài ra, bằng cách phát hiện đám cháy ở giai đoạn sớm, các hành động như báo cáo và dập lửa ban đầu có thể được đẩy nhanh, và giảm thiệt hại do cháy lan sang khu vực lân cận.

Do đó, theo Luật Phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy của khu dân cư phải được lắp đặt ở tất cả các phòng ngủ và cầu thang của khu dân cư (nếu phòng ngủ ở tầng khác với tầng một).

[Mua báo cháy dân dụng ở đâu]

Bạn có thể mua nó tại các đại lý thiết bị phòng chống thiên tai, cửa hàng thiết bị điện, trung tâm gia đình, đại lý bán lẻ thiết bị gia dụng, v.v.

Các thiết bị báo cháy dân dụng đã đạt tiêu chuẩn quốc gia sẽ được đóng dấu tem đạt tiêu chuẩn kiểm duyệt.

臭いにおいを感じたり、耳でぱちぱちという音を感じたり・・・と五感によって気づくことがほとんどだと思います。しかし、それだけでは、就寝中や仕切られた部屋などで物事に集中している時などには、火災に気づくのが遅れてしまいます。

そこで、家庭内での火災の発生をいち早くキャッチし、知らせてくれるのが、『住宅用火災警報器』です。

住宅用火災警報器は、火災により発生する煙や熱を感知し、音や音声などにより警報を発して火災の発生を知らせてくれる機器です。また、無線ではほかの部屋に設置した警報器と連動して警報を発するものや、目や耳の不自由な方に光や振動で知らせるタイプのものもあります。

住宅用火災警報器は、あなた自身はもちろん、大切な家族の命や財産を火災から守ります。また、火災を早期に見出すことで、初期消火や通報などの行動が早まり、近隣への延焼による被害も軽減できます。

そのため消防法では、すべての住宅の寝室や階段（寝室が1階以外にある場合）に住宅用火災警報器を設置しなければなりません。

【住宅用火災警報器はどこで購入するのか】

防災設備取扱店や電気器具販売店、ホームセンター、家電量販店などで購入できます。

国が定める規格に合格した住宅用火災警報器には、下記の検定合格の表示が付されています。



[Lắp đặt thiết bị báo cháy dân dụng ở đâu]

Về cơ bản, các thiết bị báo cháy của khu dân cư nên được lắp đặt ở đầu cầu thang của tầng có phòng ngủ và phòng ngủ (không bao gồm cầu thang ở tầng 1).

Ngoài ra, tùy thuộc vào số tầng của ngôi nhà, nó có thể cần thiết cho những nơi khác (cầu thang).

[Sau khi lắp đặt báo cháy khu dân cư]

Thiết bị báo cháy khu dân cư là thiết bị quan trọng trong việc cứu sống mạng người. Hãy thường xuyên kiểm tra hàng ngày để thiết bị hoạt động tốt trong trường hợp khẩn cấp

#### ● Khi chuông báo động kêu

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn, hãy hô lớn tiếng báo cho những người xung quanh và gọi số 119. Hãy dập tắt ngọn lửa nếu có thể.

Nếu không phải là đám cháy, hãy nhấn nút dừng báo động hoặc kéo dây nếu nó có dây. Nếu bạn phát hiện thấy có khói, hơi nước, v.v. hãy mở cửa thông gió để tránh bị ngộp.

#### ● Phương pháp kiểm tra

1 Kiểm tra mỗi tháng một lần để xem nó có hoạt động bình thường không.

2 Cách sửa chữa, bảo hành

Bụi bám trên đầu báo cháy gây khó khăn cho việc phát hiện đám cháy hãy lau sạch bụi bằng khăn khô

3 Thời gian thay thế

Khi hết pin, thiết bị sẽ tự thông báo cho bạn bằng giọng nói và một số phát ra âm thanh báo. Hãy thay pin mới trước khi sử dụng. Ngoài ra, tuổi thọ của các thiết bị là khoảng 10 năm. Sau 10 năm kể từ ngày lắp đặt, hãy thay thiết bị mới.

【住宅用火災警報器はどこに設置するのか】

住宅用火災警報器は、基本的に寝室と寝室がある階の階段上部（1階の階段は除く。）などに設置することが必要です。

また、住宅の階数等によっては、その他の箇所（階段）にも必要になる場合があります。

【住宅用火災警報器を設置した後は】

住宅用火災警報器は、命を守る大切な機器です。「いざ」というときにしっかり作動するように、日頃から手入れや点検をしましょう。

#### ●警報が鳴ったとき

火災の場合は大声で周りに知らせ、119番通報しましょう。可能なら消火を行ってください。

火災ではないときは、警報音停止ボタンを押すか、ひもが付いているタイプのものはひもを引いてください。調理の煙や、湯気、殺虫剤などを感知して警報が鳴った場合は、換気をしてください。

#### ●点検の方法

1 正常に作動するか、月に1回は確認しましょう。

2 お手入れの方法

感知器にホコリが付くと火災を感知しにくくなります。汚れは乾いた布でふき取りましょう

3 交換の時期

電池切れの際は、音声で知らせてくれるものや、ピッ、

[Cẩn thận với việc buôn bán các chất phòng cháy độc hại]  
Lợi dụng việc lắp đặt hệ thống báo cháy bắt buộc của khu dân cư, các dịch vụ mua bán độc hại đang diễn ra, thậm chí họ còn đến từng nhà người dân để chào hàng, bán và lắp đặt hệ thống phòng cháy, sau đó thu một khoản tiền lớn.

Sở cứu hỏa không có hoạt động buôn bán trực tiếp các dụng cụ, chất phòng cháy. Nếu bạn cảm thấy khó chịu khó chịu trong việc bị chào hàng mua các dụng cụ phòng chống chữa cháy, vui lòng liên hệ với bộ phận cứu hỏa tại chỗ. Nếu bạn cho rằng mình đã bị thiệt hại, vui lòng liên hệ ngay với Trung tâm các vấn đề người tiêu dùng của Nhật Bản: 0545-55-2756.

#### ■Liên hệ

Phòng phòng chống chữa cháy Tòa thị chính thành phố Fuji  
(văn phòng phòng chống chữa cháy tầng 2)  
Điện thoại 0545-55-2859

## Cấp cứu

### ● Gọi xe cấp cứu!! Gọi số 119

Trường hợp gọi thông báo đến số 119, hãy chú ý những điều sau.

1. Nếu có người biết tiếng Nhật ở gần, hãy nhờ người đó gọi báo.
2. Nhân viên tiếp nhận số 119 sẽ hỏi địa điểm (địa chỉ), tên, vật mục tiêu, tình trạng bệnh và tai nạn, v.v. nên hãy bình tĩnh và trả lời chậm rãi.
3. Nếu tình huống còn bảo đảm được an toàn và có khả năng thì hãy gọi cho xe cấp cứu.
4. Tùy theo tình trạng của người cần xe cấp cứu mà nhân viên tiếp nhận số 119 sẽ hướng dẫn cách sơ cứu, hãy làm theo theo hướng dẫn đó.

Thông báo từ điện thoại di động khác với điện thoại cố định (điện thoại bình thường và điện thoại công cộng), do có sai số về địa điểm phát tín hiệu (vài m đến vài km) nên có thể cần thời gian để xác định địa điểm tai nạn.

Khi bạn có cả điện thoại cố định và điện thoại di động, nếu có

ピッ・・・と短い音が一定の間隔で鳴る物があります。新しい電池に交換して使用してください。また、本体の寿命は、約10年です。設置後10年を目安に新しい機器に交換してください。

【悪質な訪問販売に注意してください】

住宅用火災警報器の義務化に便乗して、ご家庭へ訪問し販売や取り付けを行い、高額な代金を請求する悪質販売が発生しています。

消防署が特定の業者に販売を依頼したり、直接販売することはありません。あやしいと思ったら、その場で消防署へ連絡してください。もし被害にあったと思ったらすぐに「消費生活センター：0545-55-2756」へご相談ください。

### ■問い合わせ

富士市役所 予防課  
予防担当  
(消防防災庁舎2階)  
電話 0545-55-2859

## 救急

### ●救急車を呼ぶ!! 119番

119番通報をする場合は、次のことに注意してください。

- 1 日本語の分かる方が近くに  
いる場合は、その方に通報を頼んでください。
- 2 場所 (住所)、名前、目標物、病気や事故等の状況を  
119番受付員が聞きますので、落ちついてゆっくりと答えてください。
- 3 安全が確保できる状況で  
余裕がある場合は、救急車に合図をしてください。

thể ưu tiên thông báo cho số 119 từ điện thoại cố định thì việc xác định địa điểm tai nạn sẽ nhanh hơn và hành động cũng nhanh hơn.

4 救急車を必要とする人の容態によっては、119番受付員が応急手当の口頭指導をすることがありますので、その指示に従ってください。

携帯電話からの通報は固定電話（一般電話や公衆電話）と違い、発信場所に誤差（数メートル～数キロメートル）があるため、災害場所の特定に時間を要する場合があります。

あなたの近くに固定電話と携帯電話の両方があった場合には、固定電話からの119番通報を優先していただければ、災害地点確定が早くなり出動も早くなります。



## Sự kiện

## イベント

### ● Bảo tàng Fureai

- Thời gian tổ chức  
Tháng 5 hàng năm
- Địa điểm

Bảo tàng công chúa núi Phú Sĩ Kaguya, các cơ sở triển lãm ngoài trời, v.v.

- Nội dung  
Hoạt động tại bảo tàng và giới thiệu các đoàn thể liên kết  
Bạn có thể vừa ngắm hoa hồng vừa tham dự và trải nghiệm các hoạt động diễn ra tại bảo tàng

### ● Điểm trưng bày dưới chân núi Phú Sĩ

- Thời gian tổ chức  
Cuối tháng 5 hàng năm
- Địa điểm

Phòng triển lãm giao lưu sản nghiệp thành phố Fuji (Fujisan Messe)

- Nội dung  
Với chủ đề "thực phẩm" và "sức khỏe" các sự kiện và ẩm thực đặc trưng nổi tiếng, hấp dẫn quanh núi Phú Sĩ được tổ chức tại Fujisan Messe)

### ● Triển lãm thành phố Fuji

- Thời gian tổ chức  
3 tuần trong tháng 6 và tháng 7 hàng năm (3 buổi)
- Địa điểm  
Phòng triển lãm của Trung tâm Văn hóa Thành phố Fuji (Rozesiata)
- Nội dung  
Đây là một cuộc triển lãm công khai các tác phẩm nghệ thuật. Gồm 5 loại hình nghệ thuật là hội họa, điêu khắc, thư pháp, nhiếp ảnh. Bạn có thể tham dự miễn phí

### ● Lễ hội Fuji

- Thời gian  
Chủ nhật tuần thứ 4 của tháng 7 hàng năm
- Địa điểm

### ● Bảo tàngふれあい月間

- 開催期間  
毎年5月
- 開催場所  
富士山かぐや姫ミュージアム、屋外展示施設ほか
- 内容  
博物館の活動や、利用する団体などの活動を紹介します。  
満開のバラを見ながら、いろいろな体験ができます。

### ● 富士のふもとの大博覧会

- 開催期間  
毎月下旬
- 開催場所  
富士市産業交流展示場 (ふじさんめッセ)
- 内容  
「食」と「健康」をテーマに富士山周辺の食の魅力がふじさんめッセに集まるイベントです。

### ● 富士市展

- 開催期間  
毎年6月、7月のうち3週間 (3会期)
- 開催場所  
富士市文化会館 (ロゼシアター) 展示室
- 内容  
美術作品の公募展です。部門は、絵画・彫刻・書道・写真・工芸の5部門があります。無料でご覧いただけます。

### ● 富士まつり

- 開催時期  
毎年7月の第4日曜日
- 開催場所

Rozesiata, Công viên Trung tâm và Công viên Aoba Dori phía trước Công viên Trung tâm

- Nội dung

Đây là lễ hội của người dân tại Fuji, bao gồm các tiết mục biểu diễn, múa ...Có rất nhiều sự kiện mà người ngoại quốc có thể tham gia

#### • Việc làm trẻ em

- Thời gian

Giữa tháng 8 hàng năm

- Địa điểm

Phòng triển lãm giao lưu sản nghiệp thành phố Fuji (Fujisan Messe)

- Nội dung

Đây là sự kiện tổ chức cho trẻ em trải nghiệm công việc  
Có rất nhiều loại công việc cho trẻ trải nghiệm như nhân viên bán hàng, thợ thủ công...

#### • Lễ hội kỹ năng thành phố Fuji

- Thời gian

Giữa tháng 8 hàng năm

- Địa điểm

Phòng triển lãm giao lưu sản nghiệp thành phố Fuji (Fujisan Messe)

- Nội dung

Đây là sự kiện người dân có thể tham gia trải nghiệm sản xuất hoặc tìm kiếm công việc

#### • Huấn luyện phòng chống thiên tai / đào tạo phòng chống thiên tai khu vực

- Thời gian

Tuần lễ phòng chống thiên tai

30 tháng 8 - 5 tháng 9

Đào tạo toàn diện về phòng chống thiên tai

Ngày 1 tháng 9

Tập huấn phòng chống thiên tai khu vực

Chủ nhật đầu tiên của tháng 12

- Địa điểm

Hội tình nguyện phòng chống thiên tai nơi cư trú

- Nội dung

Tham gia tập huấn, giả sử khi một trận động đất bất ngờ xảy ra thì những hành động khẩn cấp cần làm là gì.

Ngoài ra, hãy kêu gọi hàng xóm, bạn bè cùng tham gia các trận

ロゼシアター、中央公園及び中央公園前青葉通り

- 内容

富士市民のお祭りです。市民総おどりや市民パフォーマンスなど、市民が参加できるイベントがたくさんあります。

#### • キッズジョブ

- 開催時期

毎年8月中旬

- 開催場所

富士市産業交流展示場（ふじさんめッセ）

- 内容

子どもが仕事を体験するイベントです。商店主、職人など、いろいろな種類の仕事を体験できます。

#### • 富士市技能フェスティバル

- 開催期間

毎年8月中旬

- 開催場所

富士市産業交流展示場（ふじさんめッセ）

- 内容

ものづくりの良さを市民に伝えるために、ものづくりを体験したり、職人の仕事を見せたりするイベントです。

#### • 総合防災訓練・地域防災訓練

- 開催時期

防災週間

8月30日～9月5日

総合防災訓練

9月1日

地域防災訓練

12月第1日曜日

- 開催場所

居住地の自主防災会

- 内容

巨大地震が突然発生したことを想定し、地震の発生時の行動を確認してください。また、近所の人たちと

tập huấn đối phó động đất, thiên tai

● **Ngày hội sức khỏe**

- ・ Thời gian

Cuối tháng 9 hàng năm

- ・ Địa điểm

Philance

- ・ Nội dung

Với chủ đề " thành phố Fuji mạnh khỏe, lành mạnh" mọi cá nhân và gia đình hãy cùng tham gia để xây dựng cuộc sống khoẻ mạnh, thường xuyên kiểm tra ung thư, kiểm tra lượng mỡ trong cơ thể và mật độ xương cũng như tham gia các cuộc chạy bộ, nâng cao sức khoẻ

● **Lễ hội văn hóa tổng hợp thành phố Fuji**

- ・ Thời gian

Địa điểm Fujikawa: Cuối tháng 5 hàng năm

Kỳ đầu:

Khoảng một tuần vào đầu tháng 10 hàng năm

Kỳ sau:

Khoảng một tuần vào cuối tháng 10 hàng năm

- ・ Địa điểm

Địa điểm Fujikawa:

Hội trường Fureai Fujikawa

Kỳ đầu ・ Kỳ sau:

Trung tâm văn hóa thành phố Fuji (Rozesiata)

- ・ Nội dung

Đây là sự kiện mà bạn có thể tham gia với nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau, tùy vào mỗi khu vực các loại hình văn hoá nghệ thuật khác nhau sẽ được tổ chức theo từng ngày

● **Lễ hội phúc lợi công dân**

- ・ Thời gian

Chủ nhật thứ 3 của tháng 10 hàng năm

- ・ Địa điểm

Khu tổ chức sự kiện , phía tây Công viên Trung tâm

- ・ Nội dung

Đây là sự kiện bao gồm các vấn đề sân khấu, chợ, phúc lợi, trẻ em mà mọi người có thể tự do tham gia và và thoải mái bày tỏ nguyện vọng ý kiến để cùng nhau xây dựng một thành phố Fuji phát triển hơn

いっしょに、地域で計画される訓練に参加してください。

● **健康まつり**

- ・ 開催時期

毎年 9 月下旬

- ・ 開催場所

フィランセ

- ・ 内容

「健康でえがおあふれる明るい富士市」をテーマに実施。がん検診、体脂肪や骨密度の測定、ハイハイヨチヨチレースなど実施。家族で健康づくりをしましょう。

● **富士市総合文化祭**

- ・ 開催時期

富士川会場：毎年 5 月下旬

前期：

毎年 10 月上旬の約 1 週間

後期：

毎年 10 月下旬の約 1 週間

- ・ 開催場所

富士川会場：

富士川ふれあいホール

前期・後期：

富士市文化会館（ロゼシアター）

- ・ 内容

連日、市内の文化団体による舞台発表や展示、講演会などが行われ、さまざまな芸術文化に触れられるイベントです。

● **市民福祉まつり**

- ・ 開催時期

毎年 10 月第 3 日曜日

- ・ 開催場所

中央公園西側 イベント広場

- ・ 内容

ステージ、バザー、福祉、子ども、啓発部門があり、あらゆる人が気軽に心地よくふれ合いながら、福祉や共に生きるまちづくりにつ



いて考えるイベントです。

● **Hội chợ giao lưu quốc tế**

- ・ Thời gian

Chủ nhật đầu tiên của tháng 2 hàng năm

- ・ Địa điểm

Fujisan Messe (Phòng triển lãm giao lưu công nghiệp thành phố Fuji)

- ・ Nội dung

Đây là sự kiện giao lưu quốc tế dành cho người Nhật và người ngoại quốc sống tại thành phố Fuji, là nơi mọi người cùng nhau tụ họp chia sẻ về những nét đặc sắc của văn hoá quốc gia mình thông qua giao lưu ẩm thực đặc trưng của từng quốc gia và các vũ điệu nhảy.

● **Lễ hội tại cảng Tagonoura**

- ・ Thời gian

Giữa tháng 11 hàng năm

- ・ Địa điểm

Cảng Tagonoura, xung quanh bến cảng thành phố Fuji

- ・ Nội dung

Đây là sự kiện để mọi người cùng làm quen, trải nghiệm không khí sôi động với biển và tàu, thuyền... tại cảng Tagonoura

● **Fuji Bousai**

- ・ Thời gian

Thứ bảy thứ 3 của tháng 11 hàng năm

Địa điểm

Fujisan Messe (Phòng triển lãm giao lưu công nghiệp thành phố Fuji)

- ・ Nội dung

Các hoạt động để mọi người trên thế giới, từ trẻ em đến người lớn học và có những trải nghiệm thú vị về các hoạt động phòng chống thiên tai

● **Hội chợ trao đổi năng lượng sản xuất**

- ・ Thời gian

Được tổ chức vào khoảng tháng 2 của những năm lẻ

- ・ Địa điểm

Fujisan Messe

- ・ Nội dung

Đây là cuộc triển lãm tổng hợp. Tại đây, các công ty sản xuất ở thành phố Fuji tập hợp và giới thiệu công nghệ và sản phẩm của công ty mình.

● **国際交流フェア**

- ・ 開催期間

毎年2月の第1日曜日

- ・ 開催場所

ふじさんめっせ（富士市産業交流展示場）

- ・ 内容

富士市に住む外国人や国際交流団体が集まるイベントです。世界の料理や踊りが楽しめます。

● **田子の浦ポートフェスタ**

- ・ 開催時期

毎年11月中旬

- ・ 開催場所

田子の浦港 富士埠頭周辺

- ・ 内容

田子の浦港のにぎわいづくりに向け、港・海・船に親しむイベントです。

● **ふじ Bousai**

- ・ 開催期間

毎年11月の第3土曜日

- ・ 開催場所

ふじさんめっせ（富士市産業交流展示場）

- ・ 内容

子供から大人まで、幅広い世代が楽しく防災を学び・体験できるイベントです。

● **ものづくり力交流フェア**

- ・ 開催時期

奇数年の2月頃開催

- ・ 開催場所

ふじさんめっせ

- ・ 内容

富士市のものづくり企業が集まり、技術や製品を紹介する総合展示会です。